

Danh mục biện pháp – Phụ lục XV

(PHỤ LỤC IV QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN (EU) 2021/1698 ngày 13 tháng 7 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các yêu cầu về thủ tục công nhận cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát có thẩm quyền thực hiện kiểm soát về các nhà điều hành và các nhóm nhà điều hành được chứng nhận là hữu cơ và các sản phẩm hữu cơ ở nước thứ ba, cũng như các quy định về giám sát và kiểm soát của họ cũng như các hoạt động khác do các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đó thực hiện)

Danh mục các biện pháp trong trường hợp vi phạm và vi phạm quy tắc

Trong trường hợp có sự bất thường hoặc vi phạm các quy tắc của Quy định (EU) 2018/848 hoặc Tiêu chuẩn BIO-DQS về canh tác hữu cơ, có trong quy trình kiểm tra hoặc do các cuộc điều tra và đánh giá tuân thủ đang diễn ra, các biện pháp trừng phạt sẽ được áp dụng tại nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất.

Các biện pháp trừng phạt được Giám đốc Chứng nhận Sản phẩm của DQS Ba Lan áp dụng theo yêu cầu của một nhân viên thực chất. Trong trường hợp tái diễn những sai phạm hoặc vi phạm, mức xử phạt được áp dụng sẽ cao hơn mức tối thiểu, tuy nhiên, Giám đốc Chứng nhận có thể quyết định trong những trường hợp chính đáng áp dụng lại mức xử phạt tối thiểu nếu các yêu cầu khác không nêu khác.

Sau đây được trình bày dưới đây:

- A. Các quy định bổ sung về hành động được thực hiện trong trường hợp không tuân thủ
- B. Quy định bổ sung về biện pháp xử lý trong trường hợp không tuân thủ
- C. Danh mục các biện pháp được đề cập tại Điều 22(3) của Quy định EU 2021/1698 bao gồm các thủ tục tố tụng trong trường hợp có sai phạm và vi phạm

A. Các quy định bổ sung về hành động được thực hiện trong trường hợp không tuân thủ

1. Khi DQS EN nghi ngờ hoặc nhận được thông tin hợp lý, kể cả từ các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khác, rằng một sản phẩm có thể không tuân thủ Quy định (EU) 2018/848 sẽ được nhập khẩu từ nước thứ ba để đưa vào sử dụng, thị trường trong Liên minh nhưng có dấu hiệu liên quan đến sản xuất hữu cơ hoặc khi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được nhà điều hành thông báo về việc nghi ngờ không tuân thủ theo Điều 27 của Quy định đó:
 - a) ngay lập tức tiến hành điều tra để xác minh việc tuân thủ Quy định (EU) 2018/848 hoặc các hành vi được ủy quyền hoặc thực thi được thông qua theo Quy định đó; cuộc điều tra đó phải được hoàn thành càng sớm càng tốt và trong thời gian hợp lý, có tính đến tính bền vững của sản phẩm và mức độ phức tạp của vụ việc
 - b) cấm nhập khẩu sản phẩm liên quan từ nước thứ ba đó nhằm mục đích đưa sản phẩm đó vào thị trường Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, trong khi chờ kết quả điều tra nêu tại điểm (a). Trước khi đưa ra quyết định tạm thời như vậy, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phải cho người điều hành hoặc nhóm người điều hành cơ hội đưa ra ý kiến.
 - c) Nếu cuộc điều tra nêu tại khoản 1(a) không cho thấy bất kỳ hành vi không tuân thủ nào ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi thì việc sử dụng các sản phẩm này và ghi nhãn của chúng là sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi sẽ được phép.
2. DQS EN đã xây dựng một danh mục các biện pháp được áp dụng khi phát hiện hành vi không tuân thủ. Danh mục các biện pháp này dựa trên các yếu tố được nêu trong Phụ lục IV của Quy định (EU) 2021/1698 và bao gồm:
 - a) danh sách các trường hợp không tuân thủ, có tham chiếu đến các điều khoản cụ thể của Quy định (EU) 2018/848 hoặc các hành vi được ủy quyền hoặc triển khai được thông qua theo Quy định đó; danh sách này phải bao gồm ít nhất những trường hợp không tuân thủ được liệt kê trong Phần B của Phụ lục IV của Quy định (EU) 2021/1698;
 - b) phân loại sự không tuân thủ thành ba loại:
 - người vị thành niên
 - lớn lao
 - phê bình

như được nêu trong Phần A của Phụ lục IV của Quy định (EU) 2021/1698, có tính đến các tiêu chí sau:

- việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa nêu tại Điều 28(1) của Quy định (EU) 2018/848,
 - các biện pháp thực tế nêu tại Điều 10(1)(a)(ii) của Quy định (EU) 2021/1698
 - và độ tin cậy của các cuộc kiểm tra riêng do nhà điều hành hoặc nhóm nhà điều hành thực hiện theo Điều 11(1)(f) của Quy định (EU) 2021/1698;
 - tác động đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển hóa;
 - khả năng của hệ thống truy tìm nguồn gốc để định vị sản phẩm hoặc các sản phẩm liên quan trong chuỗi cung ứng; và cấm nhập khẩu một hoặc nhiều sản phẩm từ nước thứ ba để đưa vào thị trường Liên minh liên quan đến sản xuất hữu cơ;
 - phản hồi của người vận hành hoặc nhóm người vận hành đối với các yêu cầu trước đó của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát;
- c). các biện pháp được thực hiện trong trường hợp không tuân thủ cụ thể.
đ). DQS EN sẽ ghi lại kết quả điều tra, như được đề cập trong Điều 29.1(a) của Quy định (EU) 2018/848

B. Quy định bổ sung về biện pháp xử lý trong trường hợp không tuân thủ

- 1) Trong trường hợp việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối, chẳng hạn như do sử dụng các sản phẩm, chất hoặc kỹ thuật không được phê duyệt hoặc trộn lẫn với các sản phẩm phi hữu cơ, DQS PL phải đảm bảo rằng, ngoài các biện pháp được thực hiện theo khoản 2 và 3, không được đề cập đến sản xuất hữu cơ như được định nghĩa trong Chương IV của Quy định (EU) 2018/848 trong việc ghi nhãn và quảng cáo sản phẩm. toàn bộ lô hoặc quá trình sản xuất của sản phẩm dự kiến được nhập khẩu từ nước thứ ba để đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh.
- 2) Khi xác định được hành vi không tuân thủ, DQS EN sẽ:
 - a) tất cả các hành động cần thiết để xác định nguyên nhân và mức độ của sự không tuân thủ và để xác định trách nhiệm của thực thể hoặc nhóm thực thể; Và
 - b) các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng đơn vị hoặc nhóm đơn vị khắc phục hành vi không tuân thủ và ngăn ngừa tái diễn các trường hợp không tuân thủ tương tự.Khi quyết định lựa chọn các biện pháp, DQS EN phải tính đến bản chất của việc không tuân thủ và lịch sử tuân thủ trước đó của đơn vị hoặc nhóm đơn vị.
 - a) áp dụng danh mục các biện pháp nêu tại Điều 22(3) của Quy định (EU) 2021/1698;
 - b) đảm bảo rằng đơn vị hoặc nhóm đơn vị tăng tần suất thanh tra của chính mình;
 - c) đảm bảo rằng các hoạt động cụ thể của đơn vị hoặc nhóm đơn vị phải chịu sự kiểm tra tăng cường hoặc có hệ thống của DQS PL
- 3) Trong trường hợp không tuân thủ nghiêm trọng, lặp đi lặp lại hoặc liên tục, DQS EN phải đảm bảo rằng, ngoài các biện pháp nêu tại khoản (2) và (3), người vận hành hoặc nhóm người vận hành, trong một khoảng thời gian nhất định, bị cấm đưa ra thị trường Liên minh các sản phẩm có tham chiếu đến sản xuất hữu cơ và các giấy chứng nhận của chúng được đề cập trong Điều 45(1)(b)(i) của Quy định (EU) 2018/848, nếu có, sẽ bị đình chỉ hoặc thu hồi.
DQSPL sẽ thông báo cho người điều hành hoặc nhóm người điều hành bằng văn bản về quyết định của mình về hành động hoặc biện pháp được thực hiện theo Điều này, cùng với lý do cho quyết định đó.

C. Danh mục các biện pháp nêu tại Điều 22(3)

PHẦN A

Các yếu tố để phát triển và áp dụng danh mục các biện pháp

1. Theo Phần B, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có thể phân loại các trường hợp không tuân thủ thành nhỏ, nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, trên cơ sở các tiêu chí phân loại tại điểm (b) của Điều 22(3) khi một hoặc nhiều áp dụng các tình huống sau:
 - a) Trường hợp không tuân thủ là nhẹ khi:
 - (i) các biện pháp phòng ngừa do nhà điều hành áp dụng là phù hợp và phù hợp, đồng thời các biện pháp kiểm soát mà nhà điều hành áp dụng có hiệu quả theo đánh giá của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát;
 - (ii) việc không tuân thủ không ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi;
 - (iii) hệ thống truy xuất nguồn gốc có thể xác định vị trí của (các) sản phẩm bị ảnh hưởng trong chuỗi cung ứng và sản phẩm azathe có thể bị ngăn chặn nhập khẩu từ nước thứ ba nhằm mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh có liên quan đến sản xuất hữu cơ;

(b) trường hợp không tuân thủ nghiêm trọng khi:

<p>(i) các biện pháp phòng ngừa không tương xứng và phù hợp và các biện pháp kiểm soát mà đơn vị vận hành áp dụng không hiệu quả theo đánh giá của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát;</p> <p>(ii) việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi;</p> <p>(iii) nhà điều hành không khắc phục kịp thời một lỗi không tuân thủ nhỏ;</p> <p>(iv) khả năng truy xuất nguồn gốc có thể xác định vị trí (các) sản phẩm bị ảnh hưởng trong chuỗi cung ứng và có thể ngăn sản phẩm đó được nhập khẩu từ nước thứ ba nhằm mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh có liên quan đến sản xuất hữu cơ</p>
<p>(c) trường hợp không tuân thủ là nghiêm trọng khi:</p> <p>(i) các biện pháp phòng ngừa không tương xứng và phù hợp và các biện pháp kiểm soát mà đơn vị vận hành áp dụng không hiệu quả theo đánh giá của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát;</p> <p>(ii) việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi;</p> <p>(iii) nhà điều hành không khắc phục các lỗi không tuân thủ nghiêm trọng trước đó hoặc liên tục không khắc phục các loại lỗi không tuân thủ khác; Và</p> <p>(iv) không có thông tin nào từ hệ thống truy xuất nguồn gốc để xác định (các) sản phẩm bị ảnh hưởng trong nguồn cung cấp và không thể ngăn cản việc nhập khẩu sản phẩm từ nước thứ ba nhằm mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh có tham chiếu sang sản xuất hữu cơ</p>

2. Biện pháp

Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây một cách tương ứng với các trường hợp không tuân thủ được liệt kê:

Loại	Đo lường
Người vị thành niên	Nhà điều hành đệ trình một kế hoạch hành động trong thời hạn quy định về việc khắc phục (những) trường hợp không tuân thủ
Lón lao	Không đề cập đến sản xuất hữu cơ trong việc ghi nhãn và quảng cáo toàn bộ lô hoặc quá trình sản xuất có liên quan ((các) cây trồng hoặc (các) động vật bị ảnh hưởng) theo Điều 42(1) của Quy định (EU) 2018/848 Cấm nhập khẩu từ một nước nước thứ ba với mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ trong một khoảng thời gian nhất định theo Điều 42(2) của Quy định (EU) 2018/848 Cần có thời gian chuyển đổi mới Giới hạn phạm vi của chứng chỉ Cải thiện việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát mà nhà điều hành đã áp dụng để đảm bảo tuân thủ
Phê bình	Không đề cập đến sản xuất hữu cơ trong việc ghi nhãn và quảng cáo toàn bộ lô hoặc sản phẩm liên quan ((các) cây trồng hoặc (các) động vật bị ảnh hưởng) theo Điều 42(1) của Quy định (EU) 2018/848 Cấm nhập khẩu từ nước thứ ba nhằm mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ trong một thời gian nhất định theo Điều 42(2) của Quy định (EU) 2018/848 Cần có thời gian chuyển đổi mới Giới hạn phạm vi của chứng chỉ Đình chỉ chứng chỉ Thu hồi chứng chỉ

PHẦN B

Danh sách các trường hợp không tuân thủ và phân loại tương ứng bắt buộc phải đưa vào danh mục biện pháp

Không tuân thủ	Loại
Độ lệch đáng kể giữa tính toán đầu vào và đầu ra (cân bằng khối lượng)	Lớn lao
Không có hồ sơ và hồ sơ tài chính cho thấy việc tuân thủ Quy định (EU) 2018/848	Phê bình
Cố ý bỏ sót thông tin dẫn đến hồ sơ không đầy đủ	Phê bình
Làm giả các tài liệu liên quan đến chứng nhận sản phẩm hữu cơ	Phê bình
Cố ý dán nhãn lại cho các sản phẩm bị hạ cấp là hữu cơ	Phê bình
Cố ý trộn lẫn hữu cơ với các sản phẩm đang chuyển đổi hoặc phi hữu cơ	Phê bình
Cố ý sử dụng các chất hoặc sản phẩm không được phép trong phạm vi Quy định (EU) 2018/848	Phê bình
Cố ý sử dụng GMO	Phê bình
Người điều hành từ chối cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát quyền tiếp cận các cơ sở chịu sự kiểm soát hoặc sổ sách kế toán của họ, bao gồm cả hồ sơ tài chính, hoặc từ chối cho phép cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát lấy mẫu	Phê bình

Phần C

Danh mục các biện pháp được đề cập tại Điều 22(3) của Quy định EU 2021/1698

- 1) Danh mục các biện pháp đã được phát triển để sử dụng trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp và đánh giá sự tương đương về việc tuân thủ các yêu cầu của Reg. 2018/848 bao gồm cả những điều được đề cập trong Điều 22(3) của Quy định EU 2021/1698
- 2) Danh mục các biện pháp bao gồm các yêu cầu quy định sau đây:
 - a. Quy định của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (UE) 2018/848 ,
 - b. Quy định được ủy quyền của Ủy ban (UE) 2021/1698
 - c. Quy định ủy quyền của Ủy ban (UE) 2021/279
 - d. Quy định ủy quyền của Ủy ban (UE) 2020/464
 - e. Quy định được ủy quyền của Ủy ban (UE) 2021/771
 - f. Quy định thực hiện của Ủy ban (EU)) 2021/1165
 - g. Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2119
 - h. Quy định được ủy quyền của Ủy ban (UE) 2020/2146
 - i. Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2307
- 3) Loại không tuân thủ được xác định trong quá trình kiểm tra có thể được DQS EN sửa đổi để tương ứng với loại không tuân thủ được phát hiện.
- 4) Dựa trên danh mục không tuân thủ, DQS EN sẽ lựa chọn các biện pháp dựa trên:
 - Một. đặc điểm của sự kiện riêng lẻ được đánh giá là hành động của nhà sản xuất hữu cơ không tuân thủ một điều khoản cụ thể,
 - b. một tài liệu hệ thống nêu cụ thể các tiêu chí chung cho việc lựa chọn các biện pháp nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất danh mục cho tất cả các nhà sản xuất dưới sự kiểm soát của cơ quan kiểm soát. Ví dụ, một tiêu chí có thể là lịch sử không tuân thủ trước đó của nhà sản xuất và tính hiệu quả của hành động khắc phục được thực hiện để phản hồi thông tin từ cơ quan gửi đến nhà sản xuất.

Danh mục xử phạt DQS EN 15.06.2023		
Mã số	Tên phần/nội dung câu hỏi	Loại
4.1	Quy định chung về sản xuất	
4.1.1	Trước khi đưa bất kỳ sản phẩm nào ra thị trường dưới dạng 'hữu cơ' hoặc 'đang chuyển đổi' hoặc trước thời kỳ chuyển đổi, các nhà điều hành và nhóm nhà điều hành được đề cập tại Điều 36, những người sản xuất, chuẩn bị, phân phối hoặc lưu trữ các sản phẩm hữu cơ hoặc đang chuyển đổi, những người nhập khẩu những sản phẩm đó từ hoặc xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc người đưa sản phẩm đó ra thị trường phải thông báo hoạt động của mình cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên nơi hoạt động của họ được thực hiện và cam kết của họ phải tuân theo hệ thống kiểm soát (Điều 34(1) Đăng ký 2018/848)	Lớn lao
4.1.2	Mô tả về đơn vị sản xuất do DQS Ba Lan nắm giữ phù hợp với thực tế vào ngày thanh tra (điều 3(9),(10),(11) và (12) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.1.3	Người điều hành phải tuân thủ các quy tắc sản xuất chung được nêu tại Điều 9 của Reg.2018/848 (Điều 9(1) của Reg.2018/848)	Người vị thành niên
4.1.4	Toàn bộ khu vực nắm giữ được quản lý theo yêu cầu của Quy định 2018/848 áp dụng cho sản xuất hữu cơ. (Điều 9.(2) của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.1.5		
4.1.6	Các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn có được áp dụng cho các sản phẩm có rủi ro cao không? (cập nhật hướng dẫn của DG AGRI)	Phê bình
4.1.7		
4.1.8	Các sản phẩm và chất sau đây được đề cập tại Điều 2(3) của Quy định (EC) số 1107/2009 có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ, miễn là chúng đã được cấp phép theo Quy định đó: (Điều 9.(3) Reg.2018 /848) (a) chất an toàn, chất hiệp đồng và chất đồng công thức là thành phần của thuốc bảo vệ thực vật; (Điều 9.(3a) Reg.2018/848)	Phê bình
4.1.9	Các sản phẩm và chất sau đây được đề cập tại Điều 2(3) của Quy định (EC) số 1107/2009 có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ, miễn là chúng đã được cấp phép theo Quy định đó: (Điều 9.(3) Quy định 2018 /848) (b) chất bổ trợ dùng để trộn với thuốc bảo vệ thực vật. (Điều 9.(3b) Reg. 2018/848)	Phê bình
4.1.10	Thực phẩm hoặc thức ăn hữu cơ hoặc nguyên liệu thô được sử dụng trong thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi hữu cơ không được xử lý bằng bức xạ ion hóa. (Điều 9.(4) của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.1.11	Việc nhân bản động vật và nuôi động vật đa bội nhân tạo đều bị cấm. (Điều 9.(5) Quy định 2018/848)	Phê bình
4.1.12	Các biện pháp phòng ngừa và phòng ngừa sẽ được thực hiện khi thích hợp ở từng giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối.(Điều 9.(6) Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.1.13		
4.1.14	Bất kể đoạn 2, có phần có thể được chia thành các đơn vị sản xuất hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ được tách biệt rõ ràng và hiệu quả, với điều kiện là đối với các đơn vị sản xuất phi hữu cơ: (a) đối với vật nuôi, các loài khác nhau được nuôi giữ; (Điều 9. đoạn 7a Reg. 2018/848) Trong trường hợp tảo và động vật nuôi trồng thủy sản, cùng một loài có thể được giữ lại với điều kiện là có sự phân chia rõ ràng và hiệu quả giữa các địa điểm hoặc đơn vị sản xuất.	Lớn lao

4.1.15	Mặc dù có đoạn 2, một khu vực sản xuất có thể được chia thành các đơn vị sản xuất hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ được tách biệt rõ ràng và hiệu quả, với điều kiện là đối với các đơn vị sản xuất phi hữu cơ: b) đối với thực vật, các giống khác nhau có thể có thể dễ dàng phân biệt được khi lớn lên. (Điều 9.(7b) Quy định 2018/848) Trong trường hợp tảo và động vật nuôi trồng thủy sản, cùng một loài có thể được giữ lại với điều kiện là các địa điểm hoặc đơn vị sản xuất được tách biệt rõ ràng và hiệu quả.	Lớn lao
4.1.16	Bằng cách xúc phạm đoạn 7(b) Điều 9 của Reg. 2018/848, trong trường hợp cây lâu năm cần thời gian canh tác ít nhất ba năm, có thể đưa vào các giống khác nhau khó phân biệt hoặc các giống giống nhau, với điều kiện là việc sản xuất được đề cập là một phần của kế hoạch chuyển đổi và được cung cấp rằng việc chuyển đổi phần cuối cùng của khu vực liên quan dành cho sản xuất hữu cơ sẽ bắt đầu càng sớm càng tốt và hoàn thành trong vòng tối đa 5 năm. (Điều 9.(8) của Quy định 2018/848):	Lớn lao
4.1.17	Bằng cách vi phạm khoản 7(b) Điều 9 của Reg.2018/848, trong trường hợp cây lâu năm cần thời gian canh tác ít nhất ba năm, các giống khác nhau khó phân biệt hoặc các giống giống nhau có thể được được bao gồm, với điều kiện là việc sản xuất được đề cập là một phần của kế hoạch chuyển đổi và với điều kiện là việc chuyển đổi phần cuối cùng của khu vực liên quan dành cho sản xuất hữu cơ sẽ bắt đầu trong thời gian ngắn nhất có thể và sẽ được hoàn thành trong vòng tối đa 5 năm. Trong trường hợp này: (a) người nông dân phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nếu có, về việc bắt đầu thu hoạch từng sản phẩm liên quan trước ít nhất 48 giờ; (Điều 9.8a Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.1.18	Bằng cách vi phạm khoản 7(b) Điều 9 của Reg.2018/848, trong trường hợp cây trồng lâu năm cần thời gian canh tác ít nhất ba năm, các giống khác nhau khó phân biệt hoặc các giống giống nhau có thể được được bao gồm, với điều kiện là việc sản xuất được đề cập là một phần của kế hoạch chuyển đổi và với điều kiện là việc chuyển đổi phần cuối cùng của khu vực liên quan dành cho sản xuất hữu cơ phải bắt đầu càng sớm càng tốt và hoàn thành trong vòng tối đa 5 năm. Trong trường hợp này: (b) sau khi thu hoạch xong, người nông dân phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nếu có, về số lượng chính xác được thu hoạch trên các đơn vị liên quan và các biện pháp được thực hiện để phân loại sản phẩm; (Điều 9.(8b) Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.1.19	Bằng cách vi phạm khoản 7(b) Điều 9 của Reg.2018/848, trong trường hợp cây trồng lâu năm cần thời gian canh tác ít nhất ba năm, các giống khác nhau khó phân biệt hoặc các giống giống nhau có thể được được bao gồm, với điều kiện là việc sản xuất được đề cập là một phần của kế hoạch chuyển đổi và với điều kiện là việc chuyển đổi phần cuối cùng của khu vực liên quan dành cho sản xuất hữu cơ phải bắt đầu càng sớm càng tốt và hoàn thành trong vòng tối đa 5 năm. Trong trường hợp này: (c) kế hoạch chuyển đổi và các biện pháp được thực hiện để đảm bảo sự tách biệt rõ ràng và hiệu quả phải được cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phê duyệt hàng năm sau khi bắt đầu kế hoạch chuyển đổi. (Điều 9. đoạn 8c của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.1.20		
4.1.21		
4.1.22	Trong trường hợp, trong các tình huống nêu tại các khoản 7, 8 và 9, không phải tất cả các đơn vị sản xuất của cơ sở đều được quản lý theo các quy tắc sản xuất hữu cơ, người điều hành phải: (a) giữ các sản phẩm được sử dụng trong các đơn vị sản xuất hữu cơ và ở trạng thái chuyển đổi đơn vị sản xuất tách biệt với sản phẩm sử dụng tại đơn vị sản xuất phi hữu cơ; (Điều 9. đoạn 10a Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.1.23	Trong trường hợp, trong các tình huống được đề cập tại các khoản 7, 8 và 9, không phải tất cả các đơn vị sản xuất của cơ sở đều được quản lý theo các quy tắc sản xuất hữu cơ; người điều hành phải: (b) bảo quản riêng các sản phẩm được sản xuất tại cơ sở sản xuất hữu cơ, cơ sở sản xuất chuyển đổi và cơ sở sản xuất phi hữu cơ; (Điều 9. đoạn 10b Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.1.24	Trong trường hợp, trong các tình huống nêu tại các khoản 7, 8 và 9, không phải tất cả các đơn vị sản xuất của một cơ sở đều được quản lý theo các quy định về sản xuất hữu cơ; người điều hành phải: (c) duy trì đầy đủ tài liệu để chứng minh sự tách biệt hiệu quả giữa các đơn vị sản xuất đó và các sản phẩm đó. (Điều 9. đoạn 10c của Quy định 2018/848)	Lớn lao

4.1.25	<i>Người nông dân, người vận hành sản xuất táo, thủy sản phải tuân thủ thời gian chuyển đổi. Trong toàn bộ thời gian chuyển đổi, họ phải áp dụng tất cả các quy tắc về sản xuất hữu cơ được nêu trong Quy định này, đặc biệt là các quy tắc chuyển đổi hiện hành được nêu tại Điều này và trong Phụ lục II.(Điều 10.(1) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.1.26		
4.1.27		
4.1.28		
4.1.29		
4.1.30	<i>Các sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi sẽ không được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, các sản phẩm sau được sản xuất trong thời gian chuyển đổi và theo Điều 10.(1) của Quy định 2018/848 có thể được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm đang chuyển đổi: (a) nguyên liệu dành cho nhân giống cây trồng, với điều kiện phải có thời gian chuyển đổi ít nhất là 12 tháng; (Điều 10.(4a) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.1.31	<i>Các sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi sẽ không được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, các sản phẩm sau được sản xuất trong thời gian chuyển đổi và theo Điều 10(1) của Quy định 2018/848 có thể được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm đang chuyển đổi: (b) sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật, với điều kiện sản phẩm chỉ chứa một thành phần thực vật có nguồn gốc nông nghiệp và phải trải qua thời gian chuyển đổi ít nhất 12 tháng trước khi thu hoạch. (Điều 10.(4b) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.1.32	<i>GMO, các sản phẩm làm từ GMO và các sản phẩm sử dụng GMO sẽ không được sử dụng trong sản xuất hữu cơ trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi hoặc làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, chất hỗ trợ chế biến, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất điều hòa đất, vật liệu tái tạo thực vật, vi sinh vật hoặc động vật. (Điều 11.(1) của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4.1.33	<i>Vì mục đích của lệnh cấm nêu tại khoản 1, đối với GMO và các sản phẩm được sản xuất từ GMO để sử dụng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi, các nhà kinh doanh có thể dựa vào thông tin có trên nhãn sản phẩm được đính kèm với sản phẩm hoặc được cung cấp theo Chỉ thị 2001/18/EC, Quy định (EC) số 1829/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1) hoặc Quy định (EC) số 1830/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (2) hoặc bất kỳ tài liệu đi kèm nào được cung cấp theo chúng.(Điều 11.(2) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.1.34	<i>Các nhà điều hành có thể cho rằng không có GMO hoặc bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ GMO đã được sử dụng trong sản xuất thực phẩm và thức ăn chăn nuôi đã mua, trong đó các sản phẩm đó không được dán nhãn hoặc cung cấp cũng như không kèm theo bất kỳ tài liệu nào được ban hành trên cơ sở các hành vi được đề cập tại đoạn 2, trừ khi từ các thông tin khác mà họ nhận được cho thấy việc ghi nhãn của các sản phẩm được đề cập không tuân thủ các quy định đó.(Điều 11.(3) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.1.35	<i>Vì mục đích cấm quy định tại khoản 1 đối với các sản phẩm không được đề cập trong khoản 2 và 3, người kinh doanh sử dụng các sản phẩm phi hữu cơ mua từ bên thứ ba phải yêu cầu nhà cung cấp xác nhận rằng những sản phẩm này không được sản xuất hoặc sản xuất bằng cách sử dụng Sinh vật biến đổi gen.(Điều 11.(4) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.2	Quy định về sản xuất cây trồng	
4.2.1	<i>Đặc biệt, các nhà điều hành sản xuất thực vật hoặc sản phẩm thực vật phải tuân thủ các quy định cụ thể có trong Phụ lục II, Phần I R848.(Điều 12.(1) của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.2	<i>Cây trồng hữu cơ, ngoại trừ cây trồng tự nhiên trong nước, phải được sản xuất trên đất sống hoặc đất sống được trộn lẫn hoặc bón phân bằng các vật liệu, sản phẩm được phép sản xuất hữu cơ gắn với lòng đất và đá gốc (Phụ lục II Phần I p.1.1 Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.3	<i>Sản xuất thủy canh, nghĩa là phương pháp trồng cây không phát triển tự nhiên trong nước, chỉ có rễ trong dung dịch dinh dưỡng hoặc trong chất nền trợ có thêm chất dinh dưỡng, đều bị cấm. (Phụ lục II Phần I điểm 1.2 của Reg.2018/848)</i>	Phê bình

4.2.4	Bảng cách vi phạm điểm 1.1, được phép thực hiện các hành vi sau: (a) sản xuất hạt nảy mầm, bao gồm mầm, chồi và cải xoong, chỉ dựa vào nguồn dinh dưỡng dự trữ có sẵn trong hạt, bằng cách làm ẩm chúng trong nước sạch, với điều kiện hạt là hữu cơ. Việc sử dụng giá thể trồng trọt bị cấm, ngoại trừ việc sử dụng giá thể tro chỉ nhằm mục đích giữ ẩm cho hạt, nếu các thành phần của giá thể tro này được cho phép theo Điều 24; (Phụ lục II, Phần I, điểm 1.3a của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.5	Bảng cách xúc phạm điểm 1.1, các thực hành sau đây được cho phép: (b) thu được đầu rau diếp xoắn, kể cả bằng cách ngâm trong nước sạch, với điều kiện nguyên liệu để nhân giống cây trồng là hữu cơ. Việc sử dụng giá thể trồng trọt chỉ được phép nếu các thành phần của nó được cho phép theo Điều 24. (Phụ lục II, Phần I, điểm 1.3b của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.6	Bảng cách xúc phạm điểm 1.1, được phép thực hiện các hành vi sau: a) trồng cây cảnh và thảo mộc trong chậu để bán cho người tiêu dùng cuối cùng cùng với chậu; (Phụ lục II Phần I trang 1.4a Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.7	Bảng cách vi phạm điểm 1.1, được phép thực hiện các thực hành sau: b) trồng cây con hoặc cảnh giâm trong thùng chứa để cấy tiếp. (Phụ lục II, Phần I, điểm 1.4b của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.8	Bất kỳ kỹ thuật sản xuất thực vật nào được sử dụng đều phải ngăn ngừa hoặc giảm thiểu sự góp phần gây ô nhiễm môi trường. (Phụ lục II Phần I trang 1.6 của Reg.2018/848)	Người vị thành niên
4.2.9	Để thực vật và sản phẩm thực vật được coi là hữu cơ, các quy tắc sản xuất nêu trong Quy định này phải được áp dụng trên các thửa đất đang chuyển đổi ít nhất hai năm trước khi gieo hạt hoặc, trong trường hợp cây trồng đồng cỏ hoặc cây làm thức ăn gia súc, ít nhất ít nhất hai năm trước khi sử dụng chúng làm thức ăn hữu cơ hoặc, trong trường hợp cây trồng lâu năm không phải thức ăn gia súc, ít nhất ba năm trước khi thu hoạch sản phẩm hữu cơ lần đầu tiên. (Phụ lục II Phần I điểm 1.7.1 của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.10	Đối với đất gắn liền với chăn nuôi hữu cơ: a) quy định chuyển đổi áp dụng cho toàn bộ diện tích của đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi. (Phụ lục II Phần I trang 1.7.5a của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.11	Để sản xuất thực vật và sản phẩm thực vật không phải là vật liệu sinh sản thực vật, chỉ được sử dụng vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ (Phụ lục II, Phần I, điểm 1.8.1 của Reg.2018/848)	Người vị thành niên
4.2.12	Để thu được vật liệu hữu cơ dành cho sinh sản thực vật được sử dụng để sản xuất các sản phẩm không phải là vật liệu dành cho sinh sản thực vật, cây mẹ và, khi thích hợp, các cây khác dùng để sản xuất vật liệu dành cho sinh sản thực vật phải được trồng, theo Quy định này cho ít nhất một thế hệ và đối với cây lâu năm thì ít nhất một thế hệ trong hai vụ trồng trọt. (Phụ lục II Phần I điểm 1.8.2 của Reg.2018/848)	Người vị thành niên
4.2.13	Khi lựa chọn vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ, người thực hiện phải ưu tiên vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ phù hợp cho canh tác hữu cơ. (Phụ lục II Phần I điểm 1.8.3 của Reg.2018/848)	Người vị thành niên
4.2.14	Trong trường hợp sản xuất giống hữu cơ phù hợp cho sản xuất hữu cơ, công tác chọn tạo giống phải được thực hiện trong điều kiện hữu cơ nhằm mục đích tăng tính đa dạng di truyền dựa trên khả năng sinh sản tự nhiên cũng như hiệu quả nông học, khả năng kháng bệnh và thích ứng với đa dạng, điều kiện đất đai và khí hậu địa phương (Phụ lục II Phần I trang 1.8.4 Reg.2018/848)	Người vị thành niên
4.2.15	Tất cả các phương pháp nhân giống ngoại trừ nuôi cấy dựa trên các mô thực vật sáng tạo đều phải tuân theo quản lý hữu cơ được chứng nhận (Phụ lục II Phần I trang 1.8.4 Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.16	Cơ sở sản xuất có được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng hạt giống chuyển đổi hoặc hạt giống phi hữu cơ để nhân giống cây trồng không? (Phụ lục II Phần I điểm 1.8.5.1 của Reg.2018/848)	Lớn lao

4.2.17	<i>Vật liệu nhân giống cây trồng phi hữu cơ sẽ không được xử lý sau khi thu hoạch bằng các sản phẩm bảo vệ thực vật không phải là những sản phẩm được phép xử lý vật liệu nhân giống cây trồng theo Điều 24(1) của Quy định này, trừ khi khuyến nghị xử lý bằng hóa chất theo Quy định (EU).) 2016/2031 cho mục đích kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên liên quan cấp đối với tất cả các giống và vật liệu không đồng nhất của các loài liên quan trong khu vực sử dụng vật liệu nhân giống cây trồng. (Phụ lục II, Phần I, điểm 1.8.5.3 của Reg.2018/848) Khi sử dụng vật liệu nhân giống cây trồng phi hữu cơ đã qua xử lý hóa học được khuyến nghị nếu trong đoạn đầu tiên, thì lô đất trên đó vật liệu nhân giống cây trồng đã được xử lý sẽ được trồng phải tuân theo thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.7.3 và 1.7.4, nếu có.</i>	Lớn lao
4.2.18	<i>Việc cho phép sử dụng vật liệu nhân giống cây trồng phi hữu cơ phải được cấp trước khi gieo hoặc trồng. (Phụ lục II Phần I trang 1.8.5.4 của Reg.2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.2.19	<i>Sản xuất cây trồng hữu cơ sử dụng các biện pháp canh tác góp phần duy trì hoặc tăng lượng chất hữu cơ trong đất, tăng độ ổn định và đa dạng sinh học của đất, đồng thời ngăn chặn tình trạng nén chặt và xói mòn đất (Phụ lục II Phần I mục 1.9.1 Reg.2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.2.20	<i>Độ phì của đất và hoạt động sinh học được duy trì và tăng cường: (a) ngoại trừ cây trồng đồng cỏ và cây làm thức ăn gia súc lâu năm, thông qua việc áp dụng luân canh cây trồng nhiều năm, bao gồm cả việc trồng bắt buộc cây đậu tằm làm cây chủ lực hoặc cây che phủ trong luân canh và các loại cây khác để làm phân xanh; (Phụ lục II Phần I trang 1.9.2a Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.21	<i>Độ phì nhiều và hoạt động sinh học của đất được duy trì và tăng lên: (b) đối với nhà kính hoặc cây trồng lâu năm không phải cây làm thức ăn gia súc, thông qua việc sử dụng cây phân xanh ngắn ngày và cây họ đậu, và sử dụng nhiều loại cây trồng; và (Phụ lục II Phần I trang 1.9.2b Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.22	<i>Độ phì nhiều và hoạt động sinh học của đất được duy trì và tăng lên: (c) trong mọi trường hợp, bằng cách bón phân hoặc chất hữu cơ, trong cả hai trường hợp tốt nhất là được ủ phân từ quá trình sản xuất hữu cơ. (Phụ lục II Phần I điểm 1.9.2c của Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.23	<i>Trong trường hợp không thể đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng bằng các biện pháp nêu trong 1.9.1 và 1.9.2 thì chỉ có thể sử dụng phân bón và chất điều hòa đất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 của Reg.2018/848 - chỉ trong phạm vi cần thiết - theo Phụ lục II của Reg.2021/1165 (Phụ lục II Phần I trang 1.9.3 của Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.24	<i>Người điều hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm (các) ngày áp dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, số lượng sử dụng cũng như tên các loại cây trồng và lô đất áp dụng sản phẩm (Phụ lục II). Phần I p.1.9.3 của Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.25	<i>Tổng trọng lượng phân chăn nuôi, như được xác định trong Chỉ thị Hội đồng 91/676/EEC, được áp dụng trong các đơn vị sản xuất hữu cơ và chuyển đổi ngược phải sao cho lượng nitơ không vượt quá 170 kg mỗi năm trên mỗi ha đất nông nghiệp. Giới hạn này chỉ áp dụng cho việc sử dụng phân chuồng, phân gia cầm khô và phân gia cầm đã khử nước, phân động vật đã ủ, bao gồm phân gia cầm, phân chuồng đã ủ và phân động vật dạng lỏng. (Phụ lục II Phần I điểm 1.9.4 của Reg.2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.2.26	<i>Chủ trang trại phải có văn bản hợp tác rải phân dư thừa của cơ sở sản xuất hữu cơ với chủ trang trại, doanh nghiệp khác tuân thủ quy định sản xuất hữu cơ. Giới hạn tối đa nêu tại điểm 1.9.4 sẽ được tính toán có tính đến tất cả các đơn vị sản xuất hữu cơ tham gia vào sự hợp tác đó (Phụ lục II Phần I điểm 1.9.5 của Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.27	<i>Để cải thiện tình trạng chung của đất hoặc cải thiện khả năng cung cấp chất dinh dưỡng trong đất hoặc trong cây trồng, có thể sử dụng các chế phẩm vi sinh vật (Phụ lục II Phần I trang 1.9.6 Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.2.28	<i>Có thể sử dụng các chế phẩm vi sinh vật và thực vật thích hợp để kích hoạt phân trộn (Phụ lục II Phần I trang 1.9.7 Reg.2018/848)</i>	Lớn lao

4.2.29	Không sử dụng phân đạm khoáng (Phụ lục II Phần I trang 1.9.8 Reg.2018/848)	Phê bình
4.2.30	Có thể sử dụng các chế phẩm sinh động học (Phụ lục II Phần I trang 1.9.9 Reg.2018/848)	Phê bình
4.2.31	Việc ngăn ngừa thiệt hại do sâu bệnh và cỏ dại gây ra chủ yếu bao gồm việc bảo vệ bằng cách: - kẻ thù tự nhiên của họ, - Lựa chọn loài, giống và vật liệu không đồng nhất, - cắt xoay, - các kỹ thuật canh tác như khử trùng sinh học, phương pháp cơ học và vật lý, và - các quá trình nhiệt như phơi nắng và, trong trường hợp trồng cây che phủ, xử lý đất nông bằng hơi nước (đến độ sâu tối đa 10 cm). (Phụ lục II Phần I điểm 1.10.1 của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.32	Trong trường hợp không thể bảo vệ thực vật đầy đủ chống lại sâu bệnh bằng các biện pháp nêu trong phần 1.10.1 hoặc khi xác định được rủi ro đối với cây trồng thì chỉ những sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và 24 của Quy định mới. 2018/848 sẽ được sử dụng theo Phụ lục I của Reg. 2021/1165 chỉ trong phạm vi cần thiết (Phụ lục II Phần I mục 1.10.2 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.2.33	Người vận hành phải lưu giữ tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc sử dụng các sản phẩm đó, bao gồm (các) ngày sử dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, hoạt chất có trong đó, số lượng sử dụng cũng như loại cây trồng và mảnh đất liên quan. như các loài gây hại và bệnh tật mà chúng phải được áp dụng. (Phụ lục II Phần I điểm 1.10.2 của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.34	Đối với các sản phẩm và chất được sử dụng trong bẫy hoặc thiết bị phân phối các sản phẩm và chất không phải pheromone, các bẫy hoặc thiết bị phân phối này phải ngăn chặn các sản phẩm và chất này xâm nhập vào môi trường và tiếp xúc với cây trồng đang được trồng. Tất cả các bẫy, bao gồm cả bẫy có chứa pheromone, phải được thu gom sau khi sử dụng và tiêu hủy một cách an toàn. (Phụ lục II Phần I trang 1.10.3 Reg.2018/848)	Người vị thành niên
4.2.35	Trong trường hợp không thể bảo vệ thực vật đầy đủ chống lại sâu bệnh bằng các biện pháp quy định tại điểm 1.10.1 hoặc khi xác định được mối nguy đối với cây trồng thì chỉ những sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và 24 mới có thể được sử dụng và chỉ đến phạm vi cần thiết. Nhà điều hành phải lưu giữ bằng chứng tài liệu về nhu cầu sử dụng các sản phẩm đó, bao gồm (các) ngày áp dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, (các) hoạt chất chứa trong đó, số lượng sử dụng và loại cây trồng và bưu kiện liên quan, cũng như các loài gây hại và bệnh tật cần được điều trị. (Phụ lục II Phần I điểm 1.10.2 của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.36	Để làm sạch và khử trùng trong trồng trọt, chỉ những sản phẩm được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 của Reg. Cho phép 2018/848, phù hợp với Điều 5(2) và Phụ lục IV của Reg.2021/1165 (Phụ lục II Phần I trang 1.11 của Reg.2018/848)	Lớn lao
4.2.37	Các thực thể lưu giữ tài liệu liên quan đến việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc ngày sử dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, hoạt chất chứa trong đó và nơi sử dụng (Phụ lục II, Phần I, điểm 1.11 của Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.2.38	Các thực thể phải lưu giữ hồ sơ về các lô đất và khối lượng thu hoạch có liên quan. Đặc biệt, người điều hành phải lưu giữ hồ sơ về bất kỳ biện pháp bên ngoài nào khác được áp dụng trên từng lô và, khi thích hợp, lưu giữ hồ sơ về bất kỳ vi phạm nào đối với các quy tắc sản xuất thu được theo điểm 1.8.5. (Phụ lục II, Phần I, trang 1.12, Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.2.39	Khi các hoạt động chuẩn bị không phải là chế biến được thực hiện tại nhà máy, các yêu cầu chung nêu trong Phần Phụ lục II sẽ được áp dụng với những sửa đổi phù hợp đối với các hoạt động đó. IV điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 2.2.3. (Phụ lục II, Phần I, trang 1.13 của Quy định 2018/848)	Lớn lao

4.3	Quy định chi tiết đối với từng cây trồng và sản phẩm cây trồng	
4.3.1	Quy định về sản xuất nấm	
4.3.1.1	<p>Trong trường hợp sản xuất nấm, được phép sử dụng chất nền chỉ chứa các thành phần sau (Phụ lục II, Phần I, điểm 2.1 của Quy định 2018/848):</p> <p>a) Phân và phân động vật:</p> <p>(i) từ các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc từ các đơn vị trong năm chuyển đổi thứ hai; hoặc</p> <p>(ii) như đã đề cập tại điểm 1.9.3, chỉ khi sản phẩm nêu tại điểm (i) không có sẵn và với điều kiện trọng lượng của phân và phân động vật đó trước khi ủ phân không vượt quá 25% tổng trọng lượng của tất cả các sản phẩm đó. các thành phần nền, không bao gồm vật liệu phủ và nước bổ sung;</p> <p>(b) các sản phẩm có nguồn gốc từ nông nghiệp không phải là những sản phẩm nêu tại điểm (a). (a) đến từ các đơn vị sản xuất sinh thái;</p> <p>c) than bùn chưa được xử lý hóa học;</p> <p>d) Gỗ không được tẩm hóa chất sau khi cắt;</p> <p>(e) sản phẩm khoáng sản nêu tại điểm 1.9.3, nước và đất.</p>	Lớn lao
4.3.2	Quy định về thu hái thực vật hoang dã	
4.3.2.1	Việc thu hái thực vật hoang dã và các bộ phận của chúng mọc tự nhiên trong các khu vực tự nhiên, rừng và khu vực nông nghiệp được coi là sản xuất hữu cơ với điều kiện: người thực hiện phải lưu giữ hồ sơ về thời gian và địa điểm thu hái, loài liên quan và số lượng thực vật hoang dã được thu thập. (App. II, Phần I, trang 2.2 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.3.2.2	Việc thu hoạch thực vật hoang dã và các bộ phận của chúng mọc tự nhiên trong các khu vực tự nhiên, rừng và khu vực nông nghiệp được coi là sản xuất hữu cơ với điều kiện: (a) diện tích đó không được xử lý bằng sản phẩm trong thời gian ít nhất ba năm trước khi thu hoạch hoặc các chất khác ngoài những chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và 24 Reg. 2018/848 (Phụ lục II, Phần I, trang 2.2a, Quy định 2018/848)	Phê bình
4.3.2.3	Việc thu hái thực vật hoang dã và các bộ phận của chúng mọc tự nhiên ở các khu vực tự nhiên, rừng và khu vực nông nghiệp được coi là sản xuất hữu cơ với điều kiện: (b) việc thu hái không ảnh hưởng đến sự cân bằng của môi trường sống tự nhiên hoặc việc duy trì các loài trong khu vực thu hái. (Phụ lục II Phần I trang 2.2b Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.4	Các quy định chi tiết liên quan đến việc đưa ra thị trường vật liệu dành cho sinh sản thực vật của vật liệu không đồng nhất về mặt sinh thái	
4.4.1	Vật liệu nhân giống cây trồng bằng vật liệu hữu cơ không đồng nhất có thể được đưa ra thị trường mà không cần phải tuân thủ các yêu cầu đăng ký và không cần phải tuân thủ việc chứng nhận các danh mục vật liệu tiền cơ bản, cơ bản và được chứng nhận hoặc các yêu cầu đối với các danh mục khác có trong Chỉ thị 66/401/EEC, 66/402/EEC, 68/193/EEC, 98/56/EC, 2002/53/EC, 2002/54/EC, 2002/55/EC, 2002/56/EC, 2002/57/EC, 2008/72/EC và 2008/90/EC hoặc trong các đạo luật được thông qua trên cơ sở các Chỉ thị đó. (Điều 13(1) Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.4.2	<p>Vật liệu nhân giống cây trồng bằng vật liệu hữu cơ không đồng nhất nêu tại Điều 13(1) của Quy định 2018/848 có thể được đưa ra thị trường sau khi nhà cung cấp đã thông báo cho các cơ quan chính thức có trách nhiệm được nêu trong Chỉ thị 66/401/EEC, 66/402/EEC, 68/193/EEC, 98/56/EC, 2002/53/EC, 2002/54/EC, 2002/55/EC, 2002/56/EC, 2002/57/EC, 2008/72/EC và 2008/90/EC, được lập thông qua hồ sơ có chứa:</p> <p>(a) thông tin liên lạc của người nộp đơn; (Điều 13(2a) Quy định 2018/848)</p> <p>(b) loài và tên gọi của vật liệu sinh thái không đồng nhất; (Điều 13(2b) Quy định 2018/848)</p> <p>(c) mô tả các đặc điểm nông học và kiểu hình chính chung của nhóm thực vật này, bao gồm kỹ thuật trồng trọt, mọi kết quả thử nghiệm hiện có đối với các đặc tính này, thông tin về quốc gia sản xuất và nguyên liệu gốc được sử dụng; (Điều 13(2c) Quy định 2018/848)</p> <p>d) Lời khai của người nộp đơn về tính trung thực của các yếu tố quy định tại điểm (a). a), b) và c); (Điều 13(2d) của Quy định 2018/848) và</p> <p>(e) một mẫu đại diện. (Điều 13(2e) Quy định 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.4.3		

4.4.4		
4.4.5		
4.4.6		
4.4.7		
4,5	Quy định sản xuất động vật	
4.5.1	Yêu cầu chung	
4.5.1.1		
4.5.1.2	Ngoại trừ trường hợp nuôi ong, chăn nuôi không có đất nông nghiệp bị cấm khi người nông dân có ý định sản xuất động vật hữu cơ không quản lý đất nông nghiệp cũng như không ký kết thỏa thuận hợp tác bằng văn bản với nông dân khác về việc sử dụng các đơn vị sản xuất hoặc đơn vị sản xuất hữu cơ ở chuyển đổi cho những động vật trang trại này. (App. II, Phần II, trang 1.1 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.3	Người điều hành phải lưu giữ tài liệu về bất kỳ vi phạm nào đối với các quy tắc chăn nuôi động vật thu được theo các điểm 1.3.4.3, 1.3.4.4, 1.7.5, 1.7.8, 1.9.3.1(a). c) và điểm 1.9.4.2(a). c)(Phụ lục II, Phần II, trang 1.1 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.4	Trong trường hợp bắt đầu đồng thời việc chuyển đổi một đơn vị sản xuất, bao gồm đồng cỏ hoặc bất kỳ vùng đất nào được sử dụng để sản xuất thức ăn chăn nuôi và động vật hiện có trong đơn vị sản xuất đó khi bắt đầu giai đoạn chuyển đổi của đơn vị sản xuất đó nêu tại điểm 1.7.1 và 1.7.5 b của Phần I), động vật và sản phẩm động vật có thể được coi là hữu cơ sau khi kết thúc thời gian chuyển đổi của đơn vị sản xuất đó, ngay cả khi thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2.2 của Phần này đối với loại của động vật liên quan dài hơn thời gian chuyển đổi của đơn vị sản xuất. Bằng cách vi phạm điểm 1.4.3.1, trong trường hợp chuyển đổi đồng thời và trong thời gian chuyển đổi của một đơn vị sản xuất, động vật hiện có trong đơn vị sản xuất đó từ đầu thời kỳ chuyển đổi có thể được cho ăn bằng thức ăn chuyển đổi được sản xuất trong quá trình sản xuất chuyển đổi. đơn vị trong năm đầu tiên chuyển đổi hoặc cho ăn theo quy định tại điểm 1.4.3.1 hoặc thức ăn hữu cơ. Động vật phi hữu cơ có thể được đưa vào cơ sở sản xuất trong thời gian chuyển đổi sau khi bắt đầu thời kỳ chuyển đổi theo điểm 1.3.4. (App. II Phần II trang 1.2.1 Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.5	Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: (a) 12 tháng đối với động vật họ bò và ngựa dùng để lấy thịt và trong mọi trường hợp không ít hơn 3/4 tuổi thọ của chúng; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.2.2a, Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.6	Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: (b) sáu tháng đối với cừu, dê, lợn và động vật dùng để lấy sữa; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.2.2b Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.7	Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: (c) 10 tuần - đối với gia cầm dùng để lấy thịt, ngoại trừ vịt Bắc Kinh được đưa vào ở độ tuổi dưới ba ngày; (App. II, Phần II, trang 1.2.2c, Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.8	Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: (d) bảy tuần - trong trường hợp vịt Bắc Kinh được đưa vào ở độ tuổi dưới ba ngày; (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.2.2d của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.9	Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: (e) sáu tuần - trong trường hợp gia cầm dùng để sản xuất trứng, được đưa vào lúc dưới ba ngày tuổi; (App. II, Phần II, trang 1.2.2e Reg. 2018/848)	Lớn lao

4.5.1.10	<i>Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: f) 12 tháng – đối với ong. (App. II Phần II trang 1.2.2f Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.11	<i>Giai đoạn chuyển đổi chi tiết đối với các hướng chăn nuôi được xác định như sau: f) trong giai đoạn chuyển đổi, nên thay thế sáp bằng sáp từ nghề nuôi ong hữu cơ. Tuy nhiên, có thể sử dụng sáp ong phi hữu cơ (Phụ lục II, Phần II, trang 1.2.2f (i)-(iii) Quy định 2018/848): (i) khi sáp từ nghề nuôi ong hữu cơ không có sẵn trên thị trường; (ii) khi đã được chứng minh là không bị nhiễm bẩn bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ; và (iii) với điều kiện là nó có nguồn gốc từ tế bào ong;</i>	Lớn lao
4.5.1.12	<i>Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: g) ba tháng - đối với thỏ; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.2.2 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.13	<i>Thời gian chuyển đổi chi tiết cho các hướng chăn nuôi được xác định như sau: h) 12 tháng – đối với cổ tử cung. (App. II Phần II trang 1.2.2h Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.14	<i>Không ảnh hưởng đến các quy định về chuyển đổi, động vật hữu cơ được sinh ra hoặc ấp và nuôi trong các cơ sở sản xuất hữu cơ (Phụ lục II Phần II trang 1.3.1 Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.15	<i>Về chăn nuôi hữu cơ: a) sử dụng các phương pháp sinh sản tự nhiên (bao gồm cả thụ tinh nhân tạo) (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.3.2a của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.16	<i>Về chăn nuôi hữu cơ: (b) sinh sản không bị gây ra hoặc ức chế bởi việc sử dụng hormone hoặc các chất khác có tác dụng tương tự, trừ khi đây là một hình thức xử lý thú y áp dụng cho từng động vật; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.3.2b Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.18	<i>Về chăn nuôi hữu cơ: d) khi lựa chọn giống, tính phù hợp của chúng đối với sản xuất hữu cơ và khả năng đảm bảo phúc lợi cao đều được tính đến. Việc lựa chọn giống giúp ngăn chặn mọi đau khổ cho động vật và tránh việc phải cắt xẻo chúng. (App. II, Phần II, trang 1.3.2d Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.19	<i>Khi lựa chọn giống hoặc dòng, phải ưu tiên những giống hoặc dòng có tính đa dạng di truyền cao, có tính đến khả năng thích ứng với điều kiện địa phương, giá trị giống, tuổi thọ, khả năng sống sót và khả năng kháng bệnh hoặc các vấn đề sức khỏe của vật nuôi mà không ảnh hưởng đến chúng. phúc lợi. (App. II Phần II trang 1.3.3 Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.20	<i>Việc lựa chọn giống hoặc dòng vật nuôi được hướng dẫn bởi khả năng tránh các bệnh hoặc vấn đề sức khỏe cụ thể liên quan đến một số giống hoặc dòng được sử dụng trong chăn nuôi thâm canh, chẳng hạn như hội chứng căng thẳng ở lợn, có thể dẫn đến thịt nhẹ, mềm, chảy nước (PSE), cũng như đột tử, sảy thai tự nhiên và sinh khó cần phải mổ lấy thai (App. II, Phần II, trang 1.3.3 của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.20	<i>Việc lựa chọn giống hoặc dòng vật nuôi được hướng dẫn bởi khả năng tránh các bệnh hoặc vấn đề sức khỏe cụ thể liên quan đến một số giống hoặc dòng được sử dụng trong chăn nuôi thâm canh, chẳng hạn như hội chứng căng thẳng ở lợn, có thể dẫn đến thịt nhẹ, mềm, chảy nước (PSE), cũng như đột tử, sảy thai tự nhiên và sinh khó cần phải mổ lấy thai (App. II, Phần II, trang 1.3.3 của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.21	<i>Ưu tiên các giống và dòng bản địa. Thực thể sử dụng thông tin có sẵn trong các hệ thống được đề cập trong Điều. 26 mục 3. Nghị quyết 2018/848 (App. II, Phần II, điểm 1.3.3 của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên

4.5.1.22	Sử dụng động vật vô cơ. Bằng cách xúc phạm điểm 1.3.1 của Phụ lục II, Phần II của Reg. 2018/848, vì mục đích nhân giống, động vật được nuôi không hữu cơ có thể được đưa vào đơn vị sản xuất hữu cơ khi các giống liên quan có nguy cơ tuyệt chủng, như đã đề cập trong phần nghệ thuật. 28 phần 10 lít. (b) Quy định (EU) số 1305/2013 và các đạo luật được thông qua theo đó. Trong trường hợp này, động vật thuộc các giống này không nhất thiết phải là con non. (App. II, Phần II, trang 1.3.4.1 Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.23	Bằng cách xúc phạm điểm 1.3.1 của Phụ lục II, Phần II của Reg. 2018/848, khi cải tạo chuồng nuôi ong trong một đơn vị sản xuất hữu cơ, 20% số ong chúa và đàn ong có thể được thay thế bằng ong chúa và đàn ong không hữu cơ mỗi năm, với điều kiện là những con ong chúa và đàn ong này sẽ được đặt trong tổ có tổ ong hoặc tổ ong từ các đơn vị sản xuất hữu cơ. Trong mọi trường hợp, một đàn ong hoặc một con ong chúa có thể được thay thế bằng một đàn ong vô cơ hoặc ong chúa mỗi năm một lần. (App. II, Phần II, trang 1.3.4.2 Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.24	Bằng cách xúc phạm điểm 1.3.1 của Phụ lục II, Phần II của Reg. 2018/848, khi đàn được thiết lập lần đầu tiên hoặc được đổi mới hoặc xây dựng lại mà không thể đáp ứng được nhu cầu về chất lượng và số lượng của người chăn nuôi, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định rằng gia cầm nuôi phi hữu cơ có thể được đưa vào đàn đơn vị sản xuất gia cầm hữu cơ, với điều kiện gà mái tơ dùng để sản xuất trứng và gia cầm dùng để lấy thịt phải dưới ba ngày tuổi. Các sản phẩm làm từ chúng chỉ có thể được coi là hữu cơ nếu thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2 được tôn trọng. (Phụ lục II, Phần II, trang 1.3.4.3, Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.25	Bằng cách xúc phạm điểm 1.3.1 của Phụ lục II, Phần II của Reg. 2018/848, nếu dữ liệu được thu thập theo hệ thống được đề cập trong Nghệ thuật. 26 phần 2 thư (b) chứng minh rằng nhu cầu về chất hoặc số lượng của người chăn nuôi đối với động vật hữu cơ không được đáp ứng thì cơ quan có thẩm quyền có thể cho phép đưa động vật phi hữu cơ vào cơ sở sản xuất hữu cơ với các điều kiện quy định tại điểm 1.3.4.4.1 đến 1.3.4.4.4. Trước khi yêu cầu vi phạm như vậy, người nông dân phải kiểm tra dữ liệu được thu thập theo hệ thống nếu tại Điều 26 mục 2 thư b) để xác minh xem yêu cầu của mình có hợp lý hay không. (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.3.4.4 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.26	Vì mục đích nhân giống, khi xây dựng đàn lần đầu, các loài thú non phi hữu cơ phải được nuôi theo nguyên tắc sản xuất hữu cơ ngay sau khi cai sữa. (App. II, Phần II, trang 1.3.4.4.1 Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.27	Vì mục đích nhân giống, khi xây dựng đàn lần đầu, các loài thú non phi hữu cơ phải được nuôi theo nguyên tắc sản xuất hữu cơ ngay sau khi cai sữa. Ngoài ra, kể từ ngày động vật được đưa vào đàn, các hạn chế sau sẽ được áp dụng: (a) Tuổi của động vật họ bò, họ ngựa và cừu không quá sáu tháng; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.3.4.4.1a Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.28	Vì mục đích nhân giống, khi xây dựng đàn lần đầu, các loài thú non phi hữu cơ phải được nuôi theo nguyên tắc sản xuất hữu cơ ngay sau khi cai sữa. Ngoài ra, kể từ ngày động vật được đưa vào đàn, các hạn chế sau sẽ được áp dụng: b) Cừu, dê có tuổi đời không quá 60 ngày; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.3.4.4.1b Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.29	Vì mục đích nhân giống, khi xây dựng đàn lần đầu, các loài thú non phi hữu cơ phải được nuôi theo nguyên tắc sản xuất hữu cơ ngay sau khi cai sữa. Ngoài ra, kể từ ngày nhập đàn lợn phải áp dụng các hạn chế sau: (c) trọng lượng lợn không được vượt quá 35 kg; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.3.4.4.1c Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.30	Vì mục đích nhân giống, khi xây dựng đàn lần đầu, các loài thú non phi hữu cơ phải được nuôi theo nguyên tắc sản xuất hữu cơ ngay sau khi cai sữa. Ngoài ra, kể từ ngày động vật được đưa vào đàn, các hạn chế sau sẽ được áp dụng: d) Tuổi của thỏ không quá ba tháng. (Phụ lục II, Phần II, trang 1.3.4.4.1d Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.31	Vì mục đích nhân giống, những con đực và con cái chưa sinh sản của động vật phi hữu cơ có thể được đưa vào trong trường hợp đổi mới đàn. Sau đó chúng được nuôi theo quy định sản xuất hữu cơ. (App. II Phần II trang 1.3.4.4.2 Reg. 2018/848)	Lớn lao

4.5.1.32	<i>Vì mục đích nhân giống, những con đực và con cái chưa sinh sản của động vật phi hữu cơ có thể được đưa vào trong trường hợp đổi mới đàn. Sau đó chúng được nuôi theo quy định sản xuất hữu cơ. Ngoài ra, số lượng nữ giới phải tuân theo các giới hạn hàng năm sau: (a) có thể đưa vào tối đa 10% động vật họ ngựa hoặc bò trưởng thành. (App. II, Phần II, trang 1.3.4.4.2a Reg. 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.33	<i>Vì mục đích nhân giống, những con đực và con cái chưa sinh sản của động vật phi hữu cơ có thể được đưa vào trong trường hợp đổi mới đàn. Sau đó chúng được nuôi theo quy định sản xuất hữu cơ. Ngoài ra, số lượng nữ giới phải tuân theo các giới hạn hàng năm sau: (a) có thể đưa vào tối đa 20% lợn, cừu, dê, thỏ hoặc hươu trưởng thành; (App. II, Phần II, trang 1.3.4.4.2a Reg. 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.34	<i>Vì mục đích nhân giống, những con đực và con cái chưa sinh sản của động vật phi hữu cơ có thể được đưa vào trong trường hợp đổi mới đàn. Sau đó chúng được nuôi theo quy định sản xuất hữu cơ. Ngoài ra, số lượng nữ giới phải tuân theo các giới hạn hàng năm sau: (b) trong trường hợp các đơn vị có ít hơn 10 con ngựa, cừu hoặc dê hoặc thỏ hoặc ít hơn 5 con lợn, cừu hoặc dê, việc đổi mới như vậy sẽ được giới hạn ở mức tối đa một con vật mỗi năm. (Phụ lục II, Phần II, trang 1.3.4.4.2b Reg. 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.35	<i>Tỷ lệ quy định tại điểm 1.3.4.4.2 có thể tăng lên 40 % với điều kiện cơ quan có thẩm quyền xác nhận đáp ứng một trong các điều kiện sau: a) việc mở rộng đáng kể trang trại đã được thực hiện; b) một chủng tộc đã được thay thế bằng một chủng tộc khác; c) một chuyên ngành mới về chăn nuôi đã được phát triển. (App. II Phần II trang 1.3.4.4.3 Reg. 2018/848) Thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2.2 Phụ lục II, Phần II của Quy định. 2018/848 bắt đầu sớm nhất khi động vật được đưa vào cơ sở sản xuất trong thời kỳ chuyển đổi (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.3.4.4.4 của Quy định 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.36	<i>Trong các trường hợp nêu tại điểm 1.3.4.4.1–1.3.4.4.4 Phần II, Phụ lục II của Quy định. 2018/848, động vật phi hữu cơ được tách khỏi các động vật nuôi khác hoặc có thể được xác định trước khi kết thúc giai đoạn chuyển đổi nêu tại điểm 1.3.4.4.4. Phần II Phụ lục II Nghị quyết 2018/848 (App. II, Phần II, trang 1.3.4.4.5 Reg. 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.37	<i>Người điều hành phải lưu giữ hồ sơ hoặc tài liệu hỗ trợ, bao gồm nguồn gốc của động vật, nhận dạng động vật theo hệ thống liên quan (cá nhân hoặc lò/đàn/tổ), hồ sơ thú y của động vật được đưa vào cơ sở giữ, ngày đến, và thời gian chuyển đổi. (App. II, Phần II, trang 1.3.4.5 Reg. 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.38	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (a) thức ăn cho vật nuôi trong trang trại được lấy chủ yếu từ trang trại nơi động vật được nuôi dưỡng hoặc từ các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc các đơn vị sản xuất chuyển đổi trong các trang trại khác trong cùng khu vực; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.1a, Quy định 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.39	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (b) vật nuôi trong trang trại được cho ăn bằng thức ăn hữu cơ hoặc thức ăn chuyển hóa đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi ở các giai đoạn phát triển khác nhau. (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.1b Reg. 2018/848) Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (c) việc nuôi nhốt động vật trang trại trong điều kiện có thể dẫn đến thiếu máu hoặc sử dụng chế độ ăn uống gây ra hậu quả như vậy đều bị cấm; (App. II, Phần II, trang 1.4.1c, Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.40	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (b) Không được phép cho ăn hạn chế trong chăn nuôi trừ khi có lý do chính đáng về thú y; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.1b Reg. 2018/848)</i>	Lợn lao
4.5.1.41	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (b) Không được phép cho ăn hạn chế trong chăn nuôi trừ khi có lý do chính đáng về thú y; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.1b Reg. 2018/848)</i>	Lợn lao

4.5.1.42	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (c) việc nuôi nhốt động vật trang trại trong điều kiện có thể dẫn đến thiếu máu hoặc sử dụng chế độ ăn uống gây ra hậu quả như vậy đều bị cấm; (App. II, Phần II, trang 1.4.1c, Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.43	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (d) vỗ béo luôn phù hợp với mô hình dinh dưỡng bình thường của từng loài và các nguyên tắc phúc lợi động vật ở mọi giai đoạn của quá trình nuôi dưỡng. (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.4.1d của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.44	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: d) Cấm ép ăn động vật; (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.4.1d của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.45	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (e) ngoại trừ ong, lợn và gia cầm, động vật trang trại sẽ được tiếp cận thường xuyên đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép hoặc được tiếp cận thường xuyên với thức ăn thô; (App. II, Phần II, trang 1.4.1e Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.46	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: f) không sử dụng chất kích thích tăng trưởng hoặc axit amin tổng hợp; (App. II Phần II trang 1.4.1f Reg. 2018/848)</i>	Phê bình
4.5.1.47	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (g) tốt nhất là cho động vật ăn sữa mẹ trong thời kỳ bú trong khoảng thời gian tối thiểu do Ủy ban ấn định theo Điều 14 mục 3 lá thư a) Nghị quyết 2018/848, trong giai đoạn này các sản phẩm thay thế sữa có chứa các thành phần tổng hợp hóa học hoặc không sử dụng các thành phần có nguồn gốc thực vật (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.4.1g của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.48	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (h) nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc thực vật, nguồn gốc tảo, nguồn gốc động vật hoặc nguồn gốc nấm men phải là hữu cơ; (App. II Phần II trang 1.4.1h Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.49	<i>Yêu cầu dinh dưỡng chung. Liên quan đến dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (i) nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất, phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến chỉ được sử dụng khi được phép. để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghị thuật. 24. Reg. 2018/848 và Nghị thuật. 3 của Reg. 2021/1165 (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.4.1 và Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.50	<i>Chăn thả Chăn thả trên đất sinh thái Không ảnh hưởng đến điểm 1.4.2.2, động vật hữu cơ được chăn thả trên đất hữu cơ. (App. II Phần II trang 1.4.2.1 Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.51	<i>Chăn thả Chăn thả trên đất sinh thái Không ảnh hưởng đến điểm 1.4.2.2, động vật hữu cơ được chăn thả trên đất hữu cơ. Tuy nhiên, động vật phi hữu cơ có thể sử dụng đồng cỏ hữu cơ trong một khoảng thời gian giới hạn mỗi năm, với điều kiện là động vật đó được nuôi theo cách thân thiện với môi trường tại các khu vực được hỗ trợ theo Điều 23, 25, 28, 30, 31 và 34 của Quy định (EU) Số 1305/2013 và chúng không hiện diện trên đất hữu cơ cùng lúc với động vật hữu cơ. (App. II, Phần II, trang 1.4.2.1 Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.52	<i>Chăn thả trên đất chung và trong các chuyến đi Động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất chung với điều kiện: a) không có sản phẩm hoặc chất nào không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ được sử dụng trên đất chung trong ít nhất ba năm qua; (App. II Phần II trang 1.4.2.2.1a Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên

4.5.1.53	<p>Chăn thả trên đất chung và trong các chuyến đi Động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất chung với điều kiện: (b) động vật phi hữu cơ sử dụng đất chung được nuôi theo cách thân thiện với môi trường tại các khu vực được hỗ trợ theo Điều 23, 25, 28, 30, 31 và 34 của Quy định (EU) số 1305/2013; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.2.2.1b Reg. 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.54	<p>Chăn thả trên đất chung và trong các chuyến đi Động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất chung với điều kiện: (c) các sản phẩm động vật được sản xuất bởi động vật hữu cơ trong việc sử dụng đất chung sẽ không được coi là sản phẩm hữu cơ trừ khi có thể chứng minh được sự cách ly đầy đủ với động vật phi hữu cơ. (App. II Phần II trang 1.4.2.2.1c Reg. 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.55	<p>Trong quá trình di chuyển, động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất phi hữu cơ khi chúng được đưa từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác. Trong thời kỳ này, động vật hữu cơ được tách ra khỏi các động vật khác. (App. II Phần II trang 1.4.2.2.2 Reg. 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.56	<p>Trong quá trình di chuyển, động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất phi hữu cơ khi chúng được đưa từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác. Thức ăn phi hữu cơ ở dạng cỏ và các loại cây khác mà động vật được phép ăn có: (a) trong thời gian tối đa là 35 ngày bao gồm cả hành trình đến đồng cỏ và chuyến trở về; (App. II Phần II trang 1.4.2.2.2a Reg. 2018/848) hoặc (b) tối đa là 10 % tổng khẩu phần hàng năm được tính theo phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp. (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.2.2.2b Reg. 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.57		
4.5.1.58	<p>Nguồn cấp dữ liệu trong quá trình chuyển đổi. Đối với các trang trại chăn nuôi hữu cơ: (a) trung bình, có tối đa 25% thành phần thức ăn có thể bao gồm thức ăn đang chuyển đổi từ năm thứ hai chuyển đổi. Tỷ lệ phần trăm này có thể tăng lên 100 % khi thức ăn chuyển đổi được lấy từ cơ sở nuôi giữ động vật; (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.3.1a Reg. 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.59	<p>Nguồn cấp dữ liệu trong quá trình chuyển đổi. Đối với trang trại sản xuất chăn nuôi hữu cơ: (b) tối đa 20% tổng lượng thức ăn trung bình dùng cho vật nuôi có thể đến từ việc chăn thả hoặc thu hoạch trên đồng cỏ cố định, lô trồng cây lâu năm hoặc cây protein được gieo trên đất được quản lý hữu cơ trong năm đầu tiên chuyển đổi, với điều kiện đất đó là một phần của cùng một trang trại. (Phụ lục II, Phần II, trang 1.4.3.1b Reg. 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.60	<p>Nguồn cấp dữ liệu trong quá trình chuyển đổi Đối với trang trại sản xuất chăn nuôi hữu cơ: Trường hợp sử dụng cả hai loại thức ăn này để cho ăn trong thời gian chuyển đổi quy định tại điểm (a), (a) và (b) thì tổng tỷ lệ kết hợp của các loại thức ăn đó không vượt quá tỷ lệ cố định tại điểm (a). Và). (App. II Phần II trang 1.4.3.1 Reg. 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.61	<p>Các giá trị số trong điểm 1.4.3.1 được tính hàng năm dưới dạng phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc thực vật (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.4.3.2 của Quy định 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.5.1.62	<p>Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về hệ thống cho ăn và thời gian chăn thả, nếu có. Đặc biệt, họ phải lưu giữ hồ sơ về tên của thức ăn, bao gồm mọi dạng thức ăn được sử dụng, ví dụ thức ăn hỗn hợp, tỷ lệ các nguyên liệu thức ăn khác nhau trong khẩu phần và tỷ lệ thức ăn từ trang trại của chính họ hoặc cùng khu vực, nếu thích hợp, thời gian tiếp cận đồng cỏ, thời gian áp dụng các hạn chế và tài liệu xác nhận việc áp dụng điểm 1.4.2 và 1.4.3 (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.4.4 của Quy định 2018/848) Phòng chống dịch bệnh. Phòng bệnh dựa trên việc lựa chọn giống, dòng, tập quán chăn nuôi, sử dụng thức ăn chất lượng cao, đảm bảo tập luyện, thả giống đầy đủ, chuồng trại phù hợp, đủ điều kiện vệ sinh (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.1 của Đăng ký 2018/848)</p>	Lớn lao
4.5.1.63	<p>Phòng chống dịch bệnh. Phòng bệnh dựa trên việc lựa chọn giống, dòng, tập quán chăn nuôi, sử dụng thức ăn chất lượng cao, đảm bảo tập luyện, thả giống đầy đủ, chuồng trại phù hợp, đủ điều kiện vệ sinh (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.1 của Đăng ký 2018/848)</p>	Lớn lao
4.5.1.64		

4.5.1.65	<i>Việc sử dụng phòng ngừa các sản phẩm thuốc thú y trị dự ứng được tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm thuốc kháng sinh và thuốc bolus bao gồm các phân tử hóa học trị liệu đối chứng được tổng hợp về mặt hóa học, đều bị cấm. (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.3 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Phê bình</i>
4.5.1.66	<i>Việc sử dụng các chất kích thích tăng trưởng hoặc năng suất (bao gồm thuốc kháng sinh, thuốc cầu trùng và các chất kích thích tăng trưởng nhân tạo khác) và hormone hoặc các tác nhân tương tự để kiểm soát sinh sản hoặc các mục đích khác (ví dụ: gây ra hoặc đồng bộ động dục) đều bị cấm. (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.4 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Phê bình</i>
4.5.1.67	<i>Trong trường hợp lấy động vật trang trại từ các cơ sở sản xuất phi hữu cơ, các biện pháp đặc biệt như xét nghiệm sàng lọc hoặc thời gian cách ly sẽ được áp dụng tùy theo điều kiện địa phương (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.5 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.1.68	<i>Liên quan đến việc làm sạch và khử trùng, chỉ sử dụng các sản phẩm để làm sạch và khử trùng tòa nhà và thiết bị cho động vật trang trại được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24. Reg. 2018/848 và Nghệ thuật. 5(1) của Reg. 2021/1165 (Phụ lục II, Phần II, trang 1.5.1.6 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.5.1.69	<i>Các thực thể lưu giữ tài liệu liên quan đến việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc ngày sử dụng sản phẩm, tên sản phẩm, hoạt chất chứa trong sản phẩm và địa điểm sử dụng (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.6 của Reg. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.5.1.70	<i>Chuồng trại, chuồng trại, thiết bị và đồ đạc phải được làm sạch và khử trùng đúng cách để ngăn chặn sự lây truyền bệnh tật và sự phát triển của các sinh vật mang mầm bệnh. (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.7 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.1.71	<i>Phân, nước tiểu, thức ăn thừa hoặc thức ăn bị đổ phải được loại bỏ thường xuyên khi cần thiết để giảm thiểu mùi hôi và tránh thu hút côn trùng hoặc động vật gặm nhấm. (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.7 của Quy định 2018/848) Thuốc diệt chuột (chỉ trong bãi) và các sản phẩm cũng như chất được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 9 và 24. Reg. 2018/848 (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.1.7 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.1.72	<i>Chăm sóc thú y. Nếu mặc dù đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo sức khỏe động vật, nếu động vật bị bệnh hoặc bị thương thì phải điều trị ngay lập tức (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.2.1 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.5.1.73	<i>Nếu việc sử dụng thảo dược, vi lượng đồng căn và các loại thuốc khác không phù hợp thì các sản phẩm thuốc thú y trị dự ứng tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, có thể được sử dụng, nếu cần thiết, với những điều kiện nghiêm ngặt và thuộc trách nhiệm của bác sĩ thú y (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.2.2 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.5.1.74	<i>Nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc khoáng sản được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24, chất phụ gia ăn kiêng được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 và các sản phẩm trị liệu bằng thực vật và vi lượng đồng căn được ưu tiên hơn việc điều trị bằng các sản phẩm thuốc thú y trị liệu tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, với điều kiện là tác dụng điều trị của chúng có hiệu quả đối với một loài động vật nhất định và căn bệnh mà chúng được sử dụng (Phụ lục II, Phần II) . P. 1.5.2.3 Đăng ký. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.5.1.75		
4.5.1.76	<i>Nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc khoáng sản được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24, chất phụ gia ăn kiêng được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 và các sản phẩm trị liệu bằng thực vật và vi lượng đồng căn được ưu tiên hơn việc điều trị bằng các sản phẩm thuốc thú y trị liệu tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, với điều kiện là tác dụng điều trị của chúng có hiệu quả đối với một loài động vật nhất định và căn bệnh mà chúng được sử dụng (Phụ lục II, Phần II) . P. 1.5.2.3 Đăng ký. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.1.77	<i>Ngoại trừ tiêm chủng, điều trị các bệnh ký sinh trùng và các chương trình kiểm soát bệnh bắt buộc khác, trong đó một động vật hoặc một nhóm động vật trải qua hơn ba lần điều trị bằng các sản phẩm thuốc thú y đối chứng tổng hợp hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, trong thời gian 12 tháng hoặc nhiều hơn một lần điều trị nếu một loạt các biện pháp xử lý có thời gian sản xuất dưới một năm, động vật trang trại có liên quan và các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng không được bán dưới dạng sản phẩm hữu cơ và động vật trang trại trải qua giai đoạn chuyển đổi nêu tại điểm 1.2. Phụ lục II Phần II Reg. 2018/848 (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.2.4 của Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>

4.5.1.78	<i>Khoảng thời gian ngừng sử dụng giữa việc sử dụng liều cuối cùng của sản phẩm thuốc thú y đối chứng tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, cho động vật trong điều kiện sử dụng bình thường và quá trình sản xuất hữu cơ các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật đó phải gấp đôi thời gian ngừng sử dụng được áp dụng hợp pháp. theo Điều 11 của Chỉ thị 2001/82/EC và ít nhất là 48 giờ (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.2.5 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.79	<i>Người điều hành phải lưu giữ hồ sơ hoặc tài liệu hỗ trợ về bất kỳ biện pháp điều trị nào và đặc biệt là nhận dạng động vật được điều trị, ngày điều trị, chẩn đoán, liều lượng, tên sản phẩm thuốc và, nếu có, đơn thuốc thú y cho mục đích chăm sóc thú y. và thời gian thu hồi áp dụng trước khi đưa ra thị trường và dán nhãn sản phẩm động vật là hữu cơ (Phụ lục II, Phần II, trang 1.5.2.7 Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.80	<i>Cách nhiệt, sưởi ấm và thông gió của các tòa nhà đảm bảo rằng sự lưu thông không khí, mức bụi, nhiệt độ, độ ẩm không khí tương đối và nồng độ khí được duy trì trong giới hạn đảm bảo phúc lợi cho động vật. Tòa nhà cho phép có đủ thông gió tự nhiên và đủ ánh sáng tự nhiên. (App. II Phần II trang 1.6.1 Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.81	<i>Nhà ở cho động vật trang trại không bắt buộc ở những khu vực có điều kiện khí hậu thích hợp cho phép nuôi động vật ở ngoài trời. Trong những trường hợp như vậy, động vật có thể tiếp cận nơi trú ẩn hoặc khu vực có bóng râm để bảo vệ bản thân khỏi điều kiện thời tiết không thuận lợi. (App. II Phần II trang 1.6.2 Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.82	<i>Mật độ thả vật nuôi trong trang trại trong các tòa nhà đảm bảo sự thoải mái, sức khỏe của chúng và đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng loài và đặc biệt phụ thuộc vào loài, giống và độ tuổi của vật nuôi. Nhu cầu hành vi của động vật cũng được tính đến, đặc biệt phụ thuộc vào quy mô nhóm và giới tính của động vật. Việc thả giống phải đảm bảo phúc lợi cho động vật bằng cách cung cấp đủ không gian để chúng đứng tự nhiên, nằm xuống dễ dàng, xoay người, chải lông, giữ mọi tư thế tự nhiên và thực hiện tất cả các chuyển động tự nhiên như duỗi và vỗ cánh. (App. II, Phần II, trang 1.6.3 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.83	<i>Diện tích tối thiểu của các phòng và lối đi mở cũng như các chi tiết kỹ thuật của các phòng được quy định trong các đạo luật thực hiện nêu tại Điều 1 phải được tôn trọng. 14 mục 3. Nghị quyết 2018/848 (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.6.4 của Quy định 2018/848; Điều 3 của Quy định 2020/464, Phụ lục I của Quy định 2020/464)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.84	<i>Tổng mật độ động vật không vượt quá giới hạn 170 kg nitơ hữu cơ/năm trên một ha đất nông nghiệp (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.6.6 của Quy định 2018/848) Không được phép sử dụng lồng, hộp và bệ phẳng trong quá trình nuôi bất kỳ loài động vật nào (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.6.8 của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.85	<i>Nếu động vật trang trại bị nhốt vì lý do thú y, nó phải được nhốt ở khu vực có nền đất vững chắc và có giường đệm hoặc nơi thích hợp khác để nghỉ ngơi. Con vật phải có khả năng xoay người tự do và duỗi hết chiều dài của nó. (App. II Phần II trang 1.6.9 Reg. 2018/848) Động vật hữu cơ không thể được nuôi trong chuồng nằm trên mặt đất rất ẩm ướt hoặc đầm lầy. (App. II, Phần II, trang 1.6.10 Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.86	<i>Tất cả những người nuôi và xử lý động vật trong quá trình vận chuyển và giết mổ phải có kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết về các nhu cầu về sức khỏe và phúc lợi động vật và đã hoàn thành khóa đào tạo phù hợp, đặc biệt theo Quy định của Hội đồng (EC) số 1/2005 (1) và Quy định của Hội đồng (EC) Số 1099/200 (2) để đảm bảo áp dụng đúng các quy định được nêu trong Quy định này (Phụ lục II Phần II trang 1.7.1 Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.87	<i>Thực hành chăn nuôi, bao gồm mật độ thả giống và điều kiện chuồng trại, đảm bảo đáp ứng các nhu cầu phát triển, sinh lý và tập tính của động vật (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.2 của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.88	<i>Vật nuôi phải có quyền tiếp cận thường xuyên các khu vực ngoài trời cho phép động vật di chuyển tự do, tốt nhất là đến đồng cỏ, bất cứ khi nào điều kiện thời tiết, mùa vụ và điều kiện của đất cho phép, ngoại trừ bất kỳ hạn chế và nghĩa vụ nào liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe con người và động vật. đã được áp dụng dựa trên các quy định của EU (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.3 của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.1.89	<i>Số lượng vật nuôi trong trang trại được giới hạn để giảm thiểu tình trạng chăn thả quá mức, xói mòn đất, xói mòn và ô nhiễm do động vật hoặc do rải phân gây ra (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.4 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.1.90	<i>Vật nuôi phải có quyền tiếp cận thường xuyên các khu vực ngoài trời cho phép động vật di chuyển tự do, tốt nhất là đến đồng cỏ, bất cứ khi nào điều kiện thời tiết, mùa vụ và điều kiện của đất cho phép, ngoại trừ bất kỳ hạn chế và nghĩa vụ nào liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe con người và động vật. đã được áp dụng dựa trên các quy định của EU (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.3 của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên

4.5.1.91	Số lượng vật nuôi trong trang trại được giới hạn để giảm thiểu tình trạng chăn thả quá mức, xói mòn đất, xói mòn và ô nhiễm do động vật hoặc do rải phân gây ra (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.4 của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.1.92	Việc buộc và cách ly động vật trang trại đều bị cấm, ngoại trừ từng động vật trong một khoảng thời gian giới hạn và trong phạm vi được chứng minh dựa trên cơ sở thú y. Chỉ có thể cho phép cách ly động vật trang trại trong một khoảng thời gian giới hạn khi sự an toàn của người lao động hoặc vì lý do phúc lợi động vật gặp nguy hiểm. (App. II Phần II trang 1.7.5 Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.1.93	Người điều hành đã nộp đơn lên cơ quan có thẩm quyền để xin phép nhốt gia súc trong một chuồng với tối đa 50 con (không bao gồm con non), nếu không thể chia động vật thành các nhóm phù hợp với hành vi của chúng, với điều kiện là chúng có quyền tiếp cận thả cỏ trong thời gian chăn thả và được ra bãi chăn thả ít nhất hai lần một tuần khi không thể chăn thả. (App. II Phần II trang 1.7.5 Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.1.94	Thời gian vận chuyển động vật trang trại được giới hạn ở mức tối thiểu (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.6 của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.1.95	Tất cả các loại đau khổ, đau đớn và căng thẳng đều được tránh và hạn chế ở mức tối thiểu trong suốt cuộc đời của động vật, kể cả trong quá trình giết mổ (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.7 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.96	Không ảnh hưởng đến những thay đổi tiếp theo đối với luật phúc lợi động vật của Liên minh, việc cắt đuôi cừu, cắt mỏ được thực hiện trong vòng ba ngày đầu tiên sau khi sinh và cắt sừng có thể được cho phép đặc biệt tùy theo từng trường hợp khi những biện pháp này cải thiện sức khỏe, phúc lợi hoặc vệ sinh vật nuôi trong trang trại hoặc nơi chúng có nguy cơ gặp rủi ro là sự an toàn của nhân viên. (App. II Phần II trang 1.7.8 Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.97	Việc cạo sừng chỉ có thể được phép trong từng trường hợp cụ thể khi nó cải thiện sức khỏe, phúc lợi hoặc vệ sinh của vật nuôi trong trang trại hoặc khi sự an toàn của người lao động gặp nguy hiểm. Cơ quan có thẩm quyền chỉ cho phép sử dụng các thủ tục này nếu đơn vị đã báo cáo và chứng minh một cách hợp lý sự cần thiết phải thực hiện chúng và chúng sẽ được thực hiện bởi nhân viên có trình độ. (App. II Phần II trang 1.7.8 Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.98	Mọi đau khổ của động vật được hạn chế ở mức tối thiểu bằng cách sử dụng thuốc gây mê hoặc giảm đau thích hợp và thu hút nhân viên có trình độ chuyên môn để thực hiện các thủ thuật cũng như thực hiện các thủ tục ở độ tuổi thích hợp nhất của động vật (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.7.9 của Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.1.99	Việc thiến thể chất có thể được thực hiện trong những trường hợp cần duy trì chất lượng sản phẩm và tập quán sản xuất truyền thống nhưng chỉ với các điều kiện nêu tại điểm 1.7.9. Phần II, Phụ lục II, Reg. 2018/848 (App. II, Phần II, trang 1.7.10, Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.2	Bổ sung quy định chung đối với động vật bò, cừu, dê và ngựa	
4.5.2.1	Dinh dưỡng	
4.5.2.1.1	Thời gian tối thiểu cho con bú bằng sữa mẹ. Khoảng thời gian tối thiểu được đề cập tại điểm 1.4.1(a) Phần II (g) của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, liên quan đến việc cho động vật ăn, tốt nhất là bằng sữa mẹ, trong thời kỳ bú là: (a) 90 ngày kể từ khi sinh ra đối với trâu, bò và ngựa; (Điều 2a Reg.2020/464)	Người vị thành niên
4.5.2.1.2	Thời gian tối thiểu cho con bú bằng sữa mẹ. Khoảng thời gian tối thiểu nêu tại điểm 1.4.1(a) Phần II (g) Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, liên quan đến việc cho động vật ăn, tốt nhất là bằng sữa mẹ, trong thời kỳ bú là: (b) 45 ngày kể từ khi sinh đối với gia súc thuộc giống cừu và dê. (Điều 2b Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.2.1.3	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (a) ít nhất 60% thức ăn chăn nuôi đến từ cùng một cơ sở hoặc, trong trường hợp điều này không thể hoặc không có sẵn, được sản xuất với sự hợp tác với các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và với các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi trong việc sử dụng thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ cùng một khu vực. Tỷ lệ này sẽ được tăng lên 70% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 (Phụ lục II, Phần II, trang 1.9.1.1a) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên

4.5.2.1.4	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (b) động vật được tiếp cận đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép; (App. II, Phần II, trang 1.9.1.1b) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.2.1.5	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: c) bắt kể điểm (b) bò đực trên một tuổi được phép tiếp cận đồng cỏ hoặc khu vực trống; (App. II, Phần II, trang 1.9.1.1c) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.2.1.6	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (d) khi động vật được tiếp cận đồng cỏ trong thời gian chăn thả và hệ thống chuồng trại mùa đông cho phép động vật tự do di chuyển, nghĩa vụ cung cấp cho chúng những khu vực thoáng đãng có thể được miễn trong những tháng mùa đông; (App. II, Phần II, trang 1.9.1.1d) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.2.1.7	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: e) hệ thống chăn nuôi dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ, tùy theo sự sẵn có của chúng trong các mùa khác nhau; (App. II, Phần II, trang 1.9.1.1e) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.2.1.8	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: f) ít nhất 60% chất khô của khẩu phần ăn hàng ngày bao gồm thức ăn thô, thức ăn xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua. Đối với động vật dùng để sản xuất sữa, được phép giảm tỷ lệ thức ăn này xuống 50% trong thời gian tối đa là ba tháng trong thời kỳ đầu cho con bú. (Phụ lục II, Phần II, trang 1.9.1.1f) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.2.2	Cơ sở trang trại và thực hành	
4.5.2.2.1	Công suất sử dụng và diện tích tối thiểu của các phòng và không gian mở. Đối với gia súc, cừu, dê và ngựa, mật độ thả giống và diện tích phòng, không gian mở tối thiểu được duy trì theo Phụ lục I, Phần I của Quy định. 2020/464. (Điều 3 Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.2.2.2	Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: a) sân trong nhà nhẵn nhưng không trơn trượt; (App. II, Phần II, trang 1.9.1.2a) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.2.2.3	Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: b) trong phòng có đủ bề mặt thoải mái, sạch sẽ và khô ráo để nằm hoặc nghỉ ngơi, có kết cấu chắc chắn không có thanh gỗ. Khu vực ghế ngồi có chỗ nằm rộng rãi, khô ráo, có trải chăn ga gối đệm. Lớp lót chuồng được làm bằng rơm hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Lớp phủ có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được phê duyệt làm phân bón hoặc chất cải thiện độ phì của đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848 (App. II, Phần II, trang 1.9.1.2b) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.2.2.4	Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: c) bắt chấp Điều khoản. 3 phần 1, đoạn đầu tiên, điểm a) và nghệ thuật. 3 phần Xét rằng, theo đoạn thứ hai của Chỉ thị Hội đồng 2008/119/EC, việc nuôi bê con trên một tuần tuổi trong các chuồng riêng lẻ đều bị cấm, ngoại trừ từng động vật trong một thời gian giới hạn và trong phạm vi cần thiết vì lý do thú y; (App. II, Phần II, trang 1.9.1.2c) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.2.2.5	Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (d) nếu bê con bị nhốt vì lý do thú y thì nó phải được nhốt trên một khu vực có nền đất cứng và có giường có đệm lót. Con bê phải có khả năng xoay người tự do và duỗi hết chiều dài. (App. II, Phần II, trang 1.9.1.2d) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.3	Bổ sung quy định chung cho cổ tử cung	
4.5.3.1	Dinh dưỡng	

4.5.3.1.1	<i>Thời gian tối thiểu cho con bú bằng sữa mẹ. Khoảng thời gian tối thiểu nêu tại điểm 1.4.1(a) Phần II g) Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, đối với việc cho cò từ cung ăn, tốt nhất là bằng sữa mẹ trong thời kỳ bú, là 90 ngày kể từ Sinh. (Điều 5 Quy định 2020/464)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.2	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (a) ít nhất 70% thức ăn chăn nuôi đến từ cùng một cơ sở hoặc, trong trường hợp điều này không thể hoặc không có sẵn, được sản xuất với sự hợp tác với các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và với các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi trong việc sử dụng thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cùng khu vực... (Phụ lục II, Phần II, tr. 1.9.2.1a) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.3	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (b) động vật được tiếp cận đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.1b) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.4	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (c) khi động vật được tiếp cận đồng cỏ trong thời gian chăn thả và hệ thống chuồng trại mùa đông cho phép động vật tự do di chuyển, nghĩa vụ cung cấp cho chúng những khu vực rộng rãi có thể được miễn trong những tháng mùa đông; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.1c) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.5	<i>Về vấn đề cho ăn, phải áp dụng các quy định sau: (d) hệ thống chăn nuôi phải dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ, tùy theo mức độ sẵn có của chúng vào các thời điểm khác nhau trong năm; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.1d) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.6	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: e) ít nhất 60% chất khô của khẩu phần ăn hàng ngày bao gồm thức ăn thô, thức ăn xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua. Đối với những con cái đang tiết sữa, được phép giảm tới 50% trong thời gian tối đa là ba tháng trong thời kỳ đầu cho con bú; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.1e) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.7	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: f) trong mùa sinh trưởng, phải có thể chăn thả tự nhiên ở bãi chăn nuôi. Cấm nuôi động vật trong các bãi không có khả năng cung cấp thức ăn cho gia súc chăn thả; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.1f) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.8	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (g) chỉ cho phép cho ăn bổ sung trong trường hợp không có đủ cơ hội chăn thả do điều kiện thời tiết xấu; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.1g) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.1.9	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: h) động vật được nuôi trong chuồng phải được cung cấp nước sạch và trong lành. Ở những nơi không có sẵn nguồn nước tự nhiên cho động vật thì cần bố trí nơi cho động vật uống nước. (App. II, Phần II, trang 1.9.2.1h) Reg. 2018/848)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.2	Cơ sở trang trại và thực hành	
4.5.3.2.1	<i>Công suất sử dụng và diện tích tối thiểu của không gian mở. Liên quan đến hươu, mật độ thả giống và diện tích phòng và không gian mở tối thiểu được duy trì theo Phụ lục I, Phần II của Quy định. 2020/464. (Điều 6 Quy định 2020/464)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.2.2	<i>Cổ từ cung nên được nuôi trong chuồng hoặc chuồng ngoài trời, đồng thời cho chăn thả khi điều kiện cho phép. (Điều 7(1) Quy định 2020/464)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.2.3	<i>Chuồng hoặc chuồng ngoài trời phải được xây dựng sao cho có thể tách riêng từng loài cổ từ cung khi cần thiết. (Điều 7(2) Quy định 2020/464)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.5.3.2.4	<i>Mỗi chuồng hoặc chuồng ngoài trời phải có khả năng chia thành hai khu vực hoặc mỗi chuồng hoặc chuồng ngoài trời phải liền kề với một chuồng hoặc chuồng ngoài trời khác để có thể tiến hành tuần tự trong mỗi khu vực hoặc chuồng hoặc chuồng. (Điều 7(3) Quy định 2020/464)</i>	<i>Người vị thành niên</i>

4.5.3.2.5	<i>Cổ tử cung phải được cung cấp các tính năng bảo vệ thị giác và thời tiết, tốt nhất là bằng các nơi trú ẩn tự nhiên, ví dụ bằng cách đảm bảo rằng có các nhóm cây hoặc bụi rậm, các bộ phận hoặc rìa rừng trong khu vực bao quanh hoặc bao vây ngoài trời; nếu điều này không thể thực hiện được trong suốt cả năm thì nên cung cấp nơi trú ẩn nhân tạo có mái che. (Điều 8(1) Quy định 2020/464)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.6	<i>Chuồng hoặc đường chạy ngoài trời cho hươu phải được trang bị các vật dụng hoặc phủ thảm thực vật để động vật có thể lau sạch gạc. (Điều 8(2) Quy định 2020/464)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.7	<i>Trong giai đoạn cuối của thai kỳ và hai tuần sau khi sinh con, hươu cái phải được tiếp cận những khu vực được bao phủ bởi thảm thực vật để chúng có thể ẩn giấu bắp chân của mình. (Điều 8(3) Quy định 2020/464)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.8	<i>Hàng rào xung quanh chuồng hoặc đường chạy ngoài trời phải được xây dựng sao cho hươu không thể trốn thoát. (Điều 8(4) Quy định 2020/464)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.9	<i>Về thực hành quản lý và nhà ở, các quy định sau đây sẽ được áp dụng: (a) cổ tử cung được cung cấp nơi ẩn náu, nơi trú ẩn và hàng rào không gây nguy hiểm cho động vật; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.2a) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.10	<i>Các quy tắc sau đây áp dụng cho thực hành quản lý và nuôi nhốt: (b) trong chuồng hươu, động vật phải có khả năng lăn trong bùn để làm sạch lông và điều chỉnh nhiệt độ cơ thể; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.2b) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.11	<i>Các quy định sau đây sẽ được áp dụng đối với cơ sở và các biện pháp quản lý: (c) sàn trong tất cả các cơ sở phải nhẵn nhưng không trơn trượt; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.2c) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.12	<i>Các điều khoản sau đây áp dụng cho cơ sở và thực hành trang trại: d) có đủ khu vực nằm/nghỉ ngơi thoải mái, sạch sẽ và khô ráo trong tất cả các cơ sở xây dựng kiên cố không có thanh gỗ. Khu vực ghế ngồi có chỗ nằm rộng rãi, khô ráo, có trải chân ga gối đệm. Lớp lót chuồng được làm bằng rơm hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Chất độn chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được phép theo Nghệ thuật. 24 làm phân bón hoặc chất cải thiện độ phì của đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.2d) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.3.2.13	<i>Các quy định sau đây áp dụng đối với cơ sở và phương thức chăn nuôi: (e) khu vực cho ăn phải được thiết lập ở những khu vực được bảo vệ khỏi thời tiết và cả động vật và người chăm sóc chúng đều có thể tiếp cận. Nền đất xung quanh khu vực cho ăn được làm cứng, máng ăn phải có mái che; (App. II, Phần II, trang 1.9.2.2e) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.3.2.14	<i>Các quy định sau đây sẽ được áp dụng liên quan đến chuồng trại và hoạt động chăn nuôi: (f) khi không thể đảm bảo việc tiếp cận thức ăn liên tục thì khu vực cho ăn phải được thiết kế sao cho tất cả động vật có thể kiếm ăn cùng một lúc. (App. II, Phần II, trang 1.9.2.2f) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.4	Bổ sung quy định chung cho lợn	
4.5.4.1	Dinh dưỡng	
4.5.4.1.1	<i>Khoảng thời gian tối thiểu nêu tại điểm 1.4.1(a) Phần II g) Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, đối với việc cho lợn ăn, tốt nhất là bằng sữa mẹ, trong thời kỳ bú là 40 ngày kể từ Sinh. (Điều 9 Quy định 2020/464)</i>	Người vị thành niên
4.5.4.1.2	<i>Về việc cho ăn, phải áp dụng các yêu cầu sau: (a) ít nhất 30% thức ăn đến từ cùng một trang trại hoặc, trong trường hợp không thể hoặc không có sẵn, được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hoặc đơn vị sản xuất hữu cơ khác trong giai đoạn chuyển đổi và với các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ cùng một khu vực; (App. II, Phần II, trang 1.9.3.1a) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.4.1.3	<i>Về dinh dưỡng, áp dụng các yêu cầu sau: (b) bổ sung thức ăn thô, thức ăn xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua vào khẩu phần ăn hàng ngày; (App. II, Phần II, trang 1.9.3.1b) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên

4.5.4.1.4	Về việc cho ăn, phải áp dụng các yêu cầu sau: (c) khi người nông dân không thể có được thức ăn chứa protein hoàn toàn từ sản xuất hữu cơ và cơ quan có thẩm quyền đã xác nhận rằng không có đủ số lượng thức ăn có chứa protein hữu cơ thì thức ăn có chứa protein phi hữu cơ có thể được sử dụng cho đến khi ngày 31 tháng 12 năm 2026, với điều kiện đáp ứng các điều kiện sau: (i) nó không có sẵn ở dạng hữu cơ; (ii) nó được sản xuất hoặc chuẩn bị mà không sử dụng dung môi hóa học; (iii) việc sử dụng nó chỉ giới hạn ở việc cho heo con nặng tới 35 kg ăn các hợp chất protein cụ thể; và (iv) tỷ lệ phần trăm tối đa được phép trong khoảng thời gian 12 tháng đối với những động vật đó không vượt quá 5%. Cần tính tỷ lệ chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp (Phụ lục II, Phần II, trang 1.9.3.1c) Reg. 2018/848)	Lợn lao
4.5.4.2	Cơ sở trang trại và thực hành	
4.5.4.2.1	Đối với lợn, mật độ thả giống và diện tích chuồng trại, không gian mở tối thiểu được xác định theo Phần III của Phụ lục I. Bắt đầu từ 2020/464 (Điều 10 Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.4.2.2	Ít nhất một nửa diện tích tối thiểu của cả các phòng và không gian mở quy định tại Phụ lục I, Phần III, phải có kết cấu kiên cố, tức là không có dải và lưới. (Điều 11 Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.4.2.3	Khu vực thoáng mát phải tạo điều kiện thoải mái cho lợn. Nếu có thể, ưu tiên các khu vực có cây xanh hoặc rừng. (Điều 12(1) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.4.2.4	Các khu vực ngoài trời phải có khí hậu ngoài trời và có lối vào nơi trú ẩn cũng như các điều kiện để duy trì nhiệt độ cơ thể thích hợp cho lợn. (Điều 12(2) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.4.2.5	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: a) sàn trong nhà nhẵn nhưng không trơn trượt; (App. II, Phần II, trang 1.9.1.2a) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.4.2.6	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: b) trong phòng có đủ bề mặt thoải mái, sạch sẽ và khô ráo để nằm hoặc nghỉ ngơi, có kết cấu chắc chắn không có thanh gỗ. Khu vực ghé ngồi có chỗ nằm rộng rãi, khô ráo, có trải chăn ga gối đệm. Lốp lót chuồng được làm bằng rom hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Lốp phủ có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được phê duyệt làm phân bón hoặc chất cải thiện độ phì của đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848 (Phụ lục II, Phần II, trang 1.9.3.2b) Reg. 2018/848)	Lợn lao
4.5.4.2.7	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: c) luôn phải có một chiếc giường làm bằng rom hoặc vật liệu thích hợp khác đủ rộng để tất cả lợn trong chuồng có thể nằm xuống cùng một lúc sao cho mỗi con chiếm càng nhiều không gian càng tốt; (App. II, Phần II, trang 1.9.3.2c) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.4.2.8	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: d) lợn nái được nhốt theo nhóm, ngoại trừ giai đoạn cuối của thai kỳ và trong thời kỳ cho ăn, trong thời gian đó lợn nái phải được di chuyển tự do trong chuồng và việc di chuyển của chúng chỉ có thể bị hạn chế trong thời gian ngắn; (App. II, Phần II, trang 1.9.3.2d) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.4.2.9	Về thực hành quản lý và chuồng trại, phải áp dụng các quy định sau: (e) tùy theo yêu cầu bổ sung rom, lợn nái phải được cung cấp rom hoặc vật liệu tự nhiên phù hợp khác với số lượng đủ vài ngày trước ngày đẻ dự kiến để chúng có thể xây dựng chuồng trại. một cái tổ; (App. II, Phần II, trang 1.9.3.2e) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.4.2.10	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: f) chạy cho phép lợn đáp ứng được nhu cầu sinh lý và đào hang của chúng. Các chất nền khác nhau có thể được sử dụng cho mục đích khác. (App. II, Phần II, trang 1.9.3.2f) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.5	Bổ sung quy định chung cho gia cầm	
4.5.5.1	Nguồn gốc của động vật	

4.5.5.1.1		
4.5.5.1.2	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trường hợp người chăn nuôi không sử dụng dây chuyền chăn nuôi gia cầm sinh trưởng chậm thì áp dụng tuổi giết mổ tối thiểu sau: (a) 81 ngày đối với gà; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1a) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.3	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trong trường hợp người chăn nuôi có liên quan không sử dụng các dây chuyền gia cầm sinh trưởng chậm, tuổi giết mổ tối thiểu sau đây sẽ được áp dụng: (b) 150 ngày đối với gà trống giống; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1b) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.4	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trong trường hợp người chăn nuôi không sử dụng dây chuyền chăn nuôi gia cầm sinh trưởng chậm thì áp dụng tuổi giết mổ tối thiểu sau: (c) 49 ngày đối với vịt Bắc Kinh; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1c) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.5	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trong trường hợp người nông dân liên quan không sử dụng các dây chuyền gia cầm sinh trưởng chậm thì độ tuổi giết mổ tối thiểu sau đây sẽ được áp dụng: (d) 70 ngày đối với vịt Muscovy cái; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1d) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.6	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trong trường hợp người nông dân liên quan không sử dụng các dây chuyền gia cầm sinh trưởng chậm, tuổi giết mổ tối thiểu sau đây sẽ được áp dụng: (e) 84 ngày đối với vịt Muscovy đực; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1e) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.7	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trường hợp người chăn nuôi không sử dụng dây chuyền chăn nuôi gia cầm sinh trưởng chậm thì áp dụng tuổi giết mổ tối thiểu sau: (f) 92 ngày đối với vịt mún; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1f) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.8	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trong trường hợp người chăn nuôi không sử dụng các dây chuyền gia cầm sinh trưởng chậm, tuổi giết mổ tối thiểu sau đây sẽ được áp dụng: (g) 94 ngày đối với gà sao; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1g) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.9	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trong trường hợp người nông dân không sử dụng các dòng gia cầm sinh trưởng chậm, tuổi giết mổ tối thiểu sau đây sẽ được áp dụng: (h) 140 ngày đối với gà tây và ngỗng đực dùng để quay; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1h) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.1.10	Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp chăn nuôi thâm canh, gia cầm được nuôi cho đến khi đạt đến độ tuổi giết mổ tối thiểu hoặc duy trì các dòng gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với chăn nuôi mở (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.1) Reg. 2018/848). Trong trường hợp người nông dân liên quan không sử dụng các dây chuyền gia cầm sinh trưởng chậm, độ tuổi giết mổ tối thiểu sau đây sẽ được áp dụng: (i) 100 ngày đối với gà tây cái. (App. II, Phần II, trang 1.9.4.1i) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.2	Dinh dưỡng	
4.5.5.2.1	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (a) ít nhất 30% thức ăn chăn nuôi đến từ chính trang trại hoặc, trong trường hợp không thể hoặc không có sẵn, được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và với các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ cùng một khu vực; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.2a) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên

4.5.5.2.2	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: b) Bổ sung thức ăn thô, thức ăn xanh, thức ăn khô hoặc thức ăn ủ chua vào khẩu phần thức ăn hàng ngày; (App. II, Phần II, trang 1.9.3.2b) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.5.2.3	Liên quan đến việc cho ăn, phải áp dụng các quy định sau: (c) khi người nông dân không thể có được thức ăn chứa protein hoàn toàn từ sản xuất hữu cơ cho các loài gia cầm và cơ quan có thẩm quyền đã xác nhận rằng thức ăn có chứa protein hữu cơ không có đủ số lượng, thì thức ăn có chứa protein phi hữu cơ có thể được sử dụng đến ngày 31/12/2025 với điều kiện đáp ứng các điều kiện sau (Phụ lục II, Phần II, điểm 1.9.4.2c) của Reg. 2018/848): (i) nó không có sẵn ở dạng hữu cơ; (ii) được sản xuất hoặc pha chế không sử dụng dung môi hóa học; (iii) việc sử dụng nó chỉ giới hạn ở việc cho gia cầm non ăn các hợp chất protein cụ thể; Và (iv) tỷ lệ phần trăm tối đa được phép trong khoảng thời gian 12 tháng đối với những động vật đó không vượt quá 5%. Cần tính toán phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp.	Lớn lao
4.5.5.3	Phúc lợi động vật	
4.5.5.3.1	Không được nhổ lông gia cầm sống (bị cầm) (App. II, Phần II, trang 1.9.4.3) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.4	Cơ sở trang trại và thực hành	
4.5.5.4.1	Đối với gia cầm, mật độ thả giống và diện tích phòng, không gian thoáng tối thiểu được xác định trên cơ sở Phụ lục I, Phần IV. Bắt đầu 2020/464 (Điều 14 Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.5.4.2	Chuồng nuôi gia cầm phải được xây dựng sao cho gia cầm dễ dàng tiếp cận các khu vực thoáng đãng. Với mục đích này, các nguyên tắc sau được áp dụng: (a) các bức tường bên ngoài của chuồng gia cầm có lối ra/lối vào giúp tiếp cận trực tiếp với các khu vực trống; (Điều 15(1a) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.4.3	Chuồng nuôi gia cầm phải được xây dựng sao cho gia cầm dễ dàng tiếp cận các khu vực thoáng đãng. Với mục đích này, các quy tắc sau được áp dụng: b) mỗi lỗ ra/vào riêng lẻ có kích thước phù hợp với kích cỡ của gia cầm; (Điều 15(1b) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.4.4	Chuồng nuôi gia cầm phải được xây dựng sao cho gia cầm dễ dàng tiếp cận các khu vực thoáng đãng. Với mục đích này, các quy tắc sau được áp dụng: c) chim có thể dễ dàng tiếp cận các lỗ ra/vào; (Điều 15(1c) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.4.5	Chuồng nuôi gia cầm phải được xây dựng sao cho gia cầm dễ dàng tiếp cận các khu vực thoáng đãng. Với mục đích này, các quy tắc sau được áp dụng: d) các lỗ ở mép ngoài của chuồng nuôi gia cầm có tổng chiều dài 4 m trên 100 m ² diện tích sử dụng của diện tích tối thiểu của các phòng trong chuồng nuôi gia cầm; (Điều 15(1d) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.5.4.6	Chuồng nuôi gia cầm phải được xây dựng sao cho gia cầm dễ dàng tiếp cận các khu vực thoáng đãng. Với mục đích này, các quy tắc sau được áp dụng: e) có đường dốc dẫn tới các lỗ hở được nâng lên. (Điều 15(1e) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.4.7	Trong trường hợp chuồng gà có nơi trú ẩn, các quy tắc sau được áp dụng: a) các bức tường bên ngoài cả bên trong ngôi nhà hướng về nơi trú ẩn và ở bên cạnh nơi trú ẩn về phía không gian mở đều có các lối ra/vào cho phép dễ dàng tiếp cận nơi trú ẩn hoặc các khu vực không gian mở tương ứng; (Điều 15(2a) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.4.8	Trong trường hợp chuồng gà có chuồng, áp dụng các quy tắc sau: b) các lối đi từ bên trong chuồng gà vào chuồng có tổng chiều dài 2 m trên 100 m ² diện tích sử dụng với diện tích bên trong tối thiểu của chuồng gà. chuồng gà và các lỗ thông từ chuồng gà ra khu vực trống có tổng chiều dài ít nhất là 4 m/100 m ² diện tích sử dụng, diện tích bên trong tối thiểu của chuồng gà; (Điều 15(2b) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên

4.5.5.4.9	<p><i>Trong trường hợp chuồng gà có nơi trú ẩn, các quy tắc sau được áp dụng:</i> <i>(c) diện tích sử dụng của nơi trú ẩn sẽ không được tính đến khi tính toán mật độ thả giống và diện tích tối thiểu bên trong và bên ngoài chuồng nuôi gia cầm như quy định tại Phần IV của Phụ lục I. Tuy nhiên, một phần bên ngoài có mái che bổ sung của tòa nhà dành cho gia cầm có lớp cách nhiệt khiến phần đó của tòa nhà có nhiệt độ khác với nhiệt độ bên ngoài tòa nhà có thể được tính đến khi tính toán mật độ thả giống và diện tích trong nhà tối thiểu như quy định tại Phần IV của Phụ lục I, nếu đáp ứng các điều kiện sau: (Điều 15(2c) Quy định 2020/464):</i> <i>(i) có thể truy cập đầy đủ 24 giờ một ngày; (Điều 15(2c(i)) Quy định 2020/464)</i> <i>(ii) tuân thủ các yêu cầu nêu tại điểm 1.6.1 và 1.6.3 Phần II của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848; (Điều 15(2c(ii)) Quy định 2020/464)</i> <i>(iii) tuân thủ các yêu cầu tương tự về việc mở lối ra/vào như quy định đối với các nơi trú ẩn ở điểm (a). (a) và (b) của đoạn này; (Điều 15(2c(iii)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.10		
4.5.5.4.11		
4.5.5.4.12		
4.5.5.4.13	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi gia cầm có chuồng trại thực hiện theo nguyên tắc sau: d) diện tích sử dụng của chuồng nuôi không tính vào tổng diện tích sử dụng của chuồng nuôi gia cầm để giết mổ gia cầm nêu tại Phần II, điểm 1.9.4.4(a). . (m) Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848. (Điều 15(2d) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.14	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>a) các phòng riêng biệt phải đảm bảo hạn chế tiếp xúc với các đàn gà khác và không có khả năng lẫn lộn các gà thuộc các đàn khác nhau trong chuồng gà mái; (Điều 15(3a) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.15		
4.5.5.4.16	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464):</i> <i>(i) 3.000 bố mẹ Gallus gallus; (Điều 15(3b(i)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.17	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464):</i> <i>(ii) 10.000 con gà mái tơ; (Điều 15(3b(ii)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.18	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464):</i> <i>(iii) 4 800 con gia cầm giết mổ Gallus gallus; (Điều 15(3b(iii)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.19	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464):</i> <i>(iv) 2.500 capon; (Điều 15(3b(iv)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.20	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464):</i> <i>(v) 4.000 poulard; (Điều 15 mục 3b(v) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.21	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464):</i> <i>(vi) 2.500 con gà tây; (Điều 15 mục 3b(vi) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên

4.5.5.4.22	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464): (vii) 2.500 con ngỗng; (Điều 15(3b(vii)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.23	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464): (viii) 3.200 con vịt Bắc Kinh đực hoặc 4.000 con vịt Bắc Kinh cái; (Điều 15(3b(viii)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.24	<p><i>Trong trường hợp chuồng nuôi gia cầm có phòng riêng biệt dành cho nhiều đàn: (b) áp dụng quy mô đàn tối đa cho một phòng riêng biệt sau đây cho một phòng riêng của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464): (ix) 3.200 con vịt Xạ đực hoặc 4.000 con vịt Xạ cái; (Điều 15(3b(ix)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.25	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464): (x) 3.200 con vịt Mulard đực hoặc 4.000 con vịt Mulard cái; (Điều 15(3b(x)) Reg. 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.26	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>b) áp dụng quy mô đàn tối đa sau đây cho mỗi phòng riêng biệt của chuồng nuôi gia cầm: (Điều 15(3b) Quy định 2020/464): (xi) 5.200 gà sao; (Điều 15(3b(xi)) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.27	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>(c) các phòng riêng biệt được ngăn cách bằng vách ngăn vững chắc trong trường hợp giết mổ gia cầm không phải gia cầm Gallus gallus; vách ngăn vững chắc này đảm bảo rằng mỗi phòng riêng biệt của chuồng gia cầm được tách biệt hoàn toàn về mặt vật lý với các phòng liền kề từ sàn đến trần; (Điều 15(3c) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.28	<p><i>Trường hợp chuồng nuôi có phòng riêng cho nhiều đàn:</i> <i>d) Các phòng riêng phải được ngăn cách bằng vách ngăn, vách ngăn kín, lưới hoặc lưới đối với gà bố mẹ Gallus gallus, gà đẻ, gà mái tơ, gà trống đẻ và gia cầm Gallus gallus để vỗ béo. (Điều 15(3d) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.29		
4.5.5.4.30	<p><i>Khi sử dụng hệ thống nhiều tầng, phải áp dụng các quy tắc sau: (a) hệ thống nhiều tầng chỉ có thể được sử dụng cho bố mẹ Gallus gallus, gà mái đẻ, gà tơ dành cho sản xuất trứng tiếp theo, gà mái tơ dành cho đàn bố mẹ tiếp theo và gà trống đang đẻ; (Điều 15(4a) Quy định 2020/464)</i></p>	Lớn lao
4.5.5.4.31	<p><i>Khi sử dụng hệ thống nhiều tầng, áp dụng các quy tắc sau: b) hệ thống nhiều tầng có không gian sử dụng không quá ba tầng, bao gồm cả tầng trệt; (Điều 15(4b) Quy định 2020/464)</i></p>	Lớn lao
4.5.5.4.32	<p><i>Khi sử dụng hệ thống nhiều tầng thì phải áp dụng các nguyên tắc sau: (c) các tầng trên phải được xây dựng sao cho ngăn chặn phân rơi xuống gia cầm bên dưới và phải được trang bị hệ thống hiệu quả để loại bỏ gà. phân bón; (Điều 15(4c) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.33	<p><i>Khi sử dụng hệ thống đa cấp thì phải áp dụng các nguyên tắc sau: (d) việc kiểm tra chim có thể được thực hiện dễ dàng ở tất cả các cấp; (Điều 15(4d) Quy định 2020/464)</i> <i>Khi sử dụng hệ thống nhiều tầng thì phải áp dụng các nguyên tắc sau: (e) hệ thống nhiều tầng phải đảm bảo sự di chuyển dễ dàng và tự do của tất cả các loài chim đến các tầng hoặc khu vực trung gian khác nhau; (Điều 15 mục 4e Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.34	<p><i>Khi sử dụng hệ thống nhiều tầng thì phải áp dụng các nguyên tắc sau: (e) hệ thống nhiều tầng phải đảm bảo sự di chuyển dễ dàng và tự do của tất cả các loài chim đến các tầng hoặc khu vực trung gian khác nhau; (Điều 15 mục 4e Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên
4.5.5.4.35	<p><i>Khi sử dụng hệ thống nhiều tầng thì phải áp dụng các nguyên tắc sau: (f) hệ thống nhiều tầng phải được xây dựng theo cách mà tất cả các loài chim đều có thể dễ dàng tiếp cận các khu vực ngoài trời. (Điều 15(4f) Quy định 2020/464)</i></p>	Người vị thành niên

4.5.5.4.36	Chuồng gà được trang bị sào hoặc có độ cao để ngồi, hoặc cả hai. Chỗ đậu hoặc khu vực ngồi trên cao, hoặc cả hai, phải được cung cấp cho chim ngay từ khi còn nhỏ với kích thước và tỷ lệ phù hợp với quy mô của nhóm và chim, như được quy định trong Phụ lục I, Phần IV, Quy định 2020/464 (Điều 15(5) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.4.37	Việc sử dụng chuồng gia cầm di động được phép với điều kiện là chúng được di chuyển thường xuyên trong chu kỳ sản xuất để cung cấp cây trồng cho gia cầm và ít nhất là trước khi đưa lứa gia cầm mới vào. Mật độ thả giống gia cầm giết mổ quy định tại Phụ lục I, Phần IV, Mục 4 đến Mục 9 có thể tăng lên tối đa 30 kg trọng lượng sống/m ² với điều kiện diện tích tầng thấp nhất của nhà di động không vượt quá 150 m ² . (Điều 15(6) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.5	Yêu cầu về thảm thực vật và đặc điểm của khu vực không gian mở	
4.5.5.5.1	Các khu vực mở dành cho gia cầm rất hấp dẫn đối với các loài chim và tất cả các loài chim đều có thể tiếp cận được. (Điều 16(1) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.5.5.2	Trường hợp chuồng nuôi có các phòng riêng biệt để nuôi nhiều đàn thì các khu vực thoáng tương ứng với từng phòng riêng biệt phải được tách biệt để hạn chế tiếp xúc với các đàn khác và không để chim thuộc các đàn khác lẫn lộn. (Điều 16(2) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.5.5.3	Các khu vực chăn nuôi gia cầm mở chủ yếu được bao phủ bởi thảm thực vật bao gồm nhiều loại thực vật khác nhau. (Điều 16(3) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.5.5.4	Bố trí đủ số lượng các tính năng an toàn, nơi trú ẩn, cây bụi hoặc cây cối khắp khu vực không gian mở để đảm bảo chim sử dụng toàn bộ khu vực không gian mở một cách bền vững (Điều 16(4) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.5.5.5	Thảm thực vật xuất hiện trong khu vực không gian mở được duy trì để giảm khả năng dư thừa chất dinh dưỡng (Điều 16(5) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.5.5.6	Ranh giới các khu vực ngoài trời không được kéo dài quá 150 m tính từ cửa ra/vào gần nhất của chuồng nuôi gia cầm. Tuy nhiên, khoảng cách này có thể được mở rộng đến 350 m tính từ lối ra/lối vào tòa nhà gần nhất, với điều kiện là có đủ số lượng nơi trú ẩn chống lại điều kiện thời tiết không thuận lợi và động vật ăn thịt được phân bố đều khắp không gian mở, với ít nhất bốn nơi trú ẩn trên một ha. Trong trường hợp của ngõng, loài chim phải có khả năng thỏa mãn nhu cầu của chúng bằng cách ăn cỏ ở khu vực thoáng đặng. (Điều 16(6) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.5.5.7	Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (a) ít nhất một phần ba bề mặt sàn là đặc, tức là không làm bằng những thanh gỗ hoặc lưới và được phủ bằng rác như rơm rạ, dăm gỗ, cát hoặc than bùn; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4a) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.5.5.8	Các yêu cầu sau đây sẽ được áp dụng đối với chuồng trại và các biện pháp quản lý: (b) chuồng gà đẻ có diện tích đủ rộng để thu gom phân; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4b) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.5.5.9	Các yêu cầu sau đây sẽ được áp dụng đối với nhà ở và các phương thức chăn nuôi: (c) các tòa nhà sẽ không có vật nuôi trước khi đưa vào nuôi một lứa gia cầm mới. Trong thời gian này, các tòa nhà và thiết bị phải được làm sạch và khử trùng. Ngoài ra, sau khi nuôi từng lứa gia cầm, các chuồng nuôi sẽ được để trống trong một khoảng thời gian do các Quốc gia Thành viên ấn định để thảm thực vật có thể tái sinh. Đơn vị phải lưu giữ tài liệu hoặc tài liệu hỗ trợ liên quan đến việc áp dụng thời hạn đó. Những yêu cầu này không áp dụng khi gia cầm không được nhốt theo nhóm, không được thả rông và di chuyển tự do suốt cả ngày; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4c) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.5.5.10	Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (d) gia cầm phải được tiếp cận các khu vực ngoài trời trong ít nhất một phần ba cuộc đời của chúng. Tuy nhiên, gà đẻ và gia cầm giết mổ phải được tiếp cận các khu vực ngoài trời trong ít nhất một phần ba cuộc đời của chúng, ngoại trừ các hạn chế định kỳ được áp đặt theo quy định của Liên minh; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4d) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên

4.5.5.5.11	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (e) quyền tiếp cận không gian mở liên tục được cung cấp suốt cả ngày kể từ độ tuổi sớm nhất có thể và bất cứ khi nào điều kiện sinh lý và thể chất cho phép, ngoại trừ các hạn chế định kỳ được áp đặt theo luật của Liên minh; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4e) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.5.5.12	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (f) bằng cách vi phạm điểm 1.6.5, trong trường hợp nuôi gia cầm và gà mái tơ dưới 18 tuần tuổi, trong đó các điều kiện quy định tại điểm 1.7.3 liên quan đến các hạn chế và nghĩa vụ liên quan đến việc bảo vệ cộng đồng và động vật sức khỏe áp đặt theo các quy định được đáp ứng Liên minh và do đó, những gia cầm sinh sản và gà mái tơ dưới 18 tuần tuổi không được tiếp cận các khu vực ngoài trời, chuồng trại sẽ được coi là khu vực ngoài trời và trong những trường hợp như vậy phải được rào bằng lưới thép để ngăn cách chúng từ các loài chim khác; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4f) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.5.5.13	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (g) các khu vực ngoài trời dành cho gia cầm phải cho phép gia cầm dễ dàng tiếp cận đủ số lượng máng uống nước; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4g) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.5.5.14	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (h) khu vực chăn nuôi gia cầm rộng rãi được bao phủ chủ yếu bởi thảm thực vật; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4h) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.5.5.15	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (i) nếu nguồn thức ăn sẵn có ở một khu vực nhất định bị hạn chế, ví dụ do tuyết phủ kéo dài hoặc hạn hán, thì việc cho ăn bằng thức ăn thô sẽ là một phần trong chế độ ăn của gia cầm; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4i) Reg. 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.5.5.5.16	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng đối với thực hành quản lý và chuồng nuôi: (j) khi gia cầm được nuôi trong nhà do các hạn chế hoặc nghĩa vụ áp đặt theo luật của Liên minh, gia cầm phải luôn được tiếp cận đủ thức ăn thô và vật liệu thích hợp để đáp ứng nhu cầu của chúng, nhu cầu đạo đức của họ; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4j) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.5.5.17	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (k) các loài chim nước phải được tiếp cận suối, ao, hồ hoặc ao bất cứ khi nào điều kiện thời tiết và vệ sinh cho phép để có thể đáp ứng các nhu cầu cụ thể của loài và các yêu cầu về phúc lợi động vật; khi điều kiện thời tiết không cho phép tiếp cận như vậy, chim có thể tiếp cận với nước để chúng có thể ngâm đầu và làm sạch lông; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4k) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.5.5.18	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: l) Có thể bổ sung ánh sáng tự nhiên bằng ánh sáng nhân tạo sao cho thời gian chiếu sáng tối đa trong ngày là 16 giờ và liên tục ít nhất 8 giờ nghỉ đêm không có ánh sáng nhân tạo; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4l) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.5.5.19	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: m) tổng diện tích sử dụng chuồng nuôi gia cầm để giết mổ gia cầm tại cơ sở sản xuất không vượt quá 1.600 m²; (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4m) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.5.5.20	<i>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (n) không được phép nuôi quá 3.000 con gà đẻ trong một phòng của chuồng gia cầm. (App. II, Phần II, trang 1.9.4.4n) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.6	Bổ sung quy định chung cho thỏ	
4.5.6.1	Dinh dưỡng	
4.5.6.1.1	<i>Khoảng thời gian tối thiểu nêu tại điểm 1.4.1(a) Phần II g) Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, đối với việc cho thỏ ăn, tốt nhất là bằng sữa mẹ, trong thời kỳ bú là 42 ngày kể từ Sinh. (Điều 17 Quy định 2020/464)</i>	Người vị thành niên

4.5.6.1.2	Về dinh dưỡng, áp dụng các yêu cầu sau: (a) ít nhất 70% thức ăn chăn nuôi đến từ chính trang trại hoặc, trong trường hợp không thể hoặc không có sẵn, được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và với các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ cùng một khu vực; (App. II, Phần II, trang 1.9.5.1a) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.6.1.3	Về dinh dưỡng, áp dụng các yêu cầu sau: (b) thô được tiếp cận đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép; (App. II, Phần II, trang 1.9.5.1b) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.6.1.4	Về dinh dưỡng, áp dụng các yêu cầu sau: c) hệ thống bảo trì dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ, tùy theo tính sẵn có của chúng trong các mùa cụ thể; (App. II, Phần II, trang 1.9.5.1c) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.6.1.5	Về việc cho ăn, phải áp dụng các yêu cầu sau: (d) khi không có đủ cỏ thì phải cung cấp thức ăn dạng sợi như rơm rạ hoặc cỏ khô. Cây thức ăn gia súc chiếm ít nhất 60% khẩu phần ăn. (App. II, Phần II, trang 1.9.5.1d) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.6.2	Cơ sở trang trại và thực hành	
4.5.6.2.1	Đối với thô, mật độ thả giống và diện tích tối thiểu của phòng và không gian mở được xác định trên cơ sở Phụ lục I, Phần V. Reg. 2020/464 (Điều 18 Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.6.2.2	Trong thời gian chăn thả, thô được nhốt trong phòng di động trên đồng cỏ hoặc trong phòng cố định có lối vào đồng cỏ. (Điều 19(1) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.6.2.3	Trong thời gian còn lại, thô có thể được nhốt trong phòng cố định với lối đi ra ngoài trời có trồng cây, tốt nhất là trên đồng cỏ. (Điều 19(2) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.6.2.4	Các phòng đồng cỏ di động được di chuyển thường xuyên nhất có thể để đảm bảo sử dụng tối đa đồng cỏ cho việc chăn thả và thiết kế của những phòng như vậy cho phép thô gặm cỏ trên đồng cỏ. (Điều 19(3) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.6.2.5		
4.5.6.2.6	Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau: a) chiều cao của căn phòng sao cho tất cả thô có thể đứng thẳng tại; (Điều 20(1a) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.5.6.2.7	Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau: (b) có thể nuôi các nhóm thô khác nhau và duy trì sự toàn vẹn của thô con khi chúng bước vào giai đoạn vỗ béo; (Điều 20(1b) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.6.2.8	Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau: (c) thô đực, thô cái đang mang thai và thô cái đang sinh sản có thể được tách khỏi nhóm vì mục đích phúc lợi động vật cụ thể và trong khoảng thời gian cụ thể, đồng thời phải duy trì tiếp xúc bằng mắt với những con thô khác; (Điều 20(1c) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.6.2.9	Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau: d) thô cái có cơ hội rời khỏi tổ và quay về đó để chăm sóc con non; (Điều 20(1d) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên
4.5.6.2.10		
4.5.6.2.11	Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau: e) diện tích các phòng đảm bảo: (i) một nơi trú ẩn có mái che với những nơi ẩn náu tối tăm đủ cho tất cả các loại thô; (Điều 20 mục 1e(i) Quy định 2020/464)	Người vị thành niên

4.5.6.2.12	<p>Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau:</p> <p>e) diện tích các phòng đảm bảo:</p> <p>(ii) tất cả thỏ cái vào tổ ít nhất một lần một tuần trước ngày sinh dự kiến và ít nhất cho đến khi kết thúc thời gian cho ăn; (Điều 20(1e(ii)) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.2.13	<p>Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau:</p> <p>e) diện tích các phòng đảm bảo:</p> <p>(iii) tiếp cận đủ số lượng tổ cho con non, với tối thiểu một tổ cho mỗi con cái đang nuôi con non; (Điều 20 mục 1e(iii) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.2.14	<p>Thiết kế nội thất phòng cố định và phòng di động như sau:</p> <p>e) diện tích các phòng đảm bảo:</p> <p>(iv) nguyên liệu để thỏ gặm (Điều 20(1e(iv)) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.2.15		Người vị thành niên
4.5.6.2.16	<p>Thiết kế khu vực ngoài trời trong các cơ sở có phòng cố định như sau: a) khu vực được trang bị các bệ nâng, số lượng đủ và được phân bố đều trên diện tích tối thiểu của khu vực; (Điều 20(2a) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.2.17	<p>Thiết kế khu vực ngoài trời trong cơ sở có phòng cố định như sau:</p> <p>(b) khu vực đó được bao quanh bởi hàng rào đủ cao và được chôn đủ sâu để ngăn chặn động vật trốn thoát bằng cách nhảy qua hoặc đào dưới hàng rào; (Điều 20(2b) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.2.18	<p>Thiết kế khu vực ngoài trời trong cơ sở có phòng cố định như sau:</p> <p>c) nếu khu vực ngoài trời là bê tông thì sẽ dễ dàng tiếp cận phần trồng cây của đường chạy ngoài trời. Nếu không dễ dàng tiếp cận đường chạy này, diện tích của khu vực bê tông không thể được tính đến khi tính diện tích không gian mở tối thiểu; (Điều 20(2c) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.2.19		
4.5.6.2.20	<p>Thiết kế khu vực ngoài trời trong cơ sở có phòng cố định như sau:</p> <p>d) diện tích các phòng đảm bảo:</p> <p>(i) một nơi trú ẩn có mái che với những nơi ẩn náu tối tăm đủ cho tất cả các loại thỏ; (Điều 20(2d(i)) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.2.21	<p>Thiết kế khu vực ngoài trời trong cơ sở có phòng cố định như sau:</p> <p>d) diện tích các phòng đảm bảo:</p> <p>(ii) vật liệu để thỏ gặm. (Điều 20(2d(ii)) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.3	Yêu cầu về thảm thực vật và đặc điểm của khu vực không gian mở	
4.5.6.3.1	<p>Thảm thực vật trong chuồng ngoài trời được duy trì thường xuyên sao cho hấp dẫn thỏ. (Điều 21(1) Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.3.2	<p>Trong thời gian chăn thả, việc luân canh đồng cỏ thường xuyên được quản lý theo cách đảm bảo việc chăn thả thỏ tối ưu. (Điều 21(2) của Quy định 2020/464)</p>	Người vị thành niên
4.5.6.3.3	<p>Các yêu cầu sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác:</p> <p>a) có đủ bề mặt thoải mái, sạch sẽ và khô ráo để nằm/ngủ trong phòng, có kết cấu chắc chắn không có thanh gỗ. Khu vực ghé ngò có chỗ nằm rộng rãi, khô ráo, có trải chăn ga gối đệm. Lốp lót chuồng được làm bằng rom hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Lốp phủ có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được phê duyệt làm phân bón hoặc chất cải thiện độ phì của đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848 (App. II, Phần II, trang 1.9.5.2a) Reg. 2018/848)</p>	Lớn lao

4.5.6.3.4	Các yêu cầu sau đây sẽ được áp dụng đối với hoạt động quản lý và chuồng trại: (b) thỏ được nuôi theo nhóm; (App. II, Phần II, trang 1.9.5.2b) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.6.3.5	Các yêu cầu sau đây áp dụng đối với cơ sở và phương thức canh tác: (c) trang trại duy trì các giống khỏe mạnh thích nghi với điều kiện bên ngoài; (App. II, Phần II, trang 1.9.5.2c) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.6.3.6	Về thực hành quản lý và chuồng trại, phải áp dụng các yêu cầu sau: (d) thỏ phải được tiếp cận: (i) nơi trú ẩn có mái che với những nơi ẩn náu tối tăm; (App. II, Phần II, trang 1.9.5.2d(i)) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.6.3.7	Các yêu cầu sau đây áp dụng đối với thực hành quản lý và chuồng trại: (d) thỏ được tiếp cận: (ii) khu vực ngoài trời có thảm thực vật, tốt nhất là đồng cỏ; (App. II, Phần II, trang 1.9.5.2d(ii)) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.6.3.8	Về thực hành quản lý và chuồng trại, phải áp dụng các yêu cầu sau: (d) thỏ phải được tiếp cận: (iii) một bề mặt cao để đậu, trong nhà hoặc ngoài trời; (App. II Phần II trang 1.9.5.2d(iii)) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.6.3.9	Các yêu cầu sau đây áp dụng đối với thực hành quản lý và chuồng nuôi: (d) thỏ được tiếp cận: (iv) vật liệu làm tổ cho tất cả con cái đang cho con bú. (App. II, Phần II, trang 1.9.5.2d(iv)) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.7	Bổ sung quy định chung liên quan đến ong	
4.5.7.1	Nguồn gốc của động vật	
4.5.7.1.1	Trong trường hợp nuôi ong, ưu tiên cho loài <i>Apis mellifera</i> và các kiểu sinh thái địa phương của nó (App. II, Phần II, trang 1.9.6.1) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.7.2	Dinh dưỡng	
4.5.7.2.1	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: (a) vào cuối mùa sản xuất, các tổ ong được cung cấp đủ mật ong và phấn hoa cho ong để sống sót qua mùa đông; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.2a) Reg. 2018/848	Người vị thành niên
4.5.7.2.2	Về dinh dưỡng, áp dụng các quy định sau: b) chỉ được phép cho các đàn ong ăn nhân tạo khi sự tồn tại của tổ ong gặp nguy hiểm do điều kiện khí hậu. Trong trường hợp như vậy, mật ong hữu cơ, phấn hoa hữu cơ, xi-rô đường hữu cơ hoặc đường hữu cơ được sử dụng để nuôi đàn ong. (App. II, Phần II, trang 1.9.6.2a) Reg. 2018/848	Lớn lao
4.5.7.3	Chăm sóc sức khỏe	
4.5.7.3.1	Về bảo vệ sức khỏe, áp dụng các quy định sau: a) nhằm mục đích bảo vệ khung, tổ ong và tổ ong, đặc biệt là chống lại sâu bệnh, chỉ có thuốc diệt loài gặm nhấm được sử dụng trong bầy cũng như các sản phẩm và chất thích hợp được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghị thuật. 9 và 24 Reg. 2018/848 (App. II, Phần II, trang 1.9.6.3a) Reg. 2018/848	Lớn lao
4.5.7.3.2	Về bảo vệ sức khỏe, áp dụng các quy định sau: b) được phép sử dụng các phương tiện vật lý để khử trùng nhà nuôi ong, chẳng hạn như sử dụng hơi nước nóng và ánh nắng trực tiếp; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.3b) Reg. 2018/848	Lớn lao
4.5.7.3.3	Về bảo vệ sức khỏe, áp dụng các quy định sau: c) hành vi tiêu hủy đàn bố mẹ chỉ được phép để cách ly bệnh nhiễm trùng <i>Varroa destructor</i> (Phụ lục II, Phần II, trang 1.9.6.3c) Reg. 2018/848	Người vị thành niên

4.5.7.3.4	Về bảo vệ sức khoẻ, áp dụng các quy định sau: d) nếu, mặc dù có các biện pháp phòng ngừa, nhưng đàn ong bị bệnh hoặc bị nhiễm bệnh thì chúng phải được điều trị ngay lập tức và, nếu cần, có thể được đưa vào các trại nuôi ong cách ly; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.3d) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.7.3.5	Về bảo vệ sức khoẻ, áp dụng các quy định sau: e) trong trường hợp nhiễm chất phá hủy Varroa, được phép sử dụng axit formic, lactic, acetic và oxalic, cũng như tinh dầu bạc hà, thymol, eucalyptol hoặc long não (Phụ lục II, Phần II, trang 1.9.6.3e) Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.5.7.3.6	Liên quan đến việc bảo vệ sức khoẻ, các điều khoản sau đây được áp dụng: f) nếu điều trị bằng các sản phẩm thuốc trị liệu tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, không phải là các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 9 và 24, trong thời gian điều trị mà các khuẩn lạc đang trải qua. phương pháp xử lý được đặt trong các bể nuôi ong cách ly và tất cả sáp được thay thế bằng sáp từ các bể nuôi ong hữu cơ. Việc chuyển đổi quy định tại điểm 1.2.2 sau đó được áp dụng cho các gia đình đó trong thời gian 12 tháng. (App. II, Phần II, trang 1.9.6.3f) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.7.4	Phúc lợi động vật	
4.5.7.4.1	Các quy định chung bổ sung sau đây áp dụng cho nghề nuôi ong: (a) cấm tiêu diệt ong trên lược như một phương pháp liên quan đến việc thu hoạch sản phẩm nuôi ong; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.4a) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.7.4.2	Các quy định chung bổ sung sau đây áp dụng cho nghề nuôi ong: (b) việc cắt xén ong, chẳng hạn như cắt cánh của ong chúa, đều bị cấm. (App. II, Phần II, trang 1.9.6.4b) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.7.5	Cơ sở trang trại và thực hành	
4.5.7.5.1	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (a) các nhà nuôi ong được đặt tại các khu vực cung cấp nguồn mật hoa và phấn hoa bao gồm chủ yếu là thực vật được trồng hữu cơ hoặc, khi thích hợp, thảm thực vật tự nhiên hoặc rừng không được quản lý theo các quy tắc sản xuất hữu cơ hoặc cây trồng chỉ được xử lý bằng các phương pháp ít tác động đến môi trường; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5a) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.7.5.2	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (b) các cơ sở nuôi ong được đặt cách xa các nguồn có thể dẫn đến ô nhiễm sản phẩm ong hoặc sức khỏe ong kém; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5b) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.7.5.3	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (c) nhà nuôi ong được đặt ở vị trí sao cho trong bán kính 3 km tính từ nhà nuôi ong, nguồn mật hoa và phấn hoa chủ yếu là thực vật được trồng hữu cơ hoặc thảm thực vật tự nhiên hoặc cây trồng chỉ áp dụng các phương pháp ít tác động đến môi trường tương ứng với các phương pháp được đề cập tại Điều 28 và 30 của Quy định (EU) số 1305/2013, không gây ra mối đe dọa đối với tiêu chuẩn nuôi ong là hữu cơ. Những yêu cầu này không áp dụng cho những khu vực không có hoa hoặc tổ ong không hoạt động; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5c) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.7.5.4	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: (d) tổ ong và vật liệu sử dụng trong nuôi ong được làm chủ yếu từ vật liệu tự nhiên không gây nguy cơ ô nhiễm môi trường hoặc sản phẩm nuôi ong; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5d) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.5.7.5.5	Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: e) sáp ong được sử dụng cho các ống mềm mới có nguồn gốc từ các đơn vị sản xuất sinh thái; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5e) Reg. 2018/848)	Lớn lao

4.5.7.5.6	<i>Các điều khoản sau đây áp dụng cho nhà ở và phương thức canh tác: (f) chỉ cho phép các sản phẩm tự nhiên như keo ong, sáp và dầu thực vật trong tổ ong; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5f) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.7.5.7	<i>Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: g) cấm sử dụng chất xua đuổi tổng hợp trong quá trình khai thác mật ong; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5g) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.7.5.8	<i>Các quy định sau đây áp dụng cho cơ sở và phương thức canh tác: h) Cấm lấy mật từ tổ ong có giới; (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5h) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.7.5.9	<i>Liên quan đến cơ sở và phương thức quản lý, các quy định sau sẽ được áp dụng: (i) nghề nuôi ong sẽ không được coi là nuôi ong hữu cơ nếu nó được thực hiện ở các khu vực hoặc khu vực được các Quốc gia Thành viên chỉ định là khu vực hoặc khu vực không thể nuôi ong hữu cơ. (App. II, Phần II, trang 1.9.6.5i) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.5.7.5.10	<i>Nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ: Người vận hành phải duy trì một bản đồ tỷ lệ thích hợp hoặc tọa độ địa lý của vị trí tổ ong, phải nộp cho cơ quan kiểm tra hoặc cơ quan chứng nhận để chứng minh rằng các khu vực mà đàn ong có thể tiếp cận đáp ứng các yêu cầu của Quy định này. Thông tin sau đây phải được nhập vào sổ đăng ký nuôi ong về việc cho ăn bổ sung: tên sản phẩm được sử dụng, ngày tháng, số lượng và tổ ong sử dụng sản phẩm. Khu vực đặt tổ ong được ghi lại cùng với việc xác định tổ ong và thời gian di chuyển. Tất cả các biện pháp được thực hiện, bao gồm loại bỏ phần thừa và chiết xuất mật ong, đều được ghi lại trong sổ đăng ký nuôi ong. Số lượng và ngày lấy mật cũng phải được ghi lại (Phụ lục II, Phần II, trang 1.9.6.6, Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6	Quy định về sản xuất thực phẩm chế biến	
4.6.1	Điều kiện chung sản xuất thực phẩm chế biến	
4.6.1.1	<i>Đặc biệt, các nhà hoạt động sản xuất thực phẩm đã qua chế biến phải tuân thủ các quy tắc sản xuất chi tiết nêu tại Phần IV của Phụ lục II và trong các đạo luật thực thi được đề cập tại đoạn này. 3 của bài viết này. (Điều 16(1) của Quy định 2018/848)</i>	Người vị thành niên
4.6.1.2	<i>Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến cũng như các chất và thành phần khác được sử dụng trong chế biến thực phẩm cũng như các phương pháp khác được sử dụng trong chế biến, chẳng hạn như hun khói, đáp ứng các nguyên tắc thực hành sản xuất tốt (Phụ lục II, Phần IV, điểm 1.1 của Quy định 2018/848) và Điều 6 Reg.2021/1165)</i>	Lớn lao
4.6.1.3	<i>Các đơn vị sản xuất thực phẩm chế biến thiết lập và cập nhật các quy trình phù hợp dựa trên việc xác định một cách có hệ thống các công đoạn chế biến quan trọng (Phụ lục II, Phần IV, điểm 1.2 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.4	<i>Việc sử dụng các quy trình nêu tại điểm 1.2 đảm bảo rằng sản phẩm sản xuất ra luôn được xử lý theo đúng quy định này (Phụ lục II, Phần IV, điểm 1.3 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.5	<i>Người kinh doanh phải tuân thủ các thủ tục nêu tại điểm 1.2 và không ảnh hưởng đến Điều 28, thực hiện các thủ tục này, cụ thể: (a) thực hiện các biện pháp phòng ngừa và lưu giữ hồ sơ về các biện pháp đó; (App. II, Phần IV, điểm 1.4a) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.6	<i>Người vận hành phải tuân thủ các thủ tục nêu tại điểm 1.2 và không ảnh hưởng đến Điều 28 khi thực hiện các thủ tục đó và đặc biệt: (b) thực hiện các hoạt động làm sạch thích hợp, giám sát hiệu quả của chúng và lưu giữ hồ sơ về các hoạt động đó; (App. II, Phần IV, điểm 1.4b) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao

4.6.1.7	<i>Người thực hiện phải tuân thủ các thủ tục nêu tại điểm 1.2 và không ảnh hưởng đến Điều 28, thực hiện các thủ tục này, và đặc biệt: (c) đảm bảo rằng các sản phẩm phi hữu cơ không được đưa ra thị trường với nhãn hiệu liên quan đến sản xuất hữu cơ. (App. II, Phần IV, điểm 1.4c) Reg. 2018/848)</i>	Phê bình
4.6.1.8	<i>Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ đã qua chế biến được tách biệt nhau về thời gian hoặc không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào được xử lý hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: a) thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận (Phụ lục II, Phần IV, điểm 1.5a) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.9	<i>Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ đã qua chế biến được tách biệt nhau về thời gian hoặc không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào được xử lý hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: (b) thực hiện các hoạt động liên tục cho đến khi quá trình sản xuất hoàn tất, theo cách đảm bảo rằng chúng tách biệt về thời gian hoặc không gian với các hoạt động tương tự được thực hiện trên bất kỳ loại sản phẩm nào khác (hữu cơ, chuyển đổi hoặc phi hữu cơ); (App. II, Phần IV, điểm 1.5b) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.10	<i>Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ đã qua chế biến được tách biệt nhau về thời gian hoặc không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào được xử lý hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: (c) trước và sau khi vận hành, bảo quản các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ đảm bảo sự phân tách về thời gian hoặc không gian; (App. II, Phần IV, điểm 1.5c) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.11	<i>Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ đã qua chế biến được tách biệt nhau về thời gian hoặc không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào được xử lý hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: (d) cung cấp sổ đăng ký cập nhật về tất cả các hoạt động và số lượng được xử lý; (App. II, Phần IV, điểm 1.5d) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.12	<i>Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ đã qua chế biến được tách biệt nhau về thời gian hoặc không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào được xử lý hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: (e) thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo truy xuất nguồn gốc của các lô và tránh trộn lẫn hoặc thay thế các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm không chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ; (App. II, Phần IV, điểm 1.5e) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.13	<i>Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ đã qua chế biến được tách biệt nhau về thời gian hoặc không gian. Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào được xử lý hoặc lưu trữ trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: (f) chỉ hoạt động trên các sản phẩm hữu cơ hoặc đang chuyển hóa sau khi đã vệ sinh thiết bị sản xuất một cách thích hợp. (App. II, Phần IV, điểm 1.5f) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.1.14	<i>Các sản phẩm, chất và kỹ thuật tái tạo các đặc tính bị mất trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm hữu cơ, khắc phục hậu quả do sơ suất xảy ra trong quá trình chế biến thực phẩm hữu cơ hoặc có khả năng gây hiểu nhầm về bản chất thực sự của sản phẩm được đưa ra thị trường sẽ không được sử dụng. là thực phẩm hữu cơ (Phụ lục II, Phần IV, điểm 1.6) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.6.2	Yêu cầu chi tiết đối với sản xuất thực phẩm chế biến	
4.6.2.1	Kỹ thuật được phép chế biến thực phẩm	
4.6.2.1.1	<i>Khi chế biến các sản phẩm thực phẩm trong bối cảnh sản xuất hữu cơ, chỉ có thể sử dụng các kỹ thuật tuân thủ các quy tắc nêu trong Chương II của Quy định (EU) 2018/848 và đặc biệt là các kỹ thuật tuân thủ các quy tắc cụ thể có liên quan áp dụng cho chế biến. thực phẩm hữu cơ được quy định tại Điều. 7, với các điều khoản liên quan được nêu tại Chương III của Quy định đó và với các quy tắc sản xuất chi tiết được nêu tại Phần IV của Phụ lục II của Quy định đó. (Điều 23(1) Quy định 2020/464)</i>	Lớn lao

4.6.2.2	Thành phần thực phẩm chế biến	
4.6.2.2.1	Về thành phần của thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến, phải đáp ứng các điều kiện sau: (a) sản phẩm liên quan được sản xuất chủ yếu từ các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp hoặc từ các sản phẩm dùng làm thực phẩm được liệt kê trong Phụ lục I; để xác định xem một sản phẩm có được sản xuất chủ yếu từ các sản phẩm này hay không thì không tính đến các chất phụ gia ở dạng nước và muối; (App. II, Phần IV, điểm 2.1a) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.2.2.2	Về thành phần của thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến phải đáp ứng các điều kiện sau: (b) thành phần hữu cơ không xuất hiện cùng với thành phần đó ở dạng phi hữu cơ; (App. II, Phần IV, điểm 2.1b) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.2.2.3	Về thành phần của thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến phải đáp ứng các điều kiện sau: (c) thành phần đó trong thời gian chuyển đổi không xuất hiện cùng với thành phần đó ở dạng hữu cơ hoặc phi hữu cơ. (App. II, Phần IV, điểm 2.1c) Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.2.3	Sử dụng một số sản phẩm và chất trong chế biến thực phẩm	
4.6.2.3.1	Trong chế biến thực phẩm, ngoại trừ các sản phẩm và chất thuộc ngành rượu vang áp dụng điểm 2 Phần VI và ngoại trừ nấm men áp dụng điểm 1.3 Phần VII, chỉ có phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến và các thành phần phi hữu cơ có thể được sử dụng có nguồn gốc nông nghiệp được phép theo Nghị thuật. 24 hoặc 25 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ và các sản phẩm cũng như các chất nêu tại điểm 2.2.2 và Điều. 4 và 7 của Reg. 2021/1165 (Phụ lục II, Phần IV, điểm 2.2.1 của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.2.3.2	Các sản phẩm, chất sau đây được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm: (a) các chế phẩm dựa trên vi sinh vật và enzym thực phẩm thường được sử dụng trong chế biến thực phẩm, với điều kiện là enzym thực phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm đã được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 Reg. 2018/848 (Phụ lục II, Phần IV, trang 2.2.2a Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.2.3.3	Các sản phẩm và chất sau đây được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm: (b) các chất và sản phẩm như được định nghĩa trong Điều. 3 phần 2 chữ cái c) và chữ cái (d) điểm (i) của Quy định (EC) số 1334/2008 được dán nhãn là chất tạo hương liệu tự nhiên hoặc các chế phẩm tạo hương liệu tự nhiên theo Điều 16 phần 2, 3 và 4 Reg. 2018/848 (Phụ lục II, Phần IV, trang 2.2.2b Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.2.3.4	Các sản phẩm, chất sau đây được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm: (c) thuốc nhuộm để đánh dấu thịt và trứng theo Điều 17 của Quy định (EC) số 1333/2008; (App. II, Phần IV, trang 2.2.2c, Reg. 2018/848)	Phê bình
4.6.2.3.5	Các sản phẩm, chất sau đây được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm: (d) thuốc nhuộm tự nhiên và chất phủ tự nhiên trong trường hợp nhuộm trang trí truyền thống vô trùng được sản xuất nhằm mục đích đưa chúng ra thị trường trong một khoảng thời gian nhất định trong năm; (Phụ lục II, Phần IV, điểm 2.2.2d của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.2.3.6	Các sản phẩm, chất sau đây được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm: e) nước uống và muối hữu cơ hoặc phi hữu cơ (có thành phần chính là natri hoặc kali clorua), thường được sử dụng trong chế biến thực phẩm; (App. II Phần IV trang 2.2.2e Reg. 2018/848)	Phê bình
4.6.2.3.7	Việc sử dụng khoáng chất (bao gồm các nguyên tố vi lượng), vitamin, axit amin và các nguyên tố vi lượng được phép trong chế biến thực phẩm với điều kiện là việc sử dụng chúng trong thực phẩm dành cho tiêu dùng bình thường là "bắt buộc trực tiếp" theo nghĩa được yêu cầu trực tiếp bởi luật pháp Liên minh hoặc các quy định quốc gia. luật phù hợp với luật Liên minh, dẫn đến kết quả là thực phẩm hoàn toàn không thể được đưa ra thị trường như thực phẩm dành cho tiêu dùng bình thường nếu các khoáng chất, vitamin, axit amin hoặc nguyên tố vi lượng này không được thêm vào (Phụ lục II, Phần IV trang .2.2. 2f(i) Reg.2018/848)	Phê bình

4.6.2.3.8	Các sản phẩm và chất sau đây có thể được sử dụng trong chế biến thực phẩm: (f) khoáng chất (bao gồm các nguyên tố vi lượng), vitamin, axit amin và nguyên tố vi lượng, với điều kiện: (ii) trong trường hợp thực phẩm được đưa ra thị trường có đặc tính sức khỏe cụ thể hoặc tác dụng, hoặc dinh dưỡng hoặc liên quan đến nhu cầu của các nhóm người tiêu dùng cụ thể: — trong các sản phẩm được đề cập tại Điều 1 phần 1 thư (a) và (b) của Quy định (EU) số 609/2013 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng 111), việc sử dụng chúng được cho phép theo Quy định đó và các đạo luật được thông qua theo các Điều khoản trong đó. 11 phần 1 của Quy định này đối với các sản phẩm này, hoặc — trong các sản phẩm nằm trong Chỉ thị của Ủy ban 2006/125/EC 112), việc sử dụng chúng được cho phép theo Chỉ thị đó. (App. II, Phần IV, trang 2.2.2f(ii) Reg. 2018/848)	Phê bình
4.6.2.3.9	Chỉ các sản phẩm làm sạch và khử trùng được phép sử dụng trong quá trình xử lý theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848 và Điều 5(3) của Reg.2021/1165 có thể được sử dụng cho mục đích này. Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm này, bao gồm ngày hoặc ngày sử dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, hoạt chất chứa trong đó và nơi sử dụng. (Phụ lục II, Phần IV, điểm 2.2.3 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.2.3.10	Với mục đích tính toán nêu tại Điều 30 phần 5, các yêu cầu sau đây được áp dụng: một số chất phụ gia thực phẩm được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 được phân loại là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp (Phụ lục II, Phần IV, điểm 2.2.4a của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.2.3.11	Nhằm mục đích tính toán nêu tại Điều 30 mục 5, các yêu cầu sau sẽ được áp dụng: (b) các chế phẩm và chất nêu tại điểm 2.2.2(a). a), c), d), e) và f) không được phân loại là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp (Phụ lục II, Phần IV, điểm 2.2.4b của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.2.3.12	Với mục đích tính toán nêu tại Điều 30 mục 5, các yêu cầu sau sẽ được áp dụng: (c) men và các sản phẩm men phải được phân loại là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp. (App. II, Phần IV, trang 2.2.4c, Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.3	Quy định về sản xuất thức ăn chế biến	
4.6.3.1	Kỹ thuật được phép chế biến sản phẩm thức ăn chăn nuôi	
4.6.3.1.1	Khi chế biến sản phẩm thức ăn chăn nuôi trong bối cảnh sản xuất hữu cơ, chỉ có thể sử dụng các kỹ thuật tuân thủ các quy tắc nêu trong Chương II của Quy định (EU) 2018/848, đặc biệt là các quy tắc cụ thể có liên quan áp dụng cho chế biến thức ăn hữu cơ được quy định tại Điều 8, với các quy định liên quan nêu tại Chương III của Quy định đó và với các quy tắc sản xuất chi tiết được nêu tại Phần V của Phụ lục II của Quy định đó, kỹ thuật nào không tái tạo được các đặc tính bị mất trong quá trình chế biến và bảo quản thức ăn hữu cơ, không khắc phục hậu quả do sơ suất xảy ra trong quá trình chế biến thức ăn hữu cơ hoặc không được làm sai lệch về bản chất thực sự của sản phẩm. (Điều 24(1) Quy định 2020/464)	Lớn lao
4.6.3.1.2	Đặc biệt, các nhà hoạt động sản xuất thức ăn đã qua chế biến phải tuân thủ các quy tắc sản xuất chi tiết nêu tại Phần V của Phụ lục II và trong các đạo luật thực thi được đề cập tại đoạn này. 3 của bài viết này (Điều 17(1) của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.6.3.2		
4.6.3.2.1	Yêu cầu chung đối với sản xuất thức ăn chế biến Phụ gia thức ăn chăn nuôi, chất hỗ trợ chế biến và các chất và thành phần khác được sử dụng trong chế biến thức ăn chăn nuôi cũng như các phương pháp chế biến khác như hun khói đều tuân thủ các nguyên tắc thực hành sản xuất tốt. (Phụ lục II Phần V trang 1.1 Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.2	Các đơn vị sản xuất thức ăn đã qua chế biến thiết lập và cập nhật các quy trình phù hợp dựa trên việc xác định một cách có hệ thống các giai đoạn xử lý quan trọng (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.2 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.3	Việc sử dụng các quy trình nêu tại điểm 1.2 đảm bảo rằng sản phẩm sản xuất ra luôn được xử lý theo đúng quy định này (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.3 của Quy định 2018/848)	Lớn lao

4.6.3.2.4	Các thực thể phải tôn trọng và thực hiện các thủ tục nêu tại điểm 1.2 mà không ảnh hưởng đến Điều. 28, cụ thể là: (a) thực hiện các biện pháp phòng ngừa và lưu giữ hồ sơ về các biện pháp đó; (App. II Phần V trang 1.4a Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.5	Các thực thể phải tôn trọng và thực hiện các thủ tục nêu tại điểm 1.2 mà không ảnh hưởng đến Điều. 28, cụ thể là: b) triển khai các hoạt động vệ sinh thích hợp, giám sát tính hiệu quả của chúng và lưu giữ tài liệu liên quan đến chúng (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.4b của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.6	Các thực thể phải tôn trọng và thực hiện các thủ tục nêu tại điểm 1.2 mà không ảnh hưởng đến Điều. 28, cụ thể: c) đảm bảo rằng các sản phẩm phi hữu cơ không được đưa ra thị trường với nhãn hiệu để cập đến sản xuất hữu cơ (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.4c của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.3.2.7	Trong quá trình chuẩn bị, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và phi hữu cơ đã qua chế biến được phân tách theo thời gian hoặc không gian (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.5 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.8	Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc bảo quản trong một đơn vị chế biến nhất định, thì đơn vị: a) thông báo tương ứng cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.5a) của Quy chế 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.9	Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc bảo quản trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: b) thực hiện các hoạt động liên tục cho đến khi hoàn thành theo cách đảm bảo tách biệt về thời gian hoặc không gian với các hoạt động tương tự được thực hiện trên bất kỳ loại sản phẩm nào khác (hữu cơ, chuyển đổi hoặc phi hữu cơ) (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.5b Reg.2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.10	Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc bảo quản trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: c) Trước và sau hoạt động, lưu trữ các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển đổi và sản phẩm phi hữu cơ đảm bảo sự tách biệt về thời gian hoặc không gian (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.5 c của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.11	Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc bảo quản trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: d) cung cấp sổ đăng ký cập nhật về tất cả các hoạt động và số lượng được xử lý (Phụ lục II, Phần V, điểm 1.5 d của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.12	Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc bảo quản trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: (e) thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của các lô và tránh trộn lẫn hoặc thay thế các sản phẩm không chuyển hóa và phi hữu cơ; (App. II Phần V trang 1.5e Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.3.2.13	Nếu các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa hoặc phi hữu cơ, dưới bất kỳ hình thức kết hợp nào, được chế biến hoặc bảo quản trong một đơn vị chế biến nhất định, thì nhà điều hành: (f) chỉ hoạt động trên các sản phẩm hữu cơ hoặc đang chuyển hóa sau khi đã vệ sinh thiết bị sản xuất một cách thích hợp. (App. II Phần V trang 1.5f Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.4	Quy định sản xuất rượu vang	
4.6.4.1	Phạm vi ứng dụng	
4.6.4.1.1	Đặc biệt, các đơn vị sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực rượu vang phải tuân thủ các quy định sản xuất chi tiết có trong Phụ lục II, Phần VI (Điều 18(1) của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.6.4.1.2		
4.6.4.1.3	Trừ khi các quy định của Phần này có quy định khác, Quy định của Ủy ban (EC) số 606/2009 (1) và (EC) số 607/2009 (2) sẽ áp dụng (Phụ lục II, Phần VI, điểm 1.2 của Quy định 2018/ 848)	Lớn lao

4.6.4.2	Sử dụng một số sản phẩm và chất	
4.6.4.2.1	Sản phẩm ngành rượu vang được sản xuất từ nguyên liệu sinh thái (Phụ lục II, Phần VI, điểm 2.1 của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.4.2.2	Vì mục đích của điểm 2.2 Phần VI của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê mới có thể được sử dụng để sản xuất và bảo quản các sản phẩm rượu vang hữu cơ được đề cập trong Phần II của Phụ lục VII của Quy định (EU).) Số 1308/2013 trong Phần D của Phụ lục V của Quy định này, với điều kiện là đơn đăng ký của họ tuân thủ các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là trong giới hạn và theo các điều kiện được quy định trong Quy định (EU) số 1308/2013 và Ủy ban Quy định được ủy quyền (EU) 2019/934, và, khi thích hợp, phù hợp với các quy tắc quốc gia dựa trên luật Liên minh. (Điều 9 Reg.2021/1165)	Phê bình
4.6.4.2.3	Chỉ những sản phẩm và chất được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848, tuân theo các điều kiện và hạn chế được thiết lập trong Quy định (EU) số 1308/2013 và Quy định (EC) số 606/2009, đặc biệt là trong Phụ lục IA của Quy định sau (Phụ lục II, Phần VI, điểm 2.2 của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.4.2.4	Các thực thể phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng tất cả các sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất rượu vang cũng như để làm sạch và khử trùng, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, các hoạt chất có trong sản phẩm và, nếu có, nơi sử dụng đó (Phụ lục II Phần .VI trang 2.3 Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.6.4.3	Thực hành và hạn chế về khoa học	
4.6.4.3.1	Các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây đều bị cấm: (a) làm đặc một phần bằng cách làm nguội theo Phần I, Mục B.1(a) (c) Phụ lục VIII của Quy định (EU) số 1308/2013; (Phụ lục II, Phần VI, điểm 3.2a của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.4.3.2	Các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây đều bị cấm: (b) loại bỏ sulfur dioxide bằng các quy trình vật lý phù hợp với điểm 8 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009; (Phụ lục II Phần VI trang 3.2b Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.4.3.3	Các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây đều bị cấm: (c) điện phân để đảm bảo ổn định cao răng của rượu theo điểm 36 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009; (Phụ lục II, Phần VI, trang 3.2c, Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.4.3.4	Các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây đều bị cấm: (d) khử màu một phần rượu vang theo điểm 40 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009; (App. II Phần VI trang 2.2d Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.4.3.5	Các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây đều bị cấm: (e) việc sử dụng nhựa trao đổi cation để đảm bảo tính ổn định cao răng của rượu theo điểm 43 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009. (App. II Phần VI trang 3.2e Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.4.3.6	Các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây được cho phép với điều kiện đáp ứng các điều kiện sau: a) trong trường hợp xử lý nhiệt theo điểm 2 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009, với điều kiện nhiệt độ không vượt quá 75 °C (Phụ lục II, Phần VI, điểm 3.3a của Quy định 2018 /848)	Lớn lao
4.6.4.3.7	Các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây được cho phép với điều kiện đáp ứng các điều kiện sau: (b) trong trường hợp ly tâm và lọc có hoặc không có chất trợ lọc trợ theo điểm 3 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009, với điều kiện là đường kính lỗ rỗng không nhỏ hơn 0,2 micromet. (App. II Phần VI trang 3.3a Reg. 2018/848)	Lớn lao
4.6.4.3.8	Bất kỳ thay đổi nào được đưa ra sau ngày 1 tháng 8 năm 2010 đối với các phương pháp, quy trình và phương pháp xử lý rượu vang được quy định trong Quy định (EC) số 1234/2007 hoặc Quy định (EC) số 606/2009 chỉ có thể được áp dụng cho sản xuất rượu vang hữu cơ nếu các biện pháp đó được đưa vào Phần này 3 ở mức có thể chấp nhận được và, nếu cần thiết, sau khi đánh giá theo Điều 24 của quy định này (Phụ lục II, Phần VI, điểm 3.3b của Quy định 2018/848)	Lớn lao

4.6.5	Quy định về sản xuất men dùng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	
4.6.5.1	Yêu cầu chung	
4.6.5.1.1	Đặc biệt, người sản xuất men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi phải tuân thủ các quy định chi tiết về sản xuất tại Phụ lục II, Phần VII. (Điều 19(1) Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.6.5.1.2	Chỉ các chất nền sinh thái mới được sử dụng để sản xuất nấm men hữu cơ. Tuy nhiên, cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, được phép thêm tối đa 5% chiết xuất nấm men phi hữu cơ hoặc dịch tự phân vào môi trường (được tính là chất khô) để sản xuất men hữu cơ, trong đó người vận hành không có khả năng thu được chiết xuất nấm men hoặc tự phân từ sản xuất hữu cơ. (Phụ lục II Phần VII trang 1.1 Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.5.1.3	Nấm men hữu cơ không thể có trong thực phẩm hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi cùng với nấm men vô cơ (Phụ lục II, Phần VII, điểm 1.2 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.5.1.4	Các sản phẩm và chất sau đây có thể được sử dụng để sản xuất và điều chế men hữu cơ: a) chất hỗ trợ chế biến được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24; Chỉ các sản phẩm làm sạch và khử trùng được phép sử dụng trong quá trình xử lý theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848 có thể được sử dụng cho mục đích này (Phụ lục II, Phần VII, trang 1.4 của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.6.5.1.5	Các sản phẩm và chất sau đây có thể được sử dụng để sản xuất và điều chế men hữu cơ: (b) các sản phẩm và chất nêu tại điểm 2.2.2(a) của Phần IV. a), b) và e). (Phụ lục II Phần VII trang 1.3b Reg. 2018/848)	Phê bình
4.6.5.1.6	Chỉ các sản phẩm làm sạch và khử trùng được phép sử dụng trong quá trình xử lý theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848 có thể được sử dụng cho mục đích này (Phụ lục II, Phần VII, trang 1.4 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.6.5.1.7	Các thực thể duy trì tài liệu liên quan đến tất cả các sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất men cũng như để làm sạch và khử trùng, bao gồm ngày hoặc các ngày sử dụng của từng sản phẩm, tên sản phẩm, hoạt chất chứa trong đó và nơi sử dụng (Phụ lục). II, Phần VII, điểm 1.5 của Quy chế). 2018/848)	Lớn lao
4.6.6	Quy tắc đối với các sản phẩm không thuộc danh mục sản phẩm được đề cập tại Điều 12–19	
4.6.6.1	Trong trường hợp không có quy tắc sản xuất chi tiết nêu tại khoản 1: a) các thực thể – liên quan đến các sản phẩm được đề cập trong phần 1 – tuân thủ các nguyên tắc được thiết lập trong Điều. 5 và 6, tương ứng, các nguyên tắc được thiết lập trong Điều. 7 và các quy tắc sản xuất chung quy định tại Điều 9–11; (Điều 21(2a) Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.7	Thu gom, đóng gói, vận chuyển và bảo quản	
4.7.1	Đóng gói sản phẩm và vận chuyển đến đơn vị, đơn vị khác	
4.7.1.1	Người vận hành phải đảm bảo rằng các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi được thu hoạch, đóng gói, vận chuyển và bảo quản theo các quy định nêu trong Phụ lục III của R848. (Điều 23(1) Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.7.1.2	Người vận hành chỉ có thể thu thập các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và phi hữu cơ cùng một lúc nếu thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn khả năng trộn lẫn hoặc thay thế các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển đổi và phi hữu cơ và để đảm bảo xác định được sản phẩm hữu cơ và sản phẩm không hữu cơ. sản phẩm đang chuyển đổi. Đơn vị phải lưu giữ thông tin về ngày, giờ, lộ trình, ngày thu thập và thời gian nhận sản phẩm để cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận có thể cung cấp. (Phụ lục III, điểm 1 của Quy định 2018/848)	Lớn lao

4.7.1.3		
4.7.1.4	<p>Người điều hành phải đảm bảo rằng các sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm đang chuyển đổi được vận chuyển đến các đơn vị hoặc đơn vị khác, bao gồm cả người bán buôn và người bán lẻ, chỉ trong bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện phù hợp được đóng kín sao cho không thể thực hiện thay đổi, bao gồm cả việc thay thế nội dung nếu không có giả mạo hoặc làm hỏng lớp bảo vệ. Các tính năng bảo mật và được cung cấp các nhãn có chứa - không ảnh hưởng đến các chỉ dẫn khác theo yêu cầu của luật Liên minh - như sau (Phụ lục III, điểm 2.1.1 của Quy định 2018/848): (a) tên và địa chỉ của thực thể và, nếu chúng là các thực thể khác nhau, chủ sở hữu hoặc người bán sản phẩm; (Phụ lục III, điểm 2.1.1a của Quy định 2018/848) b) tên sản phẩm; (Phụ lục III, điểm 2.1.1b Reg. 2018/848) c) tên hoặc mã của cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận mà thực thể phụ thuộc; (Phụ lục III, điểm 2.1.1c của Quy định 2018/848) và d) khi thích hợp, dấu hiệu nhận biết lô hàng theo hệ thống dấu hiệu được phê duyệt ở cấp quốc gia hoặc được thống nhất với cơ quan kiểm tra hoặc tổ chức chứng nhận, trong đó cho phép lô hàng được liên kết với hồ sơ, được đề cập trong Nghệ thuật. 34 mục 5. (Phụ lục III, điểm 2.1.1d của Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.7.1.5		
4.7.1.6		
4.7.1.7		
4.7.1.8		
4.7.1.9		
4.7.1.10	<p>Các nhà điều hành phải đảm bảo rằng thức ăn hỗn hợp được cấp phép sản xuất hữu cơ và được vận chuyển đến các nhà điều hành hoặc cơ sở khác, bao gồm cả nhà bán buôn và nhà bán lẻ, phải có nhãn chứa, ngoài bất kỳ chỉ dẫn nào khác theo yêu cầu của luật Liên minh, các thông tin sau:</p> <p>a) thông tin được cung cấp tại điểm 2.1.1 (Phụ lục III, điểm 2.1.2a của Quy định 2018/848)</p> <p>(b) khi thích hợp, tính theo phần trăm chất khô:</p> <p>(i) tổng tỷ lệ nguyên liệu thức ăn hữu cơ; (Phụ lục III, điểm 2.1.2b(i) Quy định 2018/848)</p> <p>(ii) tổng tỷ lệ nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được chuyển đổi; (Phụ lục III, điểm 2.1.2b(ii) Quy định 2018/848)</p> <p>(iii) tổng tỷ lệ nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không thuộc điểm (i) và (ii); (Phụ lục III, điểm 2.1.2b(iii) Quy định 2018/848)</p> <p>(iv) tổng tỷ lệ thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp; (Phụ lục III, điểm 2.1.2b(iv) Quy định 2018/848)</p> <p>(c) tên của nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hữu cơ khi thích hợp; (Phụ lục III, điểm 2.1.2c của Quy định 2018/848)</p> <p>(d) tên của nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đang chuyển đổi, nếu có; và (Phụ lục III, điểm 2.1.2d của Quy định 2018/848)</p> <p>(e) trong trường hợp thức ăn chăn nuôi hỗn hợp không thể được đánh dấu theo Điều 30 phần 6, dấu hiệu cho thấy thức ăn chăn nuôi đó có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Quy định này. (Phụ lục III, trang 2.1.2e Reg. 2018/848)</p>	Lớn lao
4.7.1.11		
4.7.1.12		
4.7.1.13		
4.7.1.14		
4.7.1.15		
4.7.1.16		
4.7.1.17	<p>Không ảnh hưởng đến Chỉ thị 66/401/EEC, các nhà điều hành phải đảm bảo rằng trên nhãn bao bì của hỗn hợp hạt giống thức ăn gia súc có chứa hạt hữu cơ và hạt chuyển đổi của các loài thực vật khác nhau và hạt phi hữu cơ của các loài thực vật khác nhau được phép theo các điều kiện liên quan nêu trong Phần I điểm 1.8.5 của Phụ lục II của Quy định này, đã có thông tin chính xác về thành phần của hỗn hợp, được tính bằng phần trăm trọng lượng của từng loài và, nếu có, của từng giống được bao gồm. trong đó (Phụ lục III trang .2.1.3 Reg.2018/848)</p>	Người vị thành niên

4.7.1.18	Ngoài các yêu cầu liên quan nêu trong Phụ lục IV của Chỉ thị 66/401/EEC, thông tin này phải bao gồm, ngoài các chỉ dẫn được yêu cầu trong tiêu đoạn đầu tiên của điểm này, danh sách các loài trong hỗn hợp được dán nhãn là hữu cơ. hoặc trong chuyển đổi. (Phụ lục III, điểm 2.1.3 của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.7.1.19	Tổng tỷ lệ phần trăm tối thiểu theo trọng lượng của hạt hữu cơ và hạt chuyển hóa có trong hỗn hợp phải ít nhất là 70%. (Phụ lục III, điểm 2.1.3 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.7.1.20	Khi hỗn hợp chứa hạt phi hữu cơ thì trên nhãn cũng phải ghi dòng chữ sau: 'Việc sử dụng hỗn hợp này chỉ được phép khi có sự cho phép và trong lãnh thổ Quốc gia Thành viên của cơ quan có thẩm quyền đã cho phép sử dụng hỗn hợp đó. theo điểm 1.8.5 của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ. (Phụ lục III, điểm 2.1.3 của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.7.1.21	Thông tin nêu tại Phụ lục III điểm 2.1.1 và 2.1.2 của Quy định. 2018/848 chỉ có thể được đưa vào tài liệu đi kèm nếu tài liệu đó có thể được liên kết rõ ràng với bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển có chứa sản phẩm. Tài liệu kèm theo chứa thông tin về nhà cung cấp hoặc nhà vận chuyển. (Phụ lục III, điểm 2.1.3 của Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.7.1.22	Không yêu cầu đóng bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển khi việc vận chuyển diễn ra trực tiếp giữa hai thực thể, cả hai đều phải tuân theo hệ thống kiểm soát sinh thái (Phụ lục III, điểm 2.2a của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.7.1.23	Không cần đóng bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển nếu phương tiện vận chuyển chỉ bao gồm các sản phẩm hữu cơ hoặc chỉ các sản phẩm đang trong giai đoạn chuyển đổi (Phụ lục III, điểm 2.2b của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.7.1.24	Không cần đóng bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển khi các sản phẩm này có kèm theo tài liệu chứa các thông tin bắt buộc theo điểm 2.1 (Phụ lục III, điểm 2.2c của Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.7.1.25	Không cần đóng bao bì, container hoặc phương tiện vận chuyển nếu cả bên gửi và bên nhận đều có nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ về các hoạt động vận chuyển này và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận (Phụ lục III, điểm 2.2d của Reg. 2018/848)	Người vị thành niên
4.7.2	Các quy tắc cụ thể đối với việc vận chuyển thức ăn chăn nuôi đến các đơn vị sản xuất, chế biến hoặc kho bảo quản khác	
4.7.2.1	Khi vận chuyển thức ăn chăn nuôi đến các đơn vị sản xuất, chế biến hoặc bảo quản khác, người điều hành phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: (a) trong quá trình vận chuyển, thức ăn hữu cơ được tách biệt một cách hiệu quả về mặt vật lý khỏi thức ăn chuyển hóa và thức ăn phi hữu cơ; (Phụ lục III, điểm 3a của Quy định 2018/848)	Phê bình
4.7.2.2	Khi vận chuyển thức ăn chăn nuôi đến cơ sở sản xuất, chế biến hoặc kho bảo quản khác, người vận hành phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: b) phương tiện hoặc container vận chuyển các sản phẩm phi hữu cơ chỉ được sử dụng để vận chuyển các sản phẩm hữu cơ hoặc các sản phẩm đang chuyển đổi nếu (Phụ lục III, điểm 3b của Quy định 2018/848): (i) các hoạt động làm sạch thích hợp đã được thực hiện và tính hiệu quả đã được xác minh trước khi vận chuyển các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển hóa và người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về các hoạt động này; (Phụ lục III, điểm 3b(i) của Quy định 2018/848) (ii) nhà hoạt động phải đảm bảo rằng tất cả các biện pháp thích hợp được thực hiện liên quan đến các rủi ro được đánh giá theo các thỏa thuận kiểm soát và, khi cần thiết, đảm bảo rằng các sản phẩm phi hữu cơ không thể được đưa ra thị trường với nhãn hữu cơ; (Phụ lục III, điểm 3b(ii) Quy định 2018/848) (iii) đơn vị lưu giữ tài liệu về các hoạt động vận tải này và cung cấp cho cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận; (Phụ lục III, điểm 3b(iii) Quy định 2018/848)	Lớn lao

4.7.2.3	<i>Khi vận chuyển thức ăn chăn nuôi đến cơ sở sản xuất, chế biến hoặc kho bảo quản khác, người vận hành phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: (c) việc vận chuyển thức ăn hữu cơ thành phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi đang chuyển đổi được tách biệt về thời gian và không gian với việc vận chuyển các thành phẩm khác; (Phụ lục III, điểm 3c của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.2.4	<i>Khi vận chuyển thức ăn chăn nuôi đến cơ sở sản xuất, chế biến hoặc kho bảo quản khác, người vận hành phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: (d) trong quá trình vận chuyển, số lượng sản phẩm lúc đầu và từng số lượng riêng biệt được giao trong quá trình giao hàng đều được ghi lại. (Phụ lục III, điểm 3d của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.2.5		
4.7.2.6		
4.7.3	Vận chuyển cá sống	
4.7.3.1	<i>Cá sống được vận chuyển trong bể thích hợp với nước sạch đáp ứng nhu cầu sinh lý về nhiệt độ và oxy hòa tan (Phụ lục III, điểm 4.1 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.3.2	<i>Trước khi vận chuyển cá và sản phẩm cá hữu cơ, bể chứa phải được làm sạch, khử trùng và súc rửa kỹ lưỡng (Phụ lục III, điểm 4.2 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.3.3	<i>Các biện pháp phòng ngừa được thực hiện để giảm căng thẳng. Trong quá trình vận chuyển, mật độ động vật không đạt đến mức được coi là có hại cho một loài nhất định (Phụ lục III, điểm 4.3 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.3.4	<i>Liên quan đến các hoạt động được đề cập tại các điểm 4.1, 4.2 và 4.3, tài liệu phù hợp sẽ được lưu giữ (Phụ lục III, điểm 4.4 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.4	Chấp nhận sản phẩm từ các thực thể khác	
4.7.4.1	<i>Khi chấp nhận các sản phẩm hữu cơ hoặc các sản phẩm đang chuyển đổi, nhà điều hành phải kiểm tra việc đóng gói, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển, nếu cần, và sự hiện diện của nhãn hiệu được quy định trong phần 2 (Phụ lục III, điểm 5 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.4.2	<i>Người thực hiện phải đối chiếu thông tin trên nhãn nêu tại Mục 2 với thông tin trong tài liệu kèm theo. Kết quả của việc kiểm tra này phải được nêu rõ trong tài liệu được nêu tại Điều. 34 phần 5. (Phụ lục III, điểm 5 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.5	Quy định chi tiết về việc nhận sản phẩm từ nước thứ ba	
4.7.5.1	<i>Khi các sản phẩm hữu cơ hoặc các sản phẩm chuyển hóa được nhập khẩu từ nước thứ ba, chúng phải được vận chuyển trong bao bì hoặc thùng chứa thích hợp, đóng kín để tránh bị thay thế nội dung và phải mang mã nhận dạng của nhà xuất khẩu cũng như bất kỳ dấu hiệu và số nào khác để nhận biết. Lô sản phẩm và, nếu thích hợp, trong giấy chứng nhận thanh tra nhập khẩu từ nước thứ ba (Phụ lục III, điểm 6 của Quy định 2018/848)</i>	Thiếu tá Znac
4.7.5.2	<i>Khi nhận một sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được nhập khẩu từ nước thứ ba, thể nhân hoặc pháp nhân nhận lô hàng nhập khẩu đã được giao và nhận để chế biến hoặc tiếp thị tiếp theo phải kiểm tra niêm phong của bao bì hoặc thùng chứa và, trong Trường hợp sản phẩm nhập khẩu theo Điều 45 đoạn 1 chữ cái (b)(iii), phải xác minh rằng chứng nhận kiểm tra được đề cập tại Điều đó bao gồm loại sản phẩm có trong lô hàng. Kết quả của việc kiểm tra này phải được nêu rõ trong tài liệu được nêu tại Điều. 34 phần 5 (Phụ lục III, điểm 6 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.6	Lưu trữ sản phẩm	
4.7.6.1	<i>Cơ sở bảo quản sản phẩm phải được quản lý sao cho đảm bảo nhận dạng được lô hàng và tránh trộn lẫn hoặc nhiễm bẩn với các sản phẩm hoặc chất không tuân thủ các quy định về sản xuất hữu cơ. Khả năng xác định rõ ràng các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển đổi được đảm bảo bất cứ lúc nào. (Phụ lục III, điểm 7.1 của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình

4.7.6.2	<i>Không có phương tiện sản xuất hoặc chất nào khác ngoài những phương tiện được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 9 và nghệ thuật. 24 trong các đơn vị sinh thái sản xuất hữu cơ của thực vật và động vật hoặc trong các đơn vị đó trong thời kỳ chuyển đổi. (Phụ lục III, điểm 7.2 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.6.3	<i>Các sản phẩm thuốc thú y dj ứng, bao gồm cả thuốc kháng sinh, được phép lưu trữ tại các trang trại và trang trại nuôi trồng thủy sản với điều kiện là chúng được bác sĩ thú y kê đơn liên quan đến việc điều trị nêu tại Phụ lục II, Phần II, điểm 1.5.2.2 và Phần III, điểm 3.1 .4.2 chữ a), và chúng được lưu giữ ở nơi được giám sát và được ghi vào tài liệu được đề cập trong Nghệ thuật. 34 mục 5. (Phụ lục III, điểm 7.3 của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.6.4	<i>Khi người vận hành xử lý các sản phẩm hữu cơ hoặc đang chuyển đổi hoặc phi hữu cơ theo bất kỳ sự kết hợp nào và các sản phẩm hữu cơ hoặc đang chuyển đổi được lưu trữ trong các cơ sở lưu trữ cũng chứa các sản phẩm nông nghiệp hoặc thực phẩm khác, các sản phẩm hoặc sản phẩm hữu cơ đang chuyển đổi được tách riêng từ nông sản, thực phẩm khác; (Phụ lục III, điểm 7.4a của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.6.5	<i>Khi các nhà kinh doanh xử lý các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi hoặc phi hữu cơ theo bất kỳ sự kết hợp nào và các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được bảo quản trong các cơ sở bảo quản cũng chứa các sản phẩm nông nghiệp hoặc thực phẩm khác thì phải thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo khả năng xác định lô hàng và tránh trộn lẫn hoặc trao đổi các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm không chuyển đổi và phi hữu cơ (Phụ lục III, điểm 7.4b của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.6.6	<i>Khi người vận hành xử lý các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi hoặc phi hữu cơ theo bất kỳ sự kết hợp nào và các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được bảo quản trong các cơ sở bảo quản, trong đó các sản phẩm nông nghiệp hoặc thực phẩm khác cũng được lưu trữ trước khi bảo quản các sản phẩm hoặc sản phẩm sinh thái trong quá trình bảo quản. giai đoạn chuyển đổi, các hoạt động làm sạch thích hợp đã được thực hiện, tính hiệu quả của các hoạt động này đã được kiểm tra và các đơn vị lưu giữ tài liệu về các hoạt động này (Phụ lục III, điểm 6 của Quy định 2018/848) (Phụ lục III, điểm 7.4c của Quy định . 2018/848)</i>	Lớn lao
4.7.6.7	<i>Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Nghệ thuật. 24 đăng ký. 2018/848 có thể được sử dụng cho mục đích này. (Phụ lục III, điểm 7.5 của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4,8	Trách nhiệm và hành động trong trường hợp nghi ngờ không tuân thủ	
4.8.1		
4.8.2	<i>Khi một thực thể nghi ngờ rằng một sản phẩm mà nó đã sản xuất, chuẩn bị hoặc nhập khẩu hoặc nhận được từ một thực thể khác không tuân thủ Quy định này, thì thực thể đó, theo Điều 28 mục 2: a) xác định và tách biệt sản phẩm liên quan; (Điều 27a Reg.2018/848) (b) kiểm tra xem có thể chứng minh được nghi ngờ về việc không tuân thủ hay không; (Điều 27b Reg.2018/848) (c) không đưa sản phẩm ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi và không sử dụng sản phẩm đó trong sản xuất hữu cơ, trừ khi có thể loại trừ nghi ngờ về việc không tuân thủ; (Điều 27c Reg.2018/848) (d) trong trường hợp có nghi ngờ về việc không tuân thủ hoặc không thể loại trừ, hãy thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan, nếu thích hợp, cung cấp thông tin sẵn có khi thích hợp; (Điều 27d Reg.2018/848) (e) hợp tác đầy đủ với cơ quan có thẩm quyền liên quan hoặc, nếu có, với cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát liên quan để xác minh và xác định nguyên nhân của hành vi nghi ngờ không tuân thủ. (Điều 27e Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.8.3		
4.8.4		
4.8.5		
4.8.6		
4,9	Các biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn sự hiện diện của các sản phẩm và chất trái phép	
4.9.1		

4.9.2	<p>Để ngăn ngừa ô nhiễm với các sản phẩm hoặc chất chưa được cấp phép theo Nghệ thuật. 9 phần Theo đoạn đầu tiên của Điều 3 về sử dụng trong sản xuất hữu cơ, người thực hiện phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối:</p> <p>(a) áp dụng và duy trì các biện pháp tương xứng và đầy đủ để xác định nguy cơ ô nhiễm trong sản xuất và sản phẩm hữu cơ do các sản phẩm hoặc chất trái phép, bao gồm cả việc xác định một cách có hệ thống các điểm nóng; (Điều 28(1a) Quy định 2018/848)</p>	một thiếu tá
4.9.3	<p>Để ngăn ngừa ô nhiễm với các sản phẩm hoặc chất chưa được cấp phép theo Nghệ thuật. 9 phần 3, đoạn đầu tiên, để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, người điều hành phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau ở từng giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối: (b) đưa ra và duy trì các biện pháp tương ứng và đầy đủ để ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm sản phẩm và sản phẩm hữu cơ với các sản phẩm hoặc chất trái phép (Điều 28 Đoạn 1b của Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.9.4	<p>Để ngăn ngừa ô nhiễm với các sản phẩm hoặc chất chưa được cấp phép theo Nghệ thuật. 9 phần Theo đoạn đầu tiên của Điều 3 về sử dụng trong sản xuất hữu cơ, người thực hiện phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối:</p> <p>c) thường xuyên xem xét và điều chỉnh các biện pháp đó (Điều 28(1c) Quy định 2018/848)</p>	Người vị thành niên
4.9.5	<p>Để ngăn ngừa ô nhiễm với các sản phẩm hoặc chất chưa được cấp phép theo Nghệ thuật. 9 phần Theo đoạn đầu tiên của Điều 3 về sử dụng trong sản xuất hữu cơ, người thực hiện phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối:</p> <p>d) tuân thủ các yêu cầu liên quan khác của Quy định này để đảm bảo phân tách các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển đổi và phi hữu cơ (Điều 28(1d) của Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.9.6		
4.9.7	<p>Khi thực thể nghi ngờ rằng, do có sự hiện diện của một sản phẩm được thiết kế để sử dụng hoặc đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang được chuyển đổi, một sản phẩm hoặc chất không được cấp phép theo Điều 9 mục 3, đoạn đầu tiên, để sử dụng trong sản xuất hữu cơ - sản phẩm không tuân thủ Quy định này, người vận hành:</p> <p>a) xác định và phân biệt (các) sản phẩm liên quan; (Điều 28(2a) Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.9.8	<p>Khi thực thể nghi ngờ rằng, do có sự hiện diện của một sản phẩm được thiết kế để sử dụng hoặc đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang được chuyển đổi, một sản phẩm hoặc chất không được cấp phép theo Điều 9 mục 3, đoạn đầu tiên, để sử dụng trong sản xuất hữu cơ - sản phẩm không tuân thủ Quy định này, người vận hành:</p> <p>b) kiểm tra xem sự nghi ngờ có chính đáng hay không (Điều 28(2b) Reg. 2018/848)</p>	Lớn lao
4.9.9	<p>Khi thực thể nghi ngờ rằng, do có sự hiện diện của một sản phẩm được thiết kế để sử dụng hoặc đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang được chuyển đổi, một sản phẩm hoặc chất không được cấp phép theo Điều 9 mục 3, đoạn đầu tiên, để sử dụng trong sản xuất hữu cơ - sản phẩm không tuân thủ Quy định này, người vận hành:</p> <p>c) không đưa sản phẩm ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và không sử dụng sản phẩm đó trong sản xuất hữu cơ, trừ khi có thể loại trừ sự nghi ngờ (Điều 28(2c) Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.9.10	<p>Khi thực thể nghi ngờ rằng, do có sự hiện diện của một sản phẩm được thiết kế để sử dụng hoặc đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang được chuyển đổi, một sản phẩm hoặc chất không được cấp phép theo quy định tại Điều 9, đoạn đầu tiên của Điều 3 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ - sản phẩm không tuân thủ Quy định này, người thực hiện: (d) khi nghi ngờ được chứng minh hoặc không thể loại trừ, phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền hoặc, khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc chứng nhận liên quan nội dung, chỉ định – nếu có – các phân tử có sẵn; (Điều 28(2d) Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao

4.9.11	<i>Khi thực thể nghi ngờ rằng, do có sự hiện diện của một sản phẩm được thiết kế để sử dụng hoặc đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang được chuyển đổi, một sản phẩm hoặc chất không được cấp phép theo Điều 9 mục 3, đoạn đầu tiên, để sử dụng trong sản xuất hữu cơ - sản phẩm không tuân thủ Quy định này, người vận hành: e) hợp tác đầy đủ - với cơ quan có thẩm quyền liên quan hoặc, nếu có, với cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát liên quan - trong việc xác định và xác minh lý do cho sự hiện diện của các sản phẩm hoặc chất trái phép. (Điều 28(2e) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.10	GHI NHÃN	
4.10.1	Sử dụng các thuật ngữ liên quan đến sản xuất hữu cơ	
4.10.1.1	<i>Vì mục đích của Quy định này, một sản phẩm sẽ được coi là có thuật ngữ đề cập đến sản xuất hữu cơ nếu trên nhãn, tài liệu quảng cáo hoặc tài liệu thương mại, sản phẩm đó, các thành phần của nó hoặc nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được sử dụng trong sản xuất được mô tả bằng những thuật ngữ gợi ý người mua rằng sản phẩm đó, các thành phần hoặc nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được sản xuất phù hợp với Quy định này. (Điều 30(1) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.10.1.2	<i>Không được sử dụng thuật ngữ nào, bao gồm cả thuật ngữ được sử dụng trong nhãn hiệu hoặc tên doanh nghiệp hoặc thông lệ trong ghi nhãn hoặc quảng cáo nếu chúng có khả năng gây hiểu lầm cho người tiêu dùng hoặc người dùng bằng cách gợi ý rằng sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm tuân thủ Quy định này. (Điều .30 mục 2 Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.10.1.3	<i>Các sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi không được dán nhãn hoặc quảng cáo là sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi. (Điều 30(3) Quy định 2018/848) Tuy nhiên, nguyên liệu sinh sản thực vật, sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật được sản xuất trong thời gian chuyển đổi tuân thủ Điều 10 mục 4, có thể được đánh dấu và quảng cáo là sản phẩm đang chuyển đổi bằng cách sử dụng cụm từ "đang chuyển đổi" hoặc thuật ngữ tương ứng. , cùng với các thuật ngữ nêu tại mục 1.</i>	Lớn lao
4.10.1.4		
4.10.1.5	<i>Thời hạn nêu trong Đoạn 1 và 3 sẽ không áp dụng cho sản phẩm mà theo luật của Liên minh, phải ghi rõ trên nhãn hoặc trong quảng cáo rằng sản phẩm đó chứa, bao gồm hoặc đã được sản xuất bằng cách sử dụng GMO. (Điều 30(4) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.10.1.6		
4.10.1.7		
4.10.1.8	<i>Liên quan đến thực phẩm chế biến, các thuật ngữ liên quan đến sản xuất hữu cơ được đề cập tại Điều. 30 phần 1 Reg. 2018/848, có thể được sử dụng: (a) trong mô tả bán hàng và trong danh sách thành phần, trong đó danh sách đó là bắt buộc theo luật của Liên minh, với điều kiện là: (i) thực phẩm đã qua chế biến tuân thủ các quy tắc sản xuất được quy định trong Phụ lục II, phần IV và với các quy định được thiết lập theo Điều 16 mục 3 (Điều 30 (5a) (i) Quy định 2018/848); (ii) ít nhất 95% trọng lượng của các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp là hữu cơ (Điều 30 (5a) (ii) Quy định 2018/848), và (iii) trong trường hợp hương liệu, chúng chỉ được sử dụng cho hương liệu tự nhiên các chất tạo hương và các chế phẩm tạo hương tự nhiên được đánh dấu theo Điều 16 mục 2, 3 và 4 của Quy định (EC) số 1334/2008 và trong đó tất cả các thành phần tạo hương và tá được trong hương liệu đều là hữu cơ (Điều 30(5a)(iii) Reg. 2018/848);</i>	Lớn lao

4.10.1.9	<p><i>Liên quan đến thực phẩm chế biến, các thuật ngữ liên quan đến sản xuất hữu cơ được đề cập tại Điều. 30 phần 1 Reg.2018/848, có thể được sử dụng:</i></p> <p><i>(b) chỉ trong danh sách các thành phần, với điều kiện là:</i></p> <p><i>(i) dưới 95% tính theo trọng lượng của các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp là hữu cơ và với điều kiện là các thành phần đó tuân thủ các quy tắc sản xuất nêu trong Quy định này; (Điều 30 mục 5b (i) Quy định 2018/848) và</i></p> <p><i>(ii) thực phẩm đã qua chế biến tuân thủ nguyên tắc sản xuất quy định tại điểm 1.5 Phần IV Phụ lục II, điểm 2.1(a) a), điểm 2.1 lit. (b) và điểm 2.2.1 ngoại trừ các quy định về hạn chế sử dụng các thành phần phi hữu cơ có nguồn gốc nông nghiệp nêu tại điểm 2.2.1 Phần IV Phụ lục II và các quy định được thiết lập theo Điều 16 mục 3; (Điều 30(5b(ii) Reg.2018/848)</i></p>	Lớn lao
4.10.1.10	<p><i>Liên quan đến thực phẩm chế biến, các thuật ngữ liên quan đến sản xuất hữu cơ được đề cập tại Điều. 30 phần 1 Reg.2018/848, có thể được sử dụng:</i></p> <p><i>(c) trong mô tả bán hàng và trong danh sách các thành phần, với điều kiện là:</i></p> <p><i>(i) thành phần chính là sản phẩm sẵn bán hoặc đánh bắt cá (Điều 30(5c(i) Reg. 2018/848)</i></p> <p><i>(ii) thời hạn nêu tại đoạn 1, trong phần mô tả bán hàng đề cập rõ ràng đến một thành phần khác là thành phần hữu cơ và khác với thành phần chính; (Điều 30(5c(ii) Reg.2018/848)</i></p> <p><i>(iii) tất cả các thành phần khác có nguồn gốc nông nghiệp đều là hữu cơ; (Điều 30(5c(iii) Reg. 2018/848) và</i></p> <p><i>(iv) thực phẩm đã qua chế biến tuân thủ nguyên tắc sản xuất quy định tại điểm 1.5 Phần IV Phụ lục II, điểm 2.1(a) a), điểm 2.1 lit. (b) và điểm 2.2.1 ngoại trừ các quy định về hạn chế sử dụng các thành phần phi hữu cơ có nguồn gốc nông nghiệp nêu tại điểm 2.2.1 Phần IV của Phụ lục II và các quy định được thiết lập theo Điều 16 mục 3. (Điều 30(5c(iv) Reg.2018/848)</i></p>	Lớn lao
4.10.1.11		
4.10.1.12		
4.10.1.13		
4.10.1.14		
4.10.1.15		
4.10.1.16		
4.10.1.17		
4.10.1.18		
4.10.1.19	<p><i>Trong danh sách các thành phần nêu tại điểm (a) của đoạn đầu tiên: a), b) và c), có ghi rõ thành phần nào là hữu cơ. Việc đề cập đến sản xuất hữu cơ chỉ có thể xuất hiện liên quan đến các thành phần hữu cơ. (Điều 30(5c) Quy định 2018/848)</i></p>	Người vị thành niên
4.10.1.20	<p><i>Trong danh sách các thành phần nêu tại điểm (a) của điểm đầu tiên: b) và c), tổng tỷ lệ thành phần hữu cơ so với tổng lượng thành phần có nguồn gốc nông nghiệp được cung cấp. (Điều 30(5c) Quy định 2018/848)</i></p>	Người vị thành niên
4.10.1.21	<p><i>Thời hạn nêu tại mục 1, được sử dụng trong danh sách các thành phần nêu tại điểm (a) của tiểu đoạn đầu tiên. (a), (b) và (c) của đoạn này, và chỉ báo tỷ lệ phần trăm được đề cập trong tiểu đoạn thứ ba của đoạn này, phải được trình bày cùng màu, có cùng cỡ chữ và định dạng như các chỉ dẫn khác trong danh sách các thành phần. (Điều 30(5c) Quy định 2018/848)</i></p>	Người vị thành niên
4.10.1.22	<p><i>Đối với thức ăn đã qua chế biến, thời hạn nêu tại khoản 1 có thể được sử dụng trong mô tả bán hàng và trong danh sách các thành phần, với điều kiện là:</i></p> <p><i>(a) thức ăn đã qua chế biến tuân thủ các quy tắc sản xuất quy định tại Phần II, III và V của Phụ lục II và các quy tắc chi tiết quy định tại Điều 17 mục 3; (Điều 30(6a) Reg. 2018/848);</i></p> <p><i>b) tất cả các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp có trong thức ăn chế biến đều là hữu cơ (Điều 30(6b) Quy định 2018/848); Và</i></p> <p><i>(c) ít nhất 95 % chất khô của sản phẩm là hữu cơ. (Điều 30(6c) Quy định 2018/848).</i></p>	Lớn lao
4.10.1.23		

4.10.1.24		
4.10.1.25		
4.10.2	Ghi nhãn sản phẩm, chất dùng trong sản xuất thực vật	
4.10.2.1		
4.10.3	Dấu hiệu bắt buộc	
4.10.3.1		
4.10.3.2	Trường hợp sản phẩm được mô tả với các thuật ngữ được đề cập trong Nghệ thuật. 30 phần 1, bao gồm các sản phẩm được đánh dấu là sản phẩm đang chuyển đổi theo Nghệ thuật. 30(3): a) nhãn cũng bao gồm mã của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận mà đơn vị đã hoàn thành giai đoạn sản xuất hoặc chuẩn bị cuối cùng phải tuân theo (Điều 32(1a) Reg. 2018/848); Và	Lớn lao
4.10.3.3	Trường hợp sản phẩm được mô tả với các thuật ngữ được đề cập trong Nghệ thuật. 30 phần 1, bao gồm các sản phẩm được đánh dấu là sản phẩm đang chuyển đổi theo Nghệ thuật. 30(3): (b) trong trường hợp thực phẩm đóng gói sẵn, logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu nêu tại Điều 11(1) cũng sẽ xuất hiện trên bao bì. 33, trừ các trường hợp quy định tại Điều. 30 phần 3, nghệ thuật. 30 phần 5 lít. để đánh bại). (Điều 32(1b) Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.10.3.4	Khi sử dụng logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu, dấu hiệu về nơi chứa nguyên liệu nông nghiệp thô tạo nên sản phẩm được đặt trong cùng tầm nhìn với biểu tượng - dấu hiệu này lần lượt có một trong các dạng sau: (a) 'nông nghiệp EU' khi nguyên liệu nông nghiệp thô được sản xuất trong Liên minh; (Điều 32(2a) Quy định 2018/848); Và (b) 'nông nghiệp ngoài EU' khi nguyên liệu nông nghiệp thô được sản xuất ở nước thứ ba; (Điều 32(2b) Quy định 2018/848) (c) 'Nông nghiệp EU/nông nghiệp ngoài EU' khi một phần nguyên liệu nông nghiệp thô được sản xuất tại Liên minh và một phần ở nước thứ ba. (Điều 32(2c) Quy định 2018/848)	Lớn lao
4.10.3.5		
4.10.3.6		
4.10.3.7		
4.10.4	Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu	
4.10.4.1		
4.10.4.2	Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu tuân thủ mẫu được nêu trong Phụ lục V của Quy định. 2018/848 và các quy định trong phụ lục này. (Điều 33(4) Quy định 2018/848)	Người vị thành niên
4.11	Giấy chứng nhận	
4.11.1		
4.11.2		
4.11.3		
4.11.4		
4.11.5		

4.11.6		
4.11.7	<i>Các thực thể xác minh giấy chứng nhận của các nhà cung cấp của họ. (Điều 35(6) Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.12	Nhóm thực thể	
4.12.1	<i>Mỗi nhóm thực thể: (a) chỉ bao gồm các thành viên là nông dân hoặc người điều hành sản xuất tảo hoặc động vật nuôi trồng thủy sản và những người cũng có thể thực hiện các hoạt động chế biến, chuẩn bị hoặc tiếp thị thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi; (Điều 36(1a), b) và e) Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.12.2	<i>Mỗi nhóm thực thể: (b) (i) chỉ bao gồm các thành viên mà chi phí chứng nhận cá nhân chiếm hơn 2% giá trị doanh thu hoặc sản xuất tiêu chuẩn của mỗi thành viên trong sản xuất hữu cơ và có giá trị doanh thu hàng năm trong sản xuất hữu cơ không vượt quá 25 000 EUR hoặc có tiêu chuẩn sản xuất trong sản xuất (Điều .36 mục 1b(i) Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.12.3	<i>Mỗi nhóm thực thể: (b) (ii) chỉ bao gồm các thành viên mà mỗi người trong số họ nắm giữ tối đa: - với diện tích 5 ha; - 0,5 ha trong trường hợp nhà kính; hoặc — với diện tích 15 ha – chỉ trong trường hợp đồng cỏ thường xuyên; (Điều 36(1b(ii) Reg.2018/848)</i>	Lớn lao
4.12.4	<i>Mỗi nhóm thực thể: (c) được thành lập tại một Quốc gia Thành viên hoặc ở nước thứ ba; (Điều 36(1c) Quy định 2018/848)</i>	một thiếu tá
4.12.5	<i>Mỗi nhóm thực thể: (d) có tư cách pháp nhân (Điều 36(1d) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.12.6	<i>Mỗi nhóm thực thể: (e) chỉ bao gồm các thành viên thực hiện các hoạt động sản xuất hoặc bất kỳ hoạt động bổ sung nào được đề cập tại điểm (a). a), gần nhau trong cùng một Quốc gia Thành viên hoặc trong cùng một quốc gia thứ ba (Điều 36(1e) Reg. 2018/848)</i>	Lớn lao
4.12.7	<i>Mỗi nhóm thực thể: (f) thiết lập một hệ thống chung để tiếp thị các sản phẩm do tập đoàn sản xuất; (Điều 36(1f) Quy định 2018/848) và</i>	Lớn lao
4.12.8	<i>Mỗi nhóm thực thể: (g) thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm một bộ tài liệu các hoạt động và thủ tục kiểm soát, theo đó một cá nhân hoặc tổ chức cụ thể chịu trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ Quy định này của từng thành viên trong nhóm. (Điều 36(1g) Quy định 2018/848):</i>	Lớn lao
4.12.9	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ</i>	
4.12.10	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản dành cho: (i) đăng ký thành viên nhóm; (Điều 36(1g(i) Reg. 2018/848;)</i>	Lớn lao

4.12.11	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản liên quan đến: (ii) kiểm soát nội bộ, bao gồm kiểm tra thực tế nội bộ hàng năm tại chỗ của từng thành viên nhóm và mọi kiểm tra bổ sung dựa trên rủi ro, trong từng trường hợp do người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ lên kế hoạch và do thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ có vai trò phụ trách thực hiện. nêu ở điểm (a). h) Mục 1 Điều 1. 36 Reg. 2018/848 (Điều 36(1g(ii)) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.12	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản liên quan đến: (iii) phê duyệt các thành viên mới trong nhóm hiện có hoặc, nếu thích hợp, phê duyệt đơn vị sản xuất mới hoặc hoạt động mới của các thành viên hiện tại sau khi được người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ phê duyệt trên cơ sở báo cáo kiểm soát nội bộ (Điều 36(1g(iii)) Reg.2018 /848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.13	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản liên quan đến: (iv) đào tạo thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ, diễn ra ít nhất mỗi năm một lần và kèm theo đánh giá kiến thức mà người tham gia thu được (Điều 36(1g(iv)) Reg. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.14	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản liên quan đến: (v) đào tạo các thành viên nhóm về các quy trình của hệ thống kiểm soát nội bộ và các yêu cầu của Quy định này (Điều 36(1g) (v) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.15	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản liên quan đến: (vi) kiểm tra tài liệu và hồ sơ (Điều 36 mục 1g (vi) Reg. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.16	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản liên quan đến: (vii) các biện pháp được áp dụng trong trường hợp không tuân thủ được phát hiện trong quá trình kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các biện pháp tiếp theo được thực hiện liên quan đến các biện pháp này (Điều 36(1g(vii)) Reg. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.17	<i>Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các thủ tục dạng văn bản liên quan đến: (viii) truy xuất nguồn gốc nội bộ, cho biết nguồn gốc của các sản phẩm được cung cấp theo hệ thống tiếp thị sản phẩm chung của tập đoàn và cho phép truy xuất nguồn gốc tất cả các sản phẩm của tất cả các thành viên ở tất cả các giai đoạn như sản xuất, chế biến, chuẩn bị hoặc tiếp thị, bao gồm cả việc ước tính và kiểm tra chéo. kiểm tra hiệu quả sản xuất của từng thành viên trong nhóm (Điều 36(1g(viii)) Reg. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.18	<i>Mỗi nhóm thực thể: (h) bổ nhiệm người quản lý hệ thống kiểm soát nội bộ và ít nhất một thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ, những người này có thể là thành viên của nhóm. Vị trí của họ không thể được kết hợp. Số lượng thanh tra viên của hệ thống kiểm soát nội bộ phải phù hợp và tương xứng, đặc biệt với loại hình, cơ cấu, quy mô, sản phẩm, hoạt động của tập đoàn và khối lượng sản xuất hữu cơ của tập đoàn. Thanh tra hệ thống kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm về sản phẩm và hoạt động của tập đoàn. (Điều 36 mục 1h Reg. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.19	<i>Với mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của tập đoàn, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nếu có, phải xác định tối thiểu xem: (a) các thủ tục dạng văn bản dành cho hệ thống kiểm soát nội bộ hệ thống kiểm soát hiện có tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong Quy định (EU) 2018/848; (EU) 2018/848 (Điều 2(2a) Quy định 2021/771)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.20	<i>Nhằm mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của một nhóm đơn vị, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nếu có, phải xác định tối thiểu liệu: (b) danh sách thành viên của nhóm đơn vị cùng với các thông tin yêu cầu của từng thành viên được cập nhật liên tục và phù hợp với phạm vi chứng chỉ; (Điều 2(2b) Quy định 2021/771)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.21	<i>Nhằm mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của một nhóm đơn vị, cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, tối thiểu phải xác định xem: (c) tất cả các thành viên trong nhóm thực thể đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều. 36 phần 1 thư (a), (b) và (e) của Quy định (EU) 2018/848 trong suốt quá trình họ tham gia vào nhóm các thực thể; (Điều 2(2c) Quy định 2021/771)</i>	<i>Thiếu tá Znac</i>

4.12.22	Với mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của một nhóm đơn vị, cơ quan có thẩm quyền hoặc khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận phải xác định ít nhất liệu: (d) số lượng, đào tạo và năng lực của thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ tương xứng và đầy đủ, hệ thống kiểm soát nội bộ của thanh tra viên không có xung đột lợi ích; (Điều 2(2d) Quy định 2021/771)	Lớn lao
4.12.23	Với mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của một nhóm đơn vị, cơ quan có thẩm quyền hoặc khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận phải xác định tối thiểu xem: (e) kiểm soát nội bộ của tất cả các thành viên trong nhóm các đơn vị và hoạt động của họ cũng như của các đơn vị hoặc cơ sở sản xuất, bao gồm cả trung tâm thu mua và trung tâm thu mua, đã được thực hiện ít nhất mỗi năm một lần và đã được ghi chép; (Điều 2(2e) Quy định 2021/771)	Lớn lao
4.12.24	Với mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của một nhóm đơn vị, cơ quan có thẩm quyền hoặc, khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận phải xác định ít nhất liệu: (f) thành viên mới hoặc thành viên mới các đơn vị sản xuất và hoạt động mới của các thành viên hiện tại, bao gồm cả việc mua và nhận các trung tâm mới, chỉ được chấp nhận sau khi được người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ phê duyệt trên cơ sở báo cáo kiểm soát nội bộ, phù hợp với các thủ tục dạng văn bản của hệ thống kiểm soát nội bộ. đã được giới thiệu; (Điều 2(2f) Quy định 2021/771)	Lớn lao
4.12.25	Vì mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của nhóm đơn vị, cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận, tối thiểu phải xác định xem: (g) người đứng đầu tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện các biện pháp thích hợp trong trường hợp không tuân thủ, bao gồm cả các hành động tiếp theo, theo các thủ tục dạng văn bản của hệ thống kiểm soát nội bộ đã được ban hành; (Điều 2(2g) Quy định 2021/771)	Lớn lao
4.12.26	Với mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của nhóm đơn vị, cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận, tối thiểu phải xác định xem: (h) báo cáo của người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ với cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm tra hoặc tổ chức chứng nhận là phù hợp và đầy đủ; (Điều 2 mục 2h của Quy định 2021/771)	Lớn lao
4.12.27	Với mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của tập đoàn, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nếu có, phải xác định ít nhất liệu: (i) khả năng truy xuất nguồn gốc nội bộ của tất cả các sản phẩm và thành viên của nhóm được đảm bảo bằng việc ước tính số lượng và kiểm tra chéo việc thực hiện của từng thành viên trong nhóm; (Điều 2(2i) Quy định 2021/771)	Lớn lao
4.12.28	Nhằm mục đích đánh giá việc thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của nhóm thực thể, cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận, tối thiểu phải xác định xem: (j) các thành viên của tổ chức nhóm thực thể được đào tạo phù hợp về các quy trình của hệ thống kiểm soát nội bộ và các yêu cầu của Quy định (EU) 2018/848. (Điều 2(2j) Quy định 2021/771)	Lớn lao
4.12.29	Trưởng phòng hệ thống kiểm soát nội bộ	
4.12.30	Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ: (i) xác minh tính đủ điều kiện của từng thành viên trong nhóm theo các tiêu chí nêu tại điểm (a), a), b) và e); Mục 1 Điều 1. 36 đăng ký. 2018/848) (Điều 36 mục 1h(i) Quy định 2018/848)	Lớn lao

4.12.31	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>(ii) đảm bảo sự tồn tại của thỏa thuận thành viên bằng văn bản và có chữ ký giữa mỗi thành viên và nhóm, theo đó các thành viên cam kết: (Điều 36(1h(ii)) Reg. 2018/848):</p> <ul style="list-style-type: none"> - tuân thủ các quy định của quy định này (Điều 36 mục 1h(ii) Quy định 2018/848) - tham gia hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ các quy trình của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ giao và nghĩa vụ ghi chép (Điều 36(1h(iii)) của Quy định 2018/848) - cho phép tiếp cận các đơn vị và cơ sở sản xuất và có mặt trong các cuộc thanh tra nội bộ do thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện và các hoạt động kiểm soát chính thức do cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận thực hiện, nếu có, cung cấp tất cả các tài liệu và hồ sơ cho họ và ký tiếp các báo cáo thanh tra (Điều 36(1h(ii)) Quy định 2018/848) - áp dụng và thực hiện các biện pháp trong trường hợp không tuân thủ theo quyết định của người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận trong một khoảng thời gian nhất định (Điều 36(1h(ii)) Quy định 2018/848) - thông báo ngay cho người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ về hành vi nghi ngờ không tuân thủ (Điều 36 mục 1h(ii) Quy định 2018/848) 	Lớn lao
4.12.32		
4.12.33		
4.12.34		
4.12.35		
4.12.36		
4.12.37	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:(iii) xây dựng các quy trình của hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như các tài liệu, hồ sơ liên quan, cập nhật và cung cấp cho các thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ và, nếu có, cho các thành viên nhóm (Điều 36(1h(iii)) của Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.12.38	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>(iv) lập danh sách thành viên nhóm và cập nhật danh sách đó (Điều 36(1h(iv)) Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.12.39	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>(v) phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ (Điều 36 mục 1h (v) Reg. 2018/848)</p>	Lớn lao
4.12.40	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>(vi) đóng vai trò là người liên lạc giữa các thành viên nhóm và cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu có, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận, bao gồm cả các yêu cầu vi phạm (Điều 36(1h(vi)) Reg. 2018/848)</p>	Lớn lao
4.12.41	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>(vii) hàng năm xác minh các tuyên bố về việc không có xung đột lợi ích của thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ (Điều 36 mục 1h (vii) Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.12.42	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>(viii) ấn định ngày kiểm tra và đảm bảo thực hiện đúng lịch trình của người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ nêu tại điểm (a). g) đoạn thứ hai, điểm (ii) (Điều 36(1h(viii)) Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao
4.12.43	<p>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ:</p> <p>(ix) đào tạo phù hợp cho các thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ và tiến hành đánh giá hàng năm về năng lực và trình độ của các thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ (Điều 36(1h(ix)) của Quy định 2018/848)</p>	Lớn lao

4.12.44	<i>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ: (x) phê duyệt thành viên mới hoặc đơn vị sản xuất mới hoặc hoạt động mới của thành viên hiện tại (Điều 36 mục 1h(x) Reg. 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.45	<i>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ: (xi) quyết định các biện pháp cần thực hiện trong trường hợp không tuân thủ các biện pháp của hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập trên cơ sở các thủ tục dạng văn bản theo điểm (a). g) và đảm bảo việc thực hiện các biện pháp này (Điều 36(1h(xi)) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.46	<i>Người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ: (xii) đưa ra quyết định về các hoạt động thầu phụ, bao gồm cả việc thầu phụ các nhiệm vụ của thanh tra viên hệ thống kiểm soát nội bộ và ký các hợp đồng hoặc lệnh phụ hợp (Điều 36(1h(xii)) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.47	<i>Người kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ:</i>	
4.12.48	<i>Người kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ: (i) thực hiện kiểm toán nội bộ các thành viên nhóm theo lịch trình và thủ tục do người đứng đầu hệ thống kiểm toán nội bộ trình bày (Điều 36(1h(i)) của Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.49	<i>Người kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ: (ii) chuẩn bị dự thảo báo cáo kiểm soát nội bộ theo mẫu và gửi cho người đứng đầu hệ thống kiểm soát nội bộ trong thời gian hợp lý (Điều 36(1h(ii)) của Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.50	<i>Người kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ: (iii) nộp tuyên bố bằng văn bản và có chữ ký về việc không có xung đột lợi ích tại thời điểm bổ nhiệm và cập nhật tuyên bố đó hàng năm (Điều 36(1h(iii)) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.12.51	<i>Người kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ: (iv) tham gia đào tạo (Điều 36 mục 1h(iv) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.13	<i>Các quy định bổ sung liên quan đến các hành động được thực hiện bởi các đơn vị và nhóm đơn vị</i>	
4.13.1		
4.13.2	<i>Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ được thiết lập trong Nghệ thuật. 15 của Quy định (EU) 2017/625, các đơn vị và nhóm đơn vị: (a) lưu giữ hồ sơ để chứng minh sự tuân thủ của họ với Quy định này; (Điều 39 mục 1a Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.13.3	<i>Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ được thiết lập trong Nghệ thuật. 15 của Quy định (EU) 2017/625, các thực thể và nhóm thực thể: (b) thực hiện mọi tuyên bố và trao đổi thông tin cần thiết cho mục đích kiểm soát chính thức; (Điều 39(1b) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.13.4	<i>Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ được thiết lập trong Nghệ thuật. 15 của Quy định (EU) 2017/625, các đơn vị và nhóm đơn vị: (c) thực hiện các biện pháp thiết thực phù hợp để đảm bảo tuân thủ Quy định này; (Điều 39(1c) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.13.5		
4.13.6	<i>Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ được thiết lập trong Nghệ thuật. 15 của Quy định (EU) 2017/625, các thực thể và nhóm thực thể: (d) cung cấp, dưới dạng tuyên bố được ký và cập nhật khi cần thiết: (i) mô tả đầy đủ về đơn vị sản xuất hoặc đơn vị sản xuất hữu cơ trong quá trình thời gian chuyển đổi và các hoạt động sẽ tiến hành được thực hiện theo Quy định này; (Điều 39(1d(i))Reg.2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>

4.13.7	Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ được thiết lập trong Nghệ thuật. Theo Điều 15 của Quy định (EU) 2017/625, các thực thể và nhóm thực thể: (d) đảm bảo, dưới hình thức một tuyên bố được ký và cập nhật khi cần thiết: (ii) các biện pháp thực tế thích hợp được thực hiện để đảm bảo tuân thủ Quy định này; (Điều 39(1d(ii)) Reg.2018/848)	Lớn lao
4.13.8	Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ được thiết lập trong Nghệ thuật. Theo Điều 15 của Quy định (EU) 2017/625, các thực thể và nhóm thực thể: (d) cung cấp, dưới dạng một tuyên bố sẽ được ký và cập nhật khi cần thiết: (iii) cam kết về: - thông báo cho người mua sản phẩm bằng văn bản và không chậm trễ quá mức, đồng thời trao đổi thông tin thích hợp với cơ quan có thẩm quyền hoặc, khi thích hợp, với cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, trong trường hợp có nghi ngờ hợp lý về việc không tuân thủ, nghi ngờ về việc không tuân thủ. sự tuân thủ không thể bị loại trừ hoặc phát hiện sự không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm, — chấp nhận chuyển giao tài liệu kiểm soát trong trường hợp có sự thay đổi về cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát hoặc, trong trường hợp rút khỏi sản xuất hữu cơ, việc lưu giữ tài liệu kiểm soát trong ít nhất 5 năm bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cuối cùng, - thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan hoặc cơ quan được chỉ định theo Điều 34 phần 4 trong trường hợp ngừng sản xuất hữu cơ, và — chấp nhận trao đổi thông tin giữa các cơ quan hoặc tổ chức này trong trường hợp các nhà thầu phụ được kiểm soát bởi các cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận khác nhau.. (Điều 39(1d(iii)) Reg.2018/848)	Lớn lao
4.14	Kiểm tra chứng từ thanh toán	
4.14.1	Việc kiểm tra truy xuất nguồn gốc phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ chứng khoán và hồ sơ tài chính: (a) tên và địa chỉ của nhà cung cấp và, nếu là các thực thể khác nhau, chủ sở hữu, người bán hoặc nhà xuất khẩu sản phẩm; (Điều 1(4a) Reg.2021/771)	Phê bình
4.14.2	Việc kiểm tra truy xuất nguồn gốc phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng các tài liệu thích hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (b) tên và địa chỉ của người nhận và, nếu là các tổ chức khác nhau, thì là người mua hoặc nhà nhập khẩu sản phẩm; (Điều 1(4b) Reg.2021/771)	Lớn lao
4.14.3	Việc kiểm tra truy xuất nguồn gốc phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng các tài liệu thích hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (c) giấy chứng nhận của nhà cung cấp theo Điều 35 mục 6 của Quy định (EU) 2018/848; (Điều 1(4c) Reg.2021/771)	Lớn lao
4.14.4	Việc kiểm tra truy xuất nguồn gốc phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu thích hợp, bao gồm hồ sơ chứng khoán và hồ sơ tài chính: (d) thông tin được đề cập tại điểm 2.1.1 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848; (Điều 1(4d) Reg.2021/771)	Znaczna Thiếu tá
4.14.5	Việc kiểm tra truy xuất nguồn gốc phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng các tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (e) nhận dạng lô hàng phù hợp. (Điều 1(4e) Reg.2021/771)	Lớn lao
4.14.6	Khi thích hợp, việc kiểm soát cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (a) loại và số lượng sản phẩm được giao cho đơn vị và, nếu có, nguyên liệu được mua và việc sử dụng những vật liệu đó và thành phần của sản phẩm, trong trường hợp thích hợp; (Điều 1(5a) Reg.2021/771)	Lớn lao
4.14.7	Khi thích hợp, việc kiểm soát cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu thích hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (b) loại và số lượng sản phẩm được bảo quản tại cơ sở; (Điều 1(5b) Reg.2021/771)	Lớn lao
4.14.8	Nếu có thể, việc kiểm soát cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng các tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ kiểm kê và hồ sơ tài chính: (c) loại và số lượng sản phẩm do đơn vị hoặc nhóm thực thể của đơn vị cấp cho cơ sở của người nhận hoặc của cơ sở đó. cơ sở lưu trữ; (Điều 1(5c) Reg.2021/771)	Lớn lao

4.14.9	<i>Nếu có thể, việc kiểm soát cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ chứng khoán và hồ sơ tài chính: (d) đối với các đơn vị mua và bán (các) sản phẩm mà không tiếp xúc vật lý với (các) sản phẩm, loại và số lượng sản phẩm đã được mua và bán, nhà cung cấp và nếu họ là các thực thể khác nhau thì người bán hoặc nhà xuất khẩu và người mua và nếu họ là các thực thể khác nhau thì người nhận; (Điều 1(5d) Reg.2021/771)</i>	<i>Phê bình</i>
4.14.10	<i>Khi thích hợp, việc kiểm soát cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu thích hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (e) sản lượng sản phẩm thu được, thu hoạch hoặc thu hoạch trong năm trước; (Điều 1(5e) Reg.2021/771)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.14.11	<i>Khi thích hợp, việc kiểm soát cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu thích hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (f) sản lượng thực tế của sản phẩm thu được, thu hoạch hoặc thu hoạch trong năm hiện tại; (Điều 1(5f) Reg.2021/771)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.14.12	<i>Khi thích hợp, việc kiểm tra cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ chứng khoán và hồ sơ tài chính: (g) số lượng hoặc trọng lượng trong trường hợp vật nuôi được nuôi trong năm hiện tại và năm trước; (Điều 1(5g) Quy định 2021/771)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.14.13	<i>Khi thích hợp, việc kiểm soát cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ tồn kho và hồ sơ tài chính: (h) mọi tổn thất, tăng hoặc giảm số lượng sản phẩm ở bất kỳ giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối nào; (Điều 1(5h) Quy định 2021/771)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.14.14	<i>Khi thích hợp, việc kiểm tra cân bằng khối lượng phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau được chứng minh bằng tài liệu phù hợp, bao gồm hồ sơ chứng khoán và hồ sơ tài chính: (i) sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi được bán trên thị trường dưới dạng phi hữu cơ. (Điều 1(5i) Reg.2021/771)</i>	<i>Người vị thành niên</i>
4.15	Xuất khẩu sản phẩm sinh thái	
4.15.1	<i>Một sản phẩm có thể được xuất khẩu từ Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ và mang logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu nếu tuân thủ các quy định về sản xuất hữu cơ theo Quy định này. (Điều 44(1) Quy định 2018/848)</i>	<i>Lớn lao</i>
4.16	Nhập khẩu sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển đổi	
4.16.1		

4.16.2	<p>Một sản phẩm có thể được nhập khẩu từ nước thứ ba để đưa vào thị trường Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi nếu đáp ứng ba điều kiện sau:</p> <p>a) sản phẩm là sản phẩm được đề cập trong Nghệ thuật. 2 phần 1; (Điều 45(1a) Quy định 2018/848)</p> <p>b) áp dụng một trong những điều sau: (Điều 45(1b) Quy định 2018/848)</p> <p>(i) sản phẩm tuân thủ các Chương II, III và IV của Quy định này và tất cả các đơn vị và nhóm thực thể được đề cập tại Điều 36, bao gồm cả các nhà xuất khẩu ở nước thứ ba có liên quan, đã được kiểm tra bởi các cơ quan kiểm soát hoặc các cơ quan kiểm soát được công nhận theo quy định của Quy định này. Điều 46 và đã được các cơ quan, tổ chức xác nhận rằng tất cả các nhà khai thác và nhóm các nhà khai thác và xuất khẩu tuân thủ các yêu cầu của Quy định này; (Điều 45 mục 1b(i) Quy định 2018/848) hoặc</p> <p>(ii) trong trường hợp sản phẩm có nguồn gốc từ nước thứ ba được công nhận theo Điều 47, sản phẩm này đáp ứng các điều kiện quy định trong hiệp định thương mại liên quan; (Điều 45 mục 1b(ii) Quy định 2018/848) hoặc</p> <p>(iii) nếu sản phẩm xuất xứ từ nước thứ ba được công nhận theo Điều 48, sản phẩm đó tuân thủ các quy định sản xuất và kiểm soát tương đương của nước thứ ba đó và đã được nhập khẩu có chứng nhận kiểm tra chứng nhận sự tuân thủ đó do cơ quan có thẩm quyền cấp. cơ quan, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của nước thứ ba đó; (Điều 45 mục 1b(iii) Quy định 2018/848) và</p> <p>(c) các nhà điều hành ở các nước thứ ba có thể bất kỳ lúc nào cung cấp cho các nhà nhập khẩu và cơ quan có thẩm quyền của Liên minh và các nước thứ ba đó những thông tin giúp nhận dạng các nhà cung cấp của họ và các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận của các nhà cung cấp đó, nhằm đảm bảo truy xuất nguồn gốc của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm có liên quan đến thời gian chuyển đổi. Thông tin này cũng được cung cấp cho cơ quan kiểm tra hoặc cơ quan chứng nhận của nhà nhập khẩu. (Điều 45(1c) Quy định 2018/848)</p>	Lào
4.16.3		
4.16.4		
4.16.5		
4.16.6		
4.16.7		
4.16.8		
4.16.9		
4.16.10	<p>Đối với mỗi lô hàng chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới, khoản 1 sẽ được áp dụng ngoài các yêu cầu về thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền tại các trạm kiểm tra biên giới về việc lô hàng đến theo Điều 56 đoạn 3 thư (a) Quy định (EU)) 2017/625</p>	Lào
4.16.11	<p>Thông báo trước theo đoạn 1 phải được thực hiện theo các yêu cầu về thời hạn tối thiểu được quy định trong Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1013(7).</p>	Lào
4.16.12		
4.16.13	<p>Nhà nhập khẩu và người nhận hàng đầu tiên hoàn thành giấy chứng nhận giám định tại TRACES như sau:</p> <p>ở ô 23 về thủ tục hải quan cụ thể, người nhập khẩu phải cung cấp tất cả thông tin trong TRACES, ngoại trừ thông tin liên quan đến việc xác minh do cơ quan có thẩm quyền thực hiện (Điều 4(1a) Reg. 2021/2307)</p>	Lào
4.16.14	<p>Nhà nhập khẩu và người nhận hàng đầu tiên hoàn thành giấy chứng nhận giám định tại TRACES như sau:</p> <p>tại ô 24 đối với người nhận hàng đầu tiên, nhà nhập khẩu cung cấp thông tin trong TRACES nếu thông tin đó chưa được cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ở nước thứ ba cung cấp trước khi xác minh lô hàng và phê duyệt Giấy chứng nhận kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền (Điều 4(1b) Reg.2021/2307)</p>	Lào

4.16.15	Nhà nhập khẩu và người nhận hàng đầu tiên hoàn thành giấy chứng nhận giám định tại TRACES như sau: Ô 31 về khai báo của người nhận hàng đầu tiên được người nhận hàng đầu tiên điền vào TRACES tại thời điểm nhận hàng sau khi được đưa vào lưu hành (Điều 4(1c) Reg. 2021/2307)	Lớn lao
4.16.16	Nếu quyết định được đưa ra liên quan đến lô hàng theo quy định tại Điều. 6 phần 3 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 quy định rằng lô hàng sẽ được thông quan để lưu thông tự do, nhà nhập khẩu phải cung cấp số chứng nhận kiểm tra trong tờ khai thông quan để lưu hành tự do nêu tại Điều. 158 phần 1 của Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu(8) (Điều 4(2) Quy định 2021/2307)	Lớn lao
4.16.17	Nếu một lô hàng được chia thành các lô khác nhau dưới sự giám sát hải quan và trước khi thông quan để lưu thông tự do theo Điều 6 phần B bằng cách vi phạm Điều 6 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306, nhà nhập khẩu phải hoàn thành và nộp bản trích lục của Giấy chứng nhận kiểm định qua TRACES cho từng lô hàng theo mẫu và ghi chú tại Phụ lục kèm theo Quy chuẩn này. Điều tương tự cũng được áp dụng nếu lô hàng được chia thành nhiều lô khác nhau theo Điều. 7 phần 3 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 sau khi xác minh và phê duyệt chứng chỉ kiểm tra (Điều 4(3) Quy định 2021/2307)	Lớn lao
4.16.18	Nếu một quyết định được đưa ra đối với một lô hàng được ghi trên bản trích từ giấy chứng nhận kiểm tra theo Điều 6, phần 6 và Điều. 7 phần 4 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 chỉ ra rằng lô hàng sẽ được xuất xưởng để lưu hành tự do, trong tuyên bố xuất xưởng để lưu hành tự do được đề cập trong Điều. 158 phần 1 của Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu, cung cấp số trích dẫn từ chứng nhận kiểm tra (Điều 4(3) Quy định 2021/2307)	Lớn lao
16.4.19	Khi nhận lô hàng, người nhận hàng điền vào ô 13 của bản trích xuất chứng nhận kiểm tra trong TRACES, xác nhận xem khi nhận lô hàng, bao bì hoặc thùng chứa và, nếu có, chứng nhận kiểm tra có tuân thủ điểm 6 của Phụ lục III của	Lớn lao
16.4.20	Quy định (EU) 2018/848 (Điều .4(3) Reg.2021/2307) Bản trích từ giấy chứng nhận kiểm tra phải được lập bằng ngôn ngữ chính thức hoặc một trong những ngôn ngữ chính thức của Quốc gia Thành viên nơi lô hàng sẽ được phép lưu hành tự do. Quốc gia Thành viên có thể đồng ý trích lục các chứng chỉ bằng ngôn ngữ chính thức khác của Liên minh và kèm theo bản dịch được chứng thực, nếu thích hợp (Điều 4(4) của Quy định 2021/2307)	Lớn lao
4.16.21	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát liên quan, người nhập khẩu, người nhận hàng đầu tiên hoặc người nhận hàng phải cung cấp giấy chứng nhận kiểm tra hoặc, nếu có, trích lục giấy chứng nhận kiểm tra mà họ có tên. (Điều 5 Quy định 2021/2307)	Lớn lao
4.16.22		
4.16.23	Trong trường hợp nhà nhập khẩu xuất trình một lô hàng để thông quan để lưu thông tự do, phải có bản mô tả đầy đủ về đơn vị sản xuất hoặc đơn vị sản xuất hữu cơ trong giai đoạn chuyển đổi và các hoạt động được đề cập tại Điều 39 phần 1 chữ cái (d) điểm (i) của Quy định (EU) 2018/848, bao gồm: (a) cơ sở; (Điều 6 a) Reg. 2021/2307)	Lớn lao
4.16.24	Trong trường hợp nhà nhập khẩu xuất trình một lô hàng để thông quan để lưu thông tự do, phải có bản mô tả đầy đủ về đơn vị sản xuất hoặc đơn vị sản xuất hữu cơ trong giai đoạn chuyển đổi và các hoạt động được đề cập tại Điều 39 phần 1 chữ cái (d) điểm (i) của Quy định (EU) 2018/848,	Lớn lao
4.16.25	bao gồm: (b) các hoạt động nêu rõ các điểm được phép lưu hành tự do trong Liên minh; (Điều 6 b) Reg. 2021/2307) Trong trường hợp nhà nhập khẩu xuất trình một lô hàng để thông quan để lưu thông tự do, phải có bản mô tả đầy đủ về đơn vị sản xuất hoặc đơn vị sản xuất hữu cơ trong giai đoạn chuyển đổi và các hoạt động được đề cập tại Điều 39 phần 1 chữ cái (d) điểm (i) của Quy định (EU) 2018/848, bao gồm: (c) bất kỳ cơ sở nào khác mà nhà nhập khẩu dự định sử dụng để lưu trữ các sản phẩm nhập khẩu đang chờ giao hàng cho người nhận hàng đầu tiên; và (Điều 6 c) Reg. 2021/2307)	Lớn lao
4.16.26	Trong trường hợp nhà nhập khẩu xuất trình một lô hàng để thông quan để lưu thông tự do, phải có bản mô tả đầy đủ về đơn vị sản xuất hoặc đơn vị sản xuất hữu cơ trong giai đoạn chuyển đổi và các hoạt động được đề cập tại Điều 39 phần 1 chữ cái (d) điểm (i) của Quy định (EU) 2018/848, bao gồm: (d) cam kết đảm bảo rằng mọi cơ sở được sử dụng để bảo quản sản phẩm nhập khẩu đều phải chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát hoặc, nếu các cơ sở đó nằm ở một Quốc gia Thành viên hoặc khu vực khác, bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận nhằm mục đích kiểm soát tại Quốc gia Thành viên hoặc khu vực đó. Đối với người nhận hàng và người nhận hàng đầu tiên, phần mô tả bao gồm các phương tiện được sử dụng để nhận và lưu trữ lô hàng. (Điều 6 d) Reg. 2021/2307)	Lớn lao

4.16.27	Giấy chứng nhận kiểm tra ở dạng giấy được phê duyệt có chữ ký viết tay theo quy định của Nghệ thuật. 11 phần 2 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 và bản trích từ chứng nhận kiểm tra ở dạng giấy được xác thực bằng chữ ký viết tay theo Nghệ thuật. 11 phần 5 của Quy định này đi kèm hàng hóa đến cơ sở của người nhận hàng hoặc người nhận hàng đầu tiên (Điều 7(1) Quy định 2021/2307)	Lón lao
4.16.28	Sau khi nhận được chứng nhận kiểm tra ở dạng giấy nêu tại phần 1, người nhận hàng đầu tiên phải kiểm tra xem thông tin trong chứng chỉ này có khớp với thông tin trong chứng chỉ này trong TRACES hay không. Nếu thông tin liên quan đến số lượng kiện hàng nêu tại ô 13 của giấy chứng nhận kiểm định hoặc thông tin trong hộp 16 và 17 của giấy chứng nhận đó không có trong giấy chứng nhận kiểm tra hoặc nếu thông tin này khác với thông tin trong giấy chứng nhận TRACES, người nhận hàng đầu tiên sẽ tính đến thông tin có trong chứng chỉ trong TRACES. (Điều 7(2) Quy định 2021/2307)	Lón lao
4.16.29	Sau khi kiểm tra theo mục 2, người nhận hàng đầu tiên ký tay vào giấy chứng nhận kiểm tra vào ô 31 và gửi giấy chứng nhận này cho nhà nhập khẩu ghi ở ô 12. (Điều 7(3) Quy định 2021/2307)	Lón lao
4.16.30	Người nhập khẩu phải giữ giấy chứng nhận kiểm tra ở dạng giấy nêu tại mục 3 để cơ quan kiểm tra hoặc tổ chức chứng nhận có thể kiểm tra trong thời gian ít nhất là hai năm. (Điều 7(4) Quy định 2021/2307)	Lón lao
4.16.31	Trong trường hợp bản trích lục giấy chứng nhận kiểm tra ở dạng giấy nêu tại mục 1, khi lô hàng được chấp nhận, người nhận sẽ ký tay vào bản trích lục giấy chứng nhận này vào ô 13. (Điều 7(5) Quy định 2021/2307)	Lón lao
4.16.32	Người nhận lô hàng giữ bản trích dẫn giấy chứng nhận kiểm tra ở dạng giấy nêu ở phần 5, để cơ quan kiểm tra hoặc cơ quan chứng nhận kiểm tra trong thời gian ít nhất là hai năm. (Điều 7(6) Quy định 2021/2307)	Lón lao
4.16.33	Người nhận hàng đầu tiên hoặc, nếu có, người nhập khẩu có thể sao chép giấy chứng nhận kiểm tra dưới dạng giấy nêu tại khoản 3, nhằm mục đích thông báo cho cơ quan kiểm soát và cơ quan chứng nhận theo Điều 3. 5. Tất cả các bản sao như vậy đều được đánh dấu "SAO CHÉP" dưới dạng in đề hoặc đóng dấu. (Điều 7(7) Reg.2021/2307)	Lón lao
4.16.34	Người nhận hàng hoặc, nếu có, người nhập khẩu có thể sao chép bản sao trích dẫn giấy chứng nhận kiểm tra ở dạng giấy nêu tại khoản 5, nhằm mục đích thông báo cho cơ quan kiểm soát và cơ quan chứng nhận theo Điều 3. 5. Tất cả các bản sao như vậy đều được đánh dấu "SAO CHÉP" dưới dạng in đề hoặc đóng dấu. (Điều 7(8) Quy định 2021/2307)	Lón lao
4.17	Thầu phụ	
4.17.1	Trước khi đưa bất kỳ sản phẩm nào ra thị trường dưới dạng "hữu cơ" hoặc "đang chuyển đổi" hoặc trước thời gian chuyển đổi, các thực thể và nhóm thực thể được đề cập trong Nghệ thuật. 36, sản xuất, chuẩn bị, phân phối hoặc lưu trữ các sản phẩm hữu cơ hoặc các sản phẩm đang chuyển đổi, người nhập khẩu hoặc xuất khẩu sản phẩm đó sang nước thứ ba hoặc đưa sản phẩm đó ra thị trường phải báo cáo hoạt động của mình cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên nơi hoạt động được thực hiện. hoạt động của họ và trong đó doanh nghiệp của họ phải tuân theo một hệ thống kiểm soát. (Điều 34(1) Quy định 2018/848)	Lón lao
4.17.2	Khi các thực thể hoặc nhóm thực thể ký hợp đồng phụ bất kỳ phần nào trong hoạt động của mình với bên thứ ba, thì cả các thực thể hoặc nhóm thực thể và bên thứ ba mà các hoạt động được ký hợp đồng phụ đều phải tuân thủ các đoạn văn. 1, trừ khi một thực thể hoặc một nhóm thực thể nhất định được tuyên bố trong thông báo được đề cập ở phần 1, trách nhiệm sản xuất hữu cơ đó vẫn là trách nhiệm của một thực thể hoặc nhóm thực thể nhất định và chưa được chuyển giao cho nhà thầu phụ. (Điều 34(3) Quy định 2018/848)	Lón lao
4.17.3	Các đơn vị, nhóm đơn vị và nhà thầu phụ lưu giữ tài liệu về các loại hoạt động khác nhau được thực hiện theo quy định này. (Điều 34(5) Quy định 2018/848)	Lón lao
4.18	Muối biển và các loại muối khác dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi	
4.18.1	Yêu cầu chung	

4.18.1.1	<i>Muối hữu cơ được sản xuất từ biển, từ mỏ muối mỏ, từ nước muối tự nhiên hoặc từ hồ muối. Nó không thể được sản xuất trong công nghiệp hóa chất, nhà máy khử muối, quá trình tuyển nổi kali hoặc bằng các phản ứng hóa học tổng hợp. (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.18.1.2	<i>Hoạt động được đặt ở những nơi không bị nhiễm bẩn bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ. (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.18.1.3	<i>Đơn vị nộp bản đánh giá tác động môi trường cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan chứng nhận. Nội dung đánh giá tác động môi trường dựa trên Phụ lục IV Chỉ thị 2011/92/EU của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu. (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.18.1.4	<i>Kỹ thuật sản xuất muối hữu cơ phải ngăn ngừa hoặc giảm thiểu mọi ô nhiễm môi trường và khi thích hợp sẽ góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững tài nguyên. (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.18.1.5	<i>Nhà sản xuất muối phải thiết lập và cập nhật các quy trình thích hợp dựa trên việc xác định một cách có hệ thống các bước chế biến quan trọng. Việc sử dụng các quy trình này đảm bảo muối luôn tuân thủ quy định này. (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.18.1.6	<i>Cơ sở sản xuất muối phải tôn trọng thời gian chuyển đổi ít nhất 2 năm trước khi sản xuất muối hữu cơ. Trong suốt thời gian chuyển đổi, áp dụng các quy định về sản xuất hữu cơ quy định tại Quy định 2018/848. (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Lớn lao
4.18.2	Yêu cầu chi tiết để sản xuất muối hữu cơ	
4.18.2.1		
4.18.2.1.1	<i>Các hành vi, xử lý và xử lý sau đây đều bị cấm: - khai thác muối mỏ bằng thuốc nổ (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4.18.2.1.2	<i>Các hành vi, xử lý và xử lý sau đây đều bị cấm: chiết xuất các dung dịch dưới lòng đất hoặc bằng cách hòa tan chúng trên bề mặt (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4.18.2.1.3	<i>Các hành vi, xử lý và xử lý sau đây đều bị cấm: - hiện đại hóa muối bằng tuyển nổi, tách tĩnh điện, tách nhiệt hoặc tách môi trường nặng (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4.18.2.1.4	<i>Các hành vi, xử lý và xử lý sau đây đều bị cấm: - kết tinh lại (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4.18.2.1.5	<i>Các hành vi, xử lý và xử lý sau đây đều bị cấm: - sấy muối trực tiếp bằng khí thải từ hệ thống dầu mỏ, gỗ và than (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4.18.2.1.6	<i>Các hành vi, xử lý và xử lý sau đây đều bị cấm: - sản xuất muối bay hơi nhân tạo trong chảo mở (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Quan trọng a
4.18.2.1.7	<i>Các hành vi, xử lý và xử lý sau đây đều bị cấm: - sử dụng tấm lót nhựa làm lớp tiếp xúc ở đáy ao bay hơi và kết tinh (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình
4.18.2.2	<i>Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến và các chất và thành phần khác không được sử dụng trong sản xuất muối, ngoại trừ iốt, chất này có thể được thêm vào nếu luật pháp quốc gia yêu cầu trực tiếp theo luật EU (Phụ lục II, một phần). VII của Quy định 2018/848)</i>	Phê bình

4.18.2.3 *Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được phê duyệt sử dụng trong sản xuất muối hữu cơ theo Điều 24 của Quy định 2018/848 (Phụ lục II, phần VII của Quy định 2018/848) mới được sử dụng để sản xuất muối.*

Phê bình